VIETBANK

VƯƠN TẦM KHÁT VỌNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

2007 - 2026

19 NĂM

VƯƠN TẦM KHÁT VỌNG

NỘI DUNG

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....06
Báo cáo của Ban Điều hành.....08

01

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VIETBANK

Thông tin chung.....14
Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi..... 16
Hành trình 19 năm.....20
Sơ đồ tổ chức.....22
Chính sách đối với người lao động.....24
Giới thiệu Ban Lãnh đạo..... 26
Sản phẩm dịch vụ.....34
Hệ thống mạng lưới.....38
Dấu ấn 2025.....40
Giải thưởng.....56
Hoạt động cộng đồng năm 2025.....58

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh.....64
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....66
Định hướng kinh doanh năm 2026.....67
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....68
Báo cáo của Ban Kiểm soát.....73
Thông điệp Tổng Giám đốc.....80

03

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về Ngân hàng.....82
Báo cáo của Ban Điều hành.....83
Báo cáo kiểm toán độc lập.....85
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất 86
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.....89
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.....90
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.....92
Danh sách mạng lưới 146

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác, Quý Khách hàng,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, song cũng mở ra những cơ hội mới cho các tổ chức tài chính có năng lực thích ứng và chuyển đổi. Trong hành trình đó, Vietbank đã nhận được sự tin tưởng, đồng hành quý báu của Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác, đây chính là nền tảng quan trọng giúp Ngân hàng không ngừng phát triển.

Thay mặt HĐQT, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và gắn bó của Quý vị trong suốt thời gian qua.

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục chịu tác động từ chính sách tiền tệ thắt chặt tại các nền kinh tế lớn, cùng với những rủi ro địa chính trị và biến động dòng vốn toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn duy trì được ổn định vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, ngành ngân hàng tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm áp lực kiểm soát chất lượng tài sản, cạnh tranh gia tăng và yêu cầu ngày càng cao về chuyển đổi số, quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế và phát triển tài chính bền vững.

Năm 2025 ghi dấu bước tiến quan trọng của Vietbank khi Ngân hàng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, đồng thời củng cố nền tảng tài chính và năng lực quản trị:

» **Vốn điều lệ đạt 10.769 tỷ đồng,** vượt kế hoạch và hoàn thành mục tiêu theo Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2021–2025;

» **Tổng tài sản đạt 196.771 tỷ đồng,** tăng 20,8% so với năm 2024. Dư nợ cấp tín dụng đạt 108.440 tỷ đồng, tăng 15,8% và sử dụng hiệu quả hạn mức được cấp. Huy động vốn đạt 125.095 tỷ đồng, tăng trưởng ổn định, đảm bảo cân đối nguồn vốn;

» **Lợi nhuận trước thuế đạt 1.532 tỷ đồng,** tăng 35,4% so với năm 2024, duy trì tăng trưởng mạnh trong 3 năm liên tiếp. **Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,76%,** đảm bảo an toàn hoạt động.

» Bên cạnh đó, Vietbank ghi nhận sự **tăng trưởng mạnh về số lượng khách hàng (+59,5%)** trong năm 2025, cùng với sự cải thiện tích cực của các hoạt động kinh doanh phi tín dụng như bảo hiểm và ngoại hối.

Trong năm 2025, Vietbank tập trung đầu tư vào các nền tảng cốt lõi, đẩy mạnh số hóa và phát triển kênh giao dịch đa nền tảng cho cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Ngân hàng đồng thời nâng cấp ứng dụng số với AI và tăng cường tự động hóa quy trình nhằm cải thiện trải nghiệm khách hàng và hiệu quả vận hành. Những bước đi này tạo nền tảng quan trọng cho chuyển đổi số và tái cấu trúc toàn diện trong giai đoạn tiếp theo.

Năm 2026 được xác định là giai đoạn bản lề trong hành trình tái cấu trúc toàn diện của Vietbank. HĐQT định hướng toàn hệ thống tập trung vào các trụ cột sau:

(i) Tái cấu trúc toàn diện và nâng cao năng lực quản trị: Hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng quản lý tập trung, triển khai phân tán. Nâng cao trách nhiệm cá nhân và hiệu quả thực thi;

(ii) Tăng trưởng gắn với hiệu quả và an toàn: Điều chỉnh danh mục tín dụng theo xu hướng dịch chuyển dòng tiền của nền kinh tế. Cải thiện NIM, tối ưu chi phí vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Tăng cường năng lực quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế (Basel III);

(iii) Đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển năng lực dữ liệu: Xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung. Tự động hóa quy trình và số hóa toàn diện vận hành. Phát triển năng lực công nghệ và kiến trúc hệ thống dài hạn;

(iv) Nâng cao năng lực cạnh tranh và trải nghiệm khách hàng: Phát triển sản phẩm theo nguyên tắc "đúng khách hàng - đúng nhu cầu". Tăng cường năng lực bán hàng và quản trị danh mục. Mở rộng hệ sinh thái thông qua Open API và hợp tác Fintech;

(v) Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa tổ chức: Xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, kỷ luật và chủ động. Thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và năng lực thực thi trong toàn hệ thống.

Vietbank tiếp tục kiên định với định hướng **tăng trưởng đi đôi với an toàn, hiệu quả và bền vững,** đồng thời đẩy mạnh triển khai các tiêu chuẩn ESG, nâng cao trách nhiệm xã hội và đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế.

Ngân hàng cam kết không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động nhằm mang lại giá trị bền vững cho Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác.

Một lần nữa, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác. HĐQT tin tưởng rằng, với sự quyết tâm và đồng lòng của toàn hệ thống, Vietbank sẽ tiếp tục đạt được những bước tiến vững chắc trong giai đoạn tới.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 2200269805-C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH

BỐI CẢNH KINH TẾ

Tình hình kinh tế thế giới:

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro bất định, chịu ảnh hưởng bởi lạm phát:

» Cuộc chiến thuế quan nổ ra gây ra những xáo trộn trong dòng chảy thương mại và dòng vốn đầu tư trên toàn cầu;

» Căng thẳng địa chính trị leo thang trong quan hệ giữa hai cường quốc số một thế giới Mỹ và Trung Quốc;

» Xung đột vũ trang diễn biến phức tạp ở Nga - Ukraine, Trung Đông;

» Rủi ro xung đột tiềm tàng ở Nam Mỹ và châu Á - Thái Bình Dương;

» Thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế - xã hội tại nhiều quốc gia;

Các yếu tố trên đã khiến sự dịch chuyển của bánh xe kinh tế toàn cầu vận hành chậm lại. Tuy nhiên, sự bùng nổ của công nghệ lại đang mở ra những động lực mới, góp phần tái định hình trật tự kinh tế thế giới. Dù tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu có xu hướng giảm xuống mức khoảng 2,8% - 3,2% trong năm 2025, nền kinh tế thế giới vẫn cho thấy khả năng chống chịu tốt trước những áp lực vĩ mô ngày càng lớn, ngay cả khi các nền kinh tế chủ chốt đang giảm tốc.

Tình hình kinh tế trong nước:

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự đồng hành của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ ngành và địa phương; sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ và toàn diện với mức tăng trưởng GDP ấn tượng khoảng 8,02%, vươn lên top 32 nền kinh tế lớn nhất thế giới:

» GDP năm 2025 tăng 8,02%, thuộc nhóm cao hàng đầu thế giới và là một trong những năm có tốc độ tăng cao nhất giai đoạn 2011 - 2025;

» Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu: 930,07 tỷ USD (tăng 18,2%), xuất khẩu đạt 475,06 tỷ USD (tăng 17%), nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD (tăng 19,4%) và xuất siêu 20,05 tỷ USD;

» Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm 2025 tăng 3,31%, lạm phát cơ bản tăng 3,21% đạt mục tiêu Quốc hội đề ra;

» Chỉ số giá USD bình quân năm 2025 tăng khoảng 3,92% - 3,94% so với năm trước;

» Tổng phương tiện thanh toán cuối năm 2025 tăng trưởng mạnh mẽ 14,98%, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng khoảng 14% so với năm trước;

» Tăng trưởng tín dụng cuối năm 2025 đạt 19,01% với quy mô 18,58 triệu tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế.

Đồng thời thường xuyên chỉ đạo tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các giải pháp khác để phấn đấu hạ lãi suất cho vay; sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Kết quả là mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục có xu hướng giảm, doanh nghiệp và người dân được tiếp cận vốn vay với lãi suất thấp hơn trước đây.

VIETBANK NỖ LỰC HOÀN THÀNH TỐT NHẤT KẾ HOẠCH NĂM 2025

Năm 2025, nền kinh tế và ngành ngân hàng Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách nhưng Vietbank vẫn có mức tăng trưởng ấn tượng.

Nhờ có những quyết sách chủ động và linh hoạt; đồng thời cải tiến sản phẩm dịch vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện năng suất lao động; đầu tư công nghệ và AI; nâng cao thị phần theo xu hướng tăng trưởng an toàn có chọn lọc, không ngừng tăng trưởng về quy mô; tuân thủ các chỉ số an toàn của Ngân hàng Nhà nước, quy định của pháp luật có liên quan, Vietbank đã đạt được kết quả kinh doanh đầy khởi:

» **Lợi nhuận trước thuế** năm 2025 **đạt 1.532 tỷ đồng, tăng 35,4%** so với năm 2024 và hoàn thành 87,5% kế hoạch do HĐQT giao.

» **Tổng tài sản đạt 196.771 tỷ đồng, tăng trưởng 20,8%** so với đầu năm và **hoàn thành 109%** kế hoạch. Cấu trúc danh mục tài sản tiếp tục được cơ cấu theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời và luôn duy trì ở mức 96%.

» Tổng dư nợ cấp tín dụng đạt 108.440 tỷ đồng, tăng 15,8% và hoàn thành 96,8% kế hoạch. Mức tăng trưởng tín dụng được kiểm soát trong hạn mức cho phép của NHNN.

» Tổng **huy động vốn đạt 125.095 tỷ đồng, tăng 11,2%** và hoàn thành 94,8% kế hoạch. Cơ cấu nguồn vốn luôn đa dạng, đảm bảo tính ổn định, an toàn thanh khoản, chi phí vốn ở mức hợp lý.

» **Vốn điều lệ** của Vietbank **tăng trưởng ấn tượng gần 50,8%** trong năm 2025 **(từ 7.139 tỷ đồng lên 10.769 tỷ đồng)** và hoàn thành vượt kế hoạch đề ra (108%).

» Trong năm 2025, Vietbank luôn đảm bảo các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. **Tỷ lệ nợ xấu** theo Thông tư 31 của NHNN là **1,76%; Hệ số an toàn vốn CAR** là **13,42%.**

» Bên cạnh đó, Vietbank đang xây dựng kế hoạch chuyển niêm yết từ UPCOM sang HOSE, dự kiến hoàn tất chậm nhất trong Quý II/2026. Việc chuyển niêm yết này mang ý nghĩa như một bước nâng tầm toàn diện về chuẩn mực minh bạch và quản trị, giúp cổ phiếu Vietbank mở rộng khả năng tiếp cận dòng vốn từ các nhà đầu tư tổ chức, khối ngoại và các quỹ đầu tư, qua đó cải thiện thanh khoản trên thị trường và nâng cao các chỉ số định giá P/B, P/E.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Dự báo kinh tế vĩ mô năm 2026:

Triển vọng kinh tế Việt Nam:

» Kinh tế Việt Nam được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng cao ở mức trên 10% nhưng phải đối mặt với các bài toán phức tạp về điều hành vĩ mô. NHNN chịu áp lực từ nhiều mặt: cố gắng giữ mặt bằng lãi suất ở mức thấp để đảm bảo tăng trưởng nhưng có nhiệm vụ giữ lạm phát ở mức 4,5%, bảo đảm tỷ giá không quá biến động.

» Tăng trưởng GDP hai con số của Việt Nam năm 2026 là mục tiêu tiên quyết trong năm đầu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 14, tuy nhiên việc đẩy chỉ tiêu tăng trưởng lên cao sẽ tác động bất lợi đến nhiều chỉ tiêu vĩ mô khác. Nhằm mục tiêu bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô có thể tại một vài thời điểm/giai đoạn trong năm 2026, khả năng cao chính sách tiền tệ sẽ được điều hành theo hướng "thận trọng/khá thận trọng", điều này có thể ảnh hưởng lớn đến hệ thống ngân hàng nói chung và Vietbank nói riêng.

» Xu hướng lãi suất và tỷ giá:

- Lãi suất vẫn chịu nhiều áp lực tăng do lạm phát kỳ vọng vẫn ở mức cao, tăng trưởng huy động 2025 của hệ thống ngân hàng vẫn còn hụt 600.000 tỷ so với tăng trưởng cho vay, không còn nhiều dư địa cầm cố TPCP để vay OMO.
- Dự báo tỷ giá USD/VND sẽ tăng xấp xỉ mức lạm phát mục tiêu, khoảng 4,5%.

» Chính sách tài khóa: Với bội chi ngân sách dự kiến ở mức 4,5% - 5,0% GDP, Chính phủ sẽ tăng cường phát hành TPCP. Điều này sẽ đẩy lợi suất TPCP tham chiếu nhích dần lên vùng 4% - 4,5%, tạo mặt bằng lãi suất cao hơn cho toàn thị trường.

Ngành ngân hàng Việt Nam:

» Ngành ngân hàng được dự báo tiếp tục tăng trưởng tín dụng (khoảng 16%) và lợi nhuận (15 - 20%), nhưng môi trường hoạt động sẽ trở nên thách thức hơn đáng kể.

» Rủi ro trọng yếu về thanh khoản: Bên cạnh rủi ro nợ xấu từ bất động sản, thanh khoản hệ thống sẽ chịu áp lực lớn. Các chính sách mới về thị trường vàng, tài sản mã hóa, cho vay ngang hàng (P2P) và sự phục hồi của kênh bất động sản sẽ hút một lượng vốn lớn, tạo ra cuộc cạnh tranh gay gắt về nguồn huy động và đẩy chi phí vốn lên cao.

» Môi trường pháp lý và quản lý:

- Hạn mức tín dụng: nhiều khả năng vẫn được duy trì trên thực tế trong suốt năm 2026 như một công cụ điều hành vĩ mô.
- Yêu cầu tái cơ cấu: dự báo đầu năm 2026, các chính sách mới dự kiến sẽ tập trung vào việc tái cơ cấu các NHTM, với yêu cầu trọng tâm là tăng vốn chủ sở hữu và quy mô tổng tài sản.

» Xu hướng "Phân hóa lớn": Sự khác biệt giữa các nhóm ngân hàng sẽ ngày càng rõ nét. Các ngân hàng lớn, có vốn hóa tốt sẽ củng cố vị thế. Trong khi đó, các ngân hàng nhỏ hơn sẽ đối mặt áp lực kép: biên lợi nhuận (NIM) bị thu hẹp và bị tụt lại trong cuộc đua chuyển đổi số.

Chỉ tiêu Vĩ mô	Dự báo năm 2026	Phân tích tác động đến Ngành ngân hàng
Tăng trưởng GDP	10% hoặc cao hơn, chủ yếu dựa vào đầu tư công.	» Tích cực: Tạo ra nhu cầu tín dụng lớn; » Thách thức: Rủi ro tín dụng tập trung vào các ngành xây dựng, bất động sản, thương mại và dịch vụ.
Lạm phát (CPI)	Áp lực lạm phát cao, mục tiêu kiểm soát quanh mức 4,5%.	» Nếu lạm phát tăng nhanh, NHNN có thể phải điều chỉnh tăng lãi suất điều hành hoặc hút bớt VND ra khỏi hệ thống.
Mặt bằng lãi suất	Lãi suất huy động và cho vay có xu hướng tăng rõ rệt.	» Lãi suất huy động tăng làm tăng chi phí vốn đầu vào của toàn ngành. » Biên lãi ròng (NIM) chịu áp lực co hẹp mạnh mẽ. » Rủi ro tín dụng gia tăng do khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm.
Tỷ giá và môi trường Quốc tế	Tỷ giá USD/VND dự báo tăng ~4,5% do đồng USD duy trì sức mạnh, Fed (Cục Dự trữ Liên bang) neo lãi suất cao.	» Tăng chi phí các nguồn vốn huy động bằng ngoại tệ. » Rủi ro cho các khách hàng doanh nghiệp có dư nợ ngoại tệ lớn, ảnh hưởng đến chất lượng tài sản của ngân hàng
Hạn mức tín dụng	Định hướng gỡ bỏ, nhưng khả năng cao vẫn sẽ được duy trì trong năm 2026, thực tế room tín dụng có thể xem như là một công cụ điều hành mạnh mẽ của NHNN.	» Hạn chế khả năng tăng trưởng đột phá, đòi hỏi các ngân hàng phải tập trung vào tăng trưởng có chọn lọc và hiệu quả. » Gây khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn.
Môi trường pháp lý & quản lý	Dự báo, sẽ có yêu cầu quyết liệt hơn về tái cơ cấu và tăng cường sức khỏe hệ thống Ngân hàng.	» Áp lực bắt buộc phải tăng vốn chủ sở hữu và quy mô Tổng tài sản. » Xu hướng sáp nhập, hợp nhất (M&A) trong ngành có thể gia tăng.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Vietbank

Định hướng chung

Để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng bền vững và khẳng định vị thế trong quá trình tái cơ cấu ngành ngân hàng, Vietbank tập trung triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Nâng cao năng lực tài chính và đảm bảo an toàn hoạt động

Vietbank xác định việc tăng vốn điều lệ là nhiệm vụ tiên quyết nhằm nâng cao hệ số an toàn vốn (CAR), tạo dư địa cho tăng trưởng tín dụng và gia tăng năng lực chống chịu trước các biến động thị trường. Đây là nền tảng cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược dài hạn.

Tối ưu hóa chi phí vốn thông qua đột phá CASA

Lấy chuyển đổi số làm đòn bẩy, Vietbank tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng và đa dạng hóa hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ số. Mục tiêu chiến lược là tạo bước tăng trưởng đột phá về tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn (CASA), giúp tối ưu hóa cấu trúc nguồn vốn và tiết giảm chi phí hoạt động.

Đổi mới sản phẩm theo định hướng khách hàng làm trọng tâm

Thay vì phương thức tiếp cận truyền thống, Vietbank chuyển dịch sang mô hình thiết kế giải pháp tài chính chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Các sản phẩm tín dụng được xây dựng trên nguyên tắc "đúng đối tượng - đúng nhu cầu", đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả cho khách hàng.

Linh hoạt trong quản trị rủi ro và mở rộng thị trường

Xây dựng khung quản trị rủi ro hiện đại, linh hoạt nhưng chặt chẽ. Vietbank chủ động thay đổi khẩu vị rủi ro để thích ứng với điều kiện mới, nhạy bén nắm bắt cơ hội tại các phân khúc thị trường tiềm năng và các lĩnh vực kinh tế mới bên cạnh các mảng kinh doanh truyền thống.

Khẳng định cam kết và đồng hành cùng định hướng ngành

Chủ động trong công tác báo cáo và truyền thông chiến lược tới Ngân hàng Nhà nước cùng các cơ quan quản lý. Vietbank cam kết thể hiện rõ vai trò tích cực và trách nhiệm trong lộ trình tái cơ cấu hệ thống, góp phần vào sự ổn định và phát triển chung của toàn ngành tài chính - ngân hàng.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

ĐVT: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2025	Kế hoạch Năm 2026	Mức tăng so với Năm 2025	Tỷ lệ tăng so với Năm 2025
Tổng tài sản	196.771	230.000	33.229	16,9%
Tổng dư nợ cấp tín dụng	108.440	134.000 (*)	25.560	23,6%
Tổng huy động vốn	125.095	155.000	29.905	23,9%
Lợi nhuận trước thuế	1.532	2.100	568	37,1%
Số lượng khách hàng	274.287	437.600	163.313	59,5%
Tỷ lệ nợ xấu	1,76%	≤ 2,5%		Tuân thủ
Chỉ số CIR	47,72%	≤ 42%		
Chỉ số ROE	11,45%	≥ 13,5%		

Ghi chú: (*) Kế hoạch tăng trưởng tín dụng của Vietbank, thực tế trong năm 2026 sẽ điều chỉnh phù hợp với hạn mức tín dụng được NHNN cấp, căn cứ theo công văn 11686/NHNN-CSTT ngày 31/12/2025 hoặc

GIỚI THIỆU
TỔNG QUAN VIETBANK

THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt:	**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
Tên tiếng Anh:	**VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
Tên viết tắt:	**VIETBANK**
Trụ sở chính:	**47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ**
Văn phòng TP.HCM:	**62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP.HCM**
Hotline:	**1800 1122**
Email:	**vietbank@vietbank.com.vn**
Website:	**www.vietbank.com.vn**
Mã cổ phiếu:	**VBB**
Sàn niêm yết:	**UPCOM**

VỐN ĐIỀU LỆ

10.769

TỶ ĐỒNG

NHÂN SỰ

3.060

CÁN BỘ NHÂN VIÊN

(Cập nhật tại ngày 31/12/2025)

MẠNG LƯỚI

132

TRUNG TÂM KINH DOANH
30 Chi nhánh & 102 Phòng giao dịch trên toàn quốc

TẦM NHÌN
SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, hoạt động theo phương châm: "TĂNG TRƯỞNG - AN TOÀN - HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG".

SỨ MỆNH

Tối ưu hoá mọi mặt hoạt động nhằm mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, đối tác, nhà đầu tư và đội ngũ CBNV. Tích cực đóng góp và đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực: luôn hành động trung thực, minh bạch, công bằng và nhất quán giữa lời nói và hành động; luôn giữ lời hứa, tuân thủ các quy định và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; đặt lợi ích khách hàng, Ngân hàng lên trên lợi ích cá nhân; kiên quyết nói không với gian lận và xung đột lợi ích.

Hiệu quả: tối ưu nguồn lực và quy trình để đạt được kết quả cao, đúng tiến độ; nâng cao chất lượng dịch vụ và mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và Ngân hàng.

Am hiểu: hiểu rõ nhu cầu khách hàng, sản phẩm, quy trình nghiệp vụ, bối cảnh thị trường và quy định pháp luật để tư vấn đúng, làm đúng và ra quyết định đúng.

Tuân thủ: chấp hành nghiêm quy định pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và các quy chế, quy trình nội bộ của Ngân hàng, đảm bảo an toàn hệ thống và quản trị rủi ro trong mọi hoạt động.

19 NĂM

Trải qua 19 năm hình thành và phát triển, Vietbank từng bước khẳng định vị thế trên thị trường tài chính, tích lũy nền tảng vững chắc và nội lực bền bỉ.
Trên cơ sở đó, Vietbank tiếp tục "Vươn tầm khát vọng", sẵn sàng bứt phá trong giai đoạn phát triển mới.

19 NĂM

HÀNH TRÌNH

KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

19 năm xây dựng và phát triển của Vietbank là những dấu son rực rỡ cho triết lý kinh doanh trên nền tảng của chữ TÍN, đúng như tên gọi Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

2007

Ngày **02/02/2007**, Vietbank được thành lập tại Sóc Trăng với số vốn điều lệ ban đầu **200 tỷ đồng**.

2009

Vietbank tăng tốc phát triển hệ thống mạng lưới TTKD trên toàn quốc.

2013

Tòa nhà **Vietbank tại Hà Nội** chính thức đi vào hoạt động, đánh dấu bước phát triển quan trọng của Vietbank tại khu vực miền Bắc.

2015

Vietbank khánh thành **trụ sở tại Tp.HCM** với tổng diện tích trên 15.000 m2, đồng thời phát triển nhiều TTKD tại miền Trung, Tây Nguyên, miền Tây, Đông Nam Bộ.

2017

Vietbank nâng cấp hệ thống Core Banking với ngân sách đầu tư trên 4 triệu USD. Vốn điều lệ tăng lên **3.249 tỷ đồng.**

2019

Mã chứng khoán VBB chính thức được giao dịch, đồng thời Vietbank chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi và **mở mới thêm 18 TTKD**. Vốn điều lệ tăng lên **4.190 tỷ đồng**.

2020

Trong điều kiện khó khăn của đại dịch Covid-19, Vietbank vẫn **mở mới thêm nhiều TTKD** trên toàn quốc.

2021

Vietbank đã **đóng góp hàng trăm tỷ đồng** cho công tác phòng chống dịch trên cả nước và hàng ngàn tỷ đồng để triển khai các chính sách giảm phí, giảm lãi suất, giãn lịch trả nợ vay... hỗ trợ khách hàng. Vốn điều lệ tăng lên **4.777 tỷ đồng**.

2022

Vietbank ghi dấu ấn với nhiều thành tựu: tổng tài sản trên 110.000 tỷ đồng, nguồn nhân lực gần **2.600 CBNV** và mạng lưới **118 TTKD** trên toàn quốc.

2023

Vietbank được các tổ chức uy tín vinh danh: Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á, Thương hiệu mạnh - Phát triển bền vững, Top 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam & Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam, Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng, Top 10 dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng, Top 10 Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam 2023, Excellence in Innovation... Các giải thưởng này tiếp tục là minh chứng cho sự tín nhiệm của khách hàng, đối tác, cổ đông dành cho Vietbank.

2024

Tổng tài sản 162.855 tỷ đồng. Vốn điều lệ 7.139 tỷ đồng. Nguồn nhân lực gần **3.000 CBNV** và mở thêm mới 14 điểm giao dịch, nâng tổng mạng lưới ngân hàng lên **132 TTKD** trên toàn quốc.

2025

Tổng tài sản 196.771 tỷ đồng. Vốn điều lệ tăng lên **10.769 tỷ đồng.**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC HỘI ĐỒNG/ỦY BAN THUỘC HĐQT
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN ĐIỀU HÀNH (TỔNG GIÁM ĐỐC)
KHỐI BÁN LẺ
KHỐI DOANH NGHIỆP
KHỐI THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH
KHỐI THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT
KHỐI VẬN HÀNH
KHỐI TÀI CHÍNH
KHỐI NGUỒN NHÂN LỰC
KHỐI HỖ TRỢ KINH DOANH
KHỐI QUẢN LÝ RỦI RO
KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRUNG TÂM ĐỊNH GIÁ
TRUNG TÂM XỬ LÝ NỢ
KHU VỰC
TRUNG TÂM KINH DOANH (CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH)

CHÍNH SÁCH
ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động và ngành Tài chính – Ngân hàng đối mặt với không ít thách thức, Vietbank luôn kiên định với quan điểm **con người là yếu tố vô cùng quan trọng, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của tổ chức.** Ngân hàng không ngừng duy trì và hoàn thiện các chính sách phúc lợi, đãi ngộ nhằm chăm lo toàn diện cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc ổn định, an toàn và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ nhân viên (CBNV) phát huy năng lực, gắn bó lâu dài cùng Tổ chức.

Chính sách an toàn, sức khỏe và phúc lợi cho người lao động

Vietbank tuân thủ nghiêm các qui định của phát luật về Lao động. Bên cạnh các chế độ bảo hiểm theo qui định như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động theo Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể,...Ngân hàng còn triển khai các chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung như Vietbank Cares, bảo hiểm tai nạn cho CBNV nhằm tăng cường sự bảo vệ và giúp người lao động yên tâm công tác.

Vietbank chú trọng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động thông qua nhiều chương trình phúc lợi như khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ nghỉ mát (team building), các khoản hỗ trợ và khen thưởng vào các dịp lễ, tết,... chính sách thưởng thâm niên cho CBNV có thời gian gắn bó lâu dài tại Vietbank. Những chính sách này góp phần tạo động lực cho CBNV, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo môi trường làm việc gắn kết cho CBNV.

Chế độ lương, thưởng, cơ hội thăng tiến và các chế độ khác

Vietbank áp dụng cơ chế lương, thưởng và phúc lợi linh hoạt, gắn với hiệu quả công việc và mức độ đóng góp của từng cá nhân, đơn vị. Các chính sách đãi ngộ được xây dựng theo hướng cạnh tranh, minh bạch, phù hợp với thị trường lao động nhằm thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao, phù hợp với tổ chức.

Ngân hàng đồng thời triển khai các chương trình khen thưởng và ghi nhận kịp thời đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho hoạt động kinh doanh và phát triển của Ngân hàng. Song song, Vietbank xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến rõ ràng cho từng chức danh, tạo điều kiện để CBNV có định hướng phát triển năng lực, nâng cao giá trị bản thân và gắn bó lâu dài với tổ chức.

Ngoài các chế độ lương, thưởng và phúc lợi, Vietbank còn triển khai các gói tín dụng với lãi suất ưu đãi dành riêng cho cán bộ nhân viên. Mức lãi suất ưu đãi được xem xét và điều chỉnh phù hợp trên cơ sở kết quả đánh giá hiệu quả công việc, qua đó khuyến khích tinh thần nỗ lực và ghi nhận xứng đáng đối với những cá nhân có đóng góp nổi bật cho Ngân hàng.

VIETBANK

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **DƯƠNG NHẤT NGUYÊN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Keller Graduate School of Management - Đại học DeVry (Hoa Kỳ)

Quá trình công tác

- Ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh - tài chính - ngân hàng. Trước khi gia nhập Vietbank, ông từng giữ các vị trí điều hành, quản lý tại nhiều doanh nghiệp.
- Ông tham gia Ban Điều hành Vietbank từ tháng 01/2013 với vị trí Phó Tổng Giám đốc.
- Từ năm 2013 đến trước ngày 26/4/2021, ông trải qua các vị trí quản trị, điều hành tại Vietbank: Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) kiêm Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT Vietbank nhiệm kỳ 2016 - 2020. Ngoài ra, ông còn là Trưởng Ban chỉ đạo các dự án chuyển đổi của Vietbank như: Dự án tiền lương, Dự án tái định vị thương hiệu, Dự án Core banking, Dự án Ngân hàng số...
- Từ ngày 26/4/2021 đến nay, ông là Chủ tịch HĐQT Vietbank nhiệm kỳ 2021 – 2025, Trưởng ban - Ủy ban Chiến lược và Chuyển đổi, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự thuộc HĐQT Vietbank.

Ông **NGUYỄN HỮU TRUNG**

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT độc lập

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Toronto (Canada)

Quá trình công tác

- Ông đã từng đảm nhận nhiều vị trí quản lý, điều hành tại các tổ chức tài chính lớn như: Giám đốc Bank of Montreal (Canada), Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardins (Canada), Cố vấn tài chính Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA), Thành viên Ban dự án Brass - hỗ trợ Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai chương trình giám sát từ xa về Basel 2 cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.
- Từ ngày 26/04/2021 đến nay, ông là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT độc lập của Vietbank nhiệm kỳ 2021 – 2025; Trưởng ban Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc HĐQT Vietbank.

Bà **QUÁCH TỐ DUNG**

Thành viên HĐQT

Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế TP.HCM

Cử nhân Chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia TP.HCM

Quá trình công tác

- Trước khi gia nhập Vietbank, bà từng đảm nhiệm một số vị trí quan trọng như: Phó Chủ tịch UBND Quận 11 TP.HCM, Phó Giám đốc thường trực Sở Công Thương TP.HCM...
- Bà là Thành viên HĐQT Vietbank nhiệm kỳ 2016 - 2020 và tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 bà tiếp tục được bầu là Thành viên HĐQT Vietbank nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Bà **LÊ THỊ XUÂN LAN**

Thành viên HĐQT

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và quản lý tại nhiều doanh nghiệp, từng đảm nhận vị trí kế toán trưởng tại: Công ty Đại Hồng Phát, Công ty Đại Đông Nguyên, Công ty CP Đầu tư phát triển Hoa Lâm, Công ty TNHH TMDV Chợ Đũi.
- Bà từng giữ vai trò Trưởng Ban Kiểm soát Vietbank nhiệm kỳ 2016 - 2020.
- Từ ngày 26/4/2021 đến nay, bà là Thành viên HĐQT Vietbank nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Bà **LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG**

Thành viên HĐQT

Cử nhân Kinh tế

Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Quá trình công tác

- Bà có 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, bất động sản, ngân hàng và đảm nhận nhiều vị trí quản lý như: Trưởng phòng Kế toán, Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm, Trưởng đại diện của Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh, Phó Giám đốc Truyền thông Marketing, Phó văn phòng Khu vực miền Bắc Vietbank.
- Từ ngày 26/4/2021 đến nay, bà là Thành viên HĐQT Vietbank nhiệm kỳ 2021 – 2025.

BAN KIỂM SOÁT

1

Ông **HỨA NGỌC NGHĨA**

Trưởng Ban Kiểm soát

Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác

- Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng: kế toán, kiểm toán, tín dụng và đảm nhận qua nhiều vị trí khác nhau tại TCTD.
  - » Tổ trưởng tổ kiểm toán nội bộ, chuyên viên VP HĐQT, nhân viên kiểm toán nội bộ.
  - » Phó kiểm toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Hiện ông là Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank).

2

Ông **MẠC HỮU DANH**

Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát

Cử nhân Kinh tế - Trường Cao cấp Ngân hàng TP HCM

Cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Quá trình công tác

- Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức sau:
  - » Phó Phòng đối ngoại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Hồ Chí Minh
  - » Trưởng Phòng thanh toán và chuyển ngân Ngân hàng Deutsche - CN HCM.
  - » Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).
  - » Phó Tổng Giám đốc Công ty chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - SBS.
  - » Thành viên Ban Kiểm soát ngân hàng Hong Leong Vietnam.
  - » Phó Ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank).
- Hiện Ông đang là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank).

3

Bà **NGUYỄN ĐỖ XUÂN DUNG**

Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát

Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật - Đại học Kinh tế TP HCM

Quá trình công tác

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính và từng công tác tại Ban Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank).
- Hiện Bà đang là thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank).

BAN ĐIỀU HÀNH

Bà **TRẦN TUẤN ANH**

Tổng Giám đốc (*)

Thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật kinh tế - Trường Đại học Luật TP. HCM

Cử nhân Tài chính - Tín dụng - Đại học Ngân hàng TP.HCM

Quá trình công tác

- Với hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, Bà Trần Tuấn Anh đã từng đảm nhiệm các vị trí từ quản lý đến điều hành, quản trị tại các ngân hàng như: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Quyền Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc tại KienlongBank; Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Pháp chế BVBank; Phó Phòng Dịch vụ Địa ốc, Trưởng Ban Pháp chế HDBank; Trợ lý Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vietbank.
- Từ ngày 14/8/2023, Bà Trần Tuấn Anh đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Vietbank.
- *(*) Bà từ nhiệm tại Vietbank từ ngày 02/02/2026.*

Ông **NGUYỄN TIẾN SỸ**

Phó Tổng Giám đốc (*)

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Griggs (Hoa Kỳ)

Quá trình công tác

- Ông có hơn 17 năm đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và nhiều năm kinh nghiệm điều hành, quản lý cấp cao tại các tổ chức, tập đoàn đa quốc gia. Ông là giảng viên thỉnh giảng tại nhiều trường Đại học và cũng là Chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực đầu tư, tài chính, bất động sản.
- Từ tháng 03/2021, Ông gia nhập Vietbank với vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác đối ngoại và chăm sóc khách hàng ưu tiên.
- *(*) Ông từ nhiệm tại Vietbank từ ngày 02/02/2026.*

Bà **PHẠM THỊ MỸ CHI**

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng (*)

Cử nhân Tài chính - Tín dụng - Đại học Ngân hàng TP.HCM

Quá trình công tác

- Bà có hơn 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, kế toán tài chính; đã đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng tại KienlongBank; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán Tài chính BVBank; Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng tại HDBank.
- Từ tháng 06/2024 Bà gia nhập Vietbank và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng, được phân công phụ trách chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ nội bộ và công tác kế toán toàn hàng.
- *(*) Từ tháng 06/2025, bà từ nhiệm vị trí Kế toán trưởng Vietbank, đến 07/2025 bà từ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank*

Ông **PHẠM DANH**

Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Tài chính, tiền tệ, tín dụng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác

- Ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tín dụng và Vietbank.
- Tại Vietbank, từ vị trí Phó Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh, ông đã đưa Phòng giao dịch Vạn Hạnh phát triển thành Chi nhánh Sài Gòn.
- Tháng 11/2017, ông được HĐQT Vietbank bổ nhiệm giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn.
- Trong quá trình công tác, ông tiếp tục được giao đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý như Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Hồ Chí Minh 2, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Vùng TP. Hồ Chí Minh 2 và Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực 4.
- Từ tháng 02/2026 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank.

Ông **LÊ THANH QUÝ NGỌC**

Phó Tổng Giám đốc (*)

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (cấp quản lý) - Trường Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam;

Cử nhân - Đại học Monash – Úc

(*) Từ tháng 02/2026 đến nay, ông được HĐQT bổ nhiệm giữ vị trí Quyền Tổng Giám đốc Vietbank

Quá trình công tác

- Ông có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý và chuyên môn tại các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Trước khi gia nhập Vietbank, ông từng giữ các chức vụ quản lý cấp cao như: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Giám đốc Khối Thị trường Tiền tệ tại Ngân hàng OCB; Giám đốc Khối Tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam; Trưởng phòng Quản lý rủi ro Doanh nghiệp tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC; Trưởng phòng Thanh toán Ngân hàng Citibank N.A,...Ông cũng từng đảm nhiệm vai trò Cố vấn Cao cấp Quốc gia về Tuân thủ và Quản lý rủi ro - Công ty Cổ phần Công nghệ M-Pay (Airpay Vietnam).
- Từ tháng 08/2024, ông gia nhập Vietbank giữ vị trí Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, đến tháng 06/2025 Ông được HĐQT bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank.

Ông **PHẠM LINH**

Phó Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Quản trị kinh doanh – Trường Preston University

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng Trường ĐH Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác

- Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và chứng khoán, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức tài chính trong và ngoài nước.
- Trong quá trình công tác, ông đã giữ các vị trí như: Phó Tổng Giám đốc tại các tổ chức tín dụng trong nhiều năm; Giám đốc Kinh doanh; Trưởng phòng Quản lý tín dụng và từng đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.
- Từ tháng 01/2025, ông gia nhập Vietbank và được HĐQT bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank.

BAN ĐIỀU HÀNH ĐƯƠNG NHIỆM

Ông **LÊ THANH QUÝ NGỌC**

Quyền Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (cấp quản lý) - Trường Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam;

Cử nhân - Đại học Monash – Úc

Quá trình công tác

- Ông có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý và chuyên môn tại các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Trước khi gia nhập Vietbank, ông từng giữ các chức vụ quản lý cấp cao như: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Giám đốc Khối Thị trường Tiền tệ tại Ngân hàng OCB; Giám đốc Khối Tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam; Trưởng phòng Quản lý rủi ro Doanh nghiệp tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC; Trưởng phòng Thanh toán Ngân hàng Citibank N.A,...Ông cũng từng đảm nhiệm vai trò Cố vấn Cao cấp Quốc gia về Tuân thủ và Quản lý rủi ro - Công ty Cổ phần Công nghệ M-Pay (Airpay Vietnam).
- Từ tháng 08/2024, ông gia nhập Vietbank giữ vị trí Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, đến tháng 06/2025 ông được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank.
- Từ tháng 02/2026 đến nay, ông được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm giữ vị trí Quyền Tổng Giám đốc Vietbank

Ông **PHẠM LINH**

Phó Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Quản trị kinh doanh – Trường Preston University

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng – Trường ĐH Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác

- Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và chứng khoán, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức tài chính trong và ngoài nước.
- Trong quá trình công tác, ông đã giữ các vị trí như: Phó Tổng Giám đốc tại các tổ chức tín dụng trong nhiều năm; Giám đốc Kinh doanh; Trưởng phòng Quản lý tín dụng và từng đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.
- Từ tháng 1/2025 đến nay, ông gia nhập Vietbank và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank.

Ông **PHẠM DANH**

Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Tài chính, Tiền tệ, Tín dụng - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác

- Ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tín dụng và Vietbank.
- Tại Vietbank, từ vị trí Phó Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh, ông đã đưa Phòng giao dịch Vạn Hạnh phát triển thành Chi nhánh Sài Gòn.
- Tháng 11/2017, ông được HĐQT Vietbank bổ nhiệm giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn.
- Trong quá trình công tác, ông tiếp tục được giao đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý như Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Hồ Chí Minh 2, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Vùng TP. Hồ Chí Minh 2 và Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực 4.
- Từ tháng 02/2026 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank.

Bà **TRẦN THỊ NGỌC LÝ**

Phó Tổng Giám đốc

Thạc sĩ Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

Cử nhân Tiếng Anh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.Hồ Chí Minh

Quá trình công tác

- Bà có hơn 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau từ đơn vị kinh doanh đến Hội sở. Tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, bà giữ các vị trí Giám đốc Nhân sự Khối SmartCredit và Giám đốc Wealth Management Department. Trước đó, bà đảm nhiệm các vị trí quản lý nhân sự tại HDBank và OCB.
- Đồng thời có gần 20 năm công tác tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà ĐBSCL (MHB) qua nhiều vị trí quản lý từ chi nhánh đến Hội sở.
- Từ tháng 03/2025 bà gia nhập Vietbank và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực Vietbank, đến ngày 02/02/2026 bà được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Vietbank và phụ trách Khối Nhân sự.

Bà **NGUYỄN THỊ THÚY MINH**

Kế toán trưởng

Cử nhân Kế toán

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Quá trình công tác

- Bà có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và kế toán ngân hàng. Trong quá trình công tác, bà từng đảm nhiệm các vị trí chuyên môn và quản lý tại các tổ chức tài chính như: Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó Phòng Kế toán Hội sở và Ngân hàng OCB.
- Từ 03/06/2025, bà gia nhập Vietbank với vai trò Trưởng Phòng Kế toán thuộc Khối Tài chính, đến ngày 28/06/2025 bà được Hội đồng quản trị bổ nhiệm giữ vị trí Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán.

SẢN PHẨM - DỊCH VỤ

Vietbank cung cấp dịch vụ ngân hàng số an toàn, bảo mật cao cùng các sản phẩm thẻ đa tiện ích, giúp khách hàng dễ dàng giao dịch và tận hưởng hàng nghìn ưu đãi trong các lĩnh vực mua sắm, ẩm thực, du lịch, giáo dục và sức khỏe…

THẺ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ

SẢN PHẨM THẺ

Thẻ nội địa

» Vietbank Napas Debit
» Vietbank Napas Prepaid
» Vietbank Napas Credit

THẺ QUỐC TẾ

Thẻ quốc tế Visa

» Vietbank Visa Credit: Visa Mystyle, Visa Luxury
» Vietbank Visa Debit
» Vietbank Visa Prepaid

Thẻ quốc tế Mastercard

» Vietbank Mastercard Credit: Mastercard Happy, Mastercard Lifecare
» Vietbank Mastercard Debit: Mastercard Mystyle, Mastercard Luxury
» Vietbank Mastercard Prepaid

SẢN PHẨM - DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ

» SMS Banking
» Internet Banking
» Vietbank Digital

SẢN PHẨM - DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ

Tài khoản

» Tài khoản Tiền gửi thanh toán
» Tài khoản tiền gửi tiết kiệm
» Tài khoản vay
» Tài khoản eKYC online
» Thẻ

Chuyển khoản trong hệ thống

» Chuyển khoản cùng chủ tài khoản
» Chuyển khoản khác chủ tài khoản
» Chuyển khoản đến số ĐTDĐ
» Tặng quà

Chuyển khoản ngoài hệ thống

» Chuyển khoản Citad
» Chuyển khoản nhanh Napas 247
» Giao dịch bằng mã QR
» Chuyển tiền quốc tế

Thanh toán hóa đơn

» Điện, nước
» Học phí, hóa đơn y tế
» Khoản vay tiêu dùng
» Nạp tiền ePASS/ VETC
» Phí chung cư
» Truyền hình cáp, viễn thông
» Nạp tiền ePass / VETC
» Nạp tiền điện thoại trả trước

Tiện ích

» Đặt phòng khách sạn, đặt hoa
» Vé tàu xe, vé máy bay, vé xem phim
» Đặt Taxi
» Mua sắm Vnshop
» Đặt Giao hàng
» Đặt sân Golf
» Đặt vé thể thao - giải trí

Quản lý thẻ

» Kích hoạt thẻ
» Cài đặt/đổi PIN
» Khóa/mở khóa thẻ
» Thanh toán dư nợ thẻ tín dụng cho chính mình/cho người khác
» Nạp tiền thẻ trả trước
» Xem sao kê thẻ tín dụng
» Quản lý giao dịch thẻ

Tiết kiệm online

» Mở tiết kiệm online
» Mở tiết kiệm online quyền chọn
» Mở tiết kiệm online khuyến mãi
» Tất toán tiết kiệm online một phần/toàn phần

Xác thực giao dịch

» Soft OTP
» FacePay
» SMS OTP

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Vietbank luôn cung cấp đa dạng sản phẩm dịch vụ đáp ứng đa dạng nhu cầu tài chính khác nhau dành cho Khách hàng cá nhân. Trong năm 2025, Vietbank đã phát triển các sản phẩm mới nhiều tiện ích, bổ sung tính năng cho các sản phẩm hiện có nhằm hoàn thiện danh mục, phát triển đa dạng sản phẩm dành cho Khách hàng cá nhân.

Tiền gửi tiết kiệm

- Tiết kiệm Đa tiện ích
- Tiết kiệm Chắp cánh tương lai
- Tiết kiệm Quyền chọn
- Tiết kiệm Có kỳ hạn
- Tiết kiệm Trung niên An Lộc
- Tiết kiệm Phát Lộc
- Tiền gửi Online có kỳ hạn
- Tiền gửi Có kỳ hạn quyền chọn online
- Chứng chỉ tiền gửi

Tài khoản thanh toán

- Tài khoản thanh toán VB 4.0
- Tài khoản thanh toán VB 4.0 Ultra
- Tài khoản thanh toán eKYC

Sản phẩm liên kết bảo hiểm

Bảo hiểm nhân thọ

- Hanwha Life – Đồng Hành Vững Bước
- Hanwha Life – Đồng Hành Sống Thỏa Chất
- Người bạn đồng hành (Bảo vệ trước bệnh Ung Thư)

Bảo hiểm phi nhân thọ

- Bảo hiểm sức khỏe
- Bảo hiểm bệnh Ung Thư
- Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo (được cung cấp bởi Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex PJICO)
- Bảo An Tài Chính Toàn Diện / Bảo hiểm sức khỏe người vay vốn (được cung cấp bởi Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội MIC)
- Bảo hiểm nhà (được cung cấp bởi Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long)
- Bảo hiểm xe/tàu/hàng hóa...
- Bảo hiểm du lịch

Cho vay mua bất động sản

- An Cư Thịnh Vượng (mua BĐS nhà đất)
- Cho vay mua BĐS dự án
- Đầu tư sinh lời

Cho vay mua xe ô tô

- Cho vay mua xe ô tô

Sản phẩm đặc thù

- Cho vay phát triển kinh tế gia đình
- Cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay của KHCN tại tổ chức tín dụng khác
- Cho vay mua lại tài sản đang thế chấp tại Vietbank
- Cho vay bổ sung vốn nuôi tôm dành cho KHCN
- Cho vay trả góp dành cho KHCN

Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống (Tiêu dùng)

- An Gia Phát Lộc (xây dựng sửa chữa nhà)
- Cho vay an tâm tiêu dùng
- Cho vay thấu chi tài khoản thanh toán
- Cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm
- Cho vay cầm cố tiền gửi tiết kiệm do Vietbank phát hành
- Cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho cán bộ nhân viên tại trường học, bệnh viện, đơn vị hành chính sự nghiệp
- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống CBNV / người thân CBNV Vietbank
- Cho vay tiêu dùng không có TSBĐ dành cho CBNV tại Bệnh viên Gia An 115 và Bệnh viện Quốc tế City (CIH)

Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh

- Cho vay bổ sung vốn lưu động
- Cho vay sản xuất kinh doanh trung dài hạn
- Cho vay hợp tác kinh doanh

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Bên cạnh việc phát triển các dịch vụ đồng hành cùng sự phát triển của doanh nghiệp, Vietbank luôn chú trọng nâng cao tính an toàn bảo mật, giảm thiểu rủi ro, tối đa hóa lợi ích sản phẩm dịch vụ để trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của Doanh nghiệp.

Sản phẩm cho vay

- Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho khách hàng doanh nghiệp
- Cho vay siêu tốc dành cho khách hàng doanh nghiệp SME (VB Super)
- Tái cấp nhanh Hạn mức tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp SME
- Cho vay khách hàng doanh nghiệp có biện pháp bảo đảm bằng chứng thư bảo lãnh của quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Cho vay khách hàng doanh nghiệp mới thành lập
- Cho vay cầm cố tiền gửi đối với khách hàng doanh nghiệp
- Cho vay thấu chi khách hàng doanh nghiệp
- Cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay của Khách hàng doanh nghiệp tại Tổ chức tín dụng khác
- Cho vay mua xe ô tô dành cho khách hàng doanh nghiệp
- Tài trợ nhà thầu xây lắp

Sản phẩm tài trợ thương mại

- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng
- Tài trợ L/C xuất khẩu
- Chiết khấu Hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu
- Tài trợ nhập khẩu

Tài khoản thanh toán

- Gói tài khoản thanh toán ưu đãi VB-BIZ
- Tài khoản tiền gửi thanh toán
- Tài khoản ký quỹ

Tiền gửi có kỳ hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức
- Tiền gửi có kỳ hạn Online
- Tiền gửi linh hoạt của tổ chức

Bảo lãnh

- Bảo lãnh trong nước
- Bảo lãnh dự thầu không tài sản bảo đảm cho khách hàng tham gia đấu thầu trên VNEPS

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI

Tính đến 31/12/2025, Vietbank có 132 Trung tâm kinh doanh, gồm 30 Chi nhánh (CN) và 102 Phòng Giao dịch (PGD).

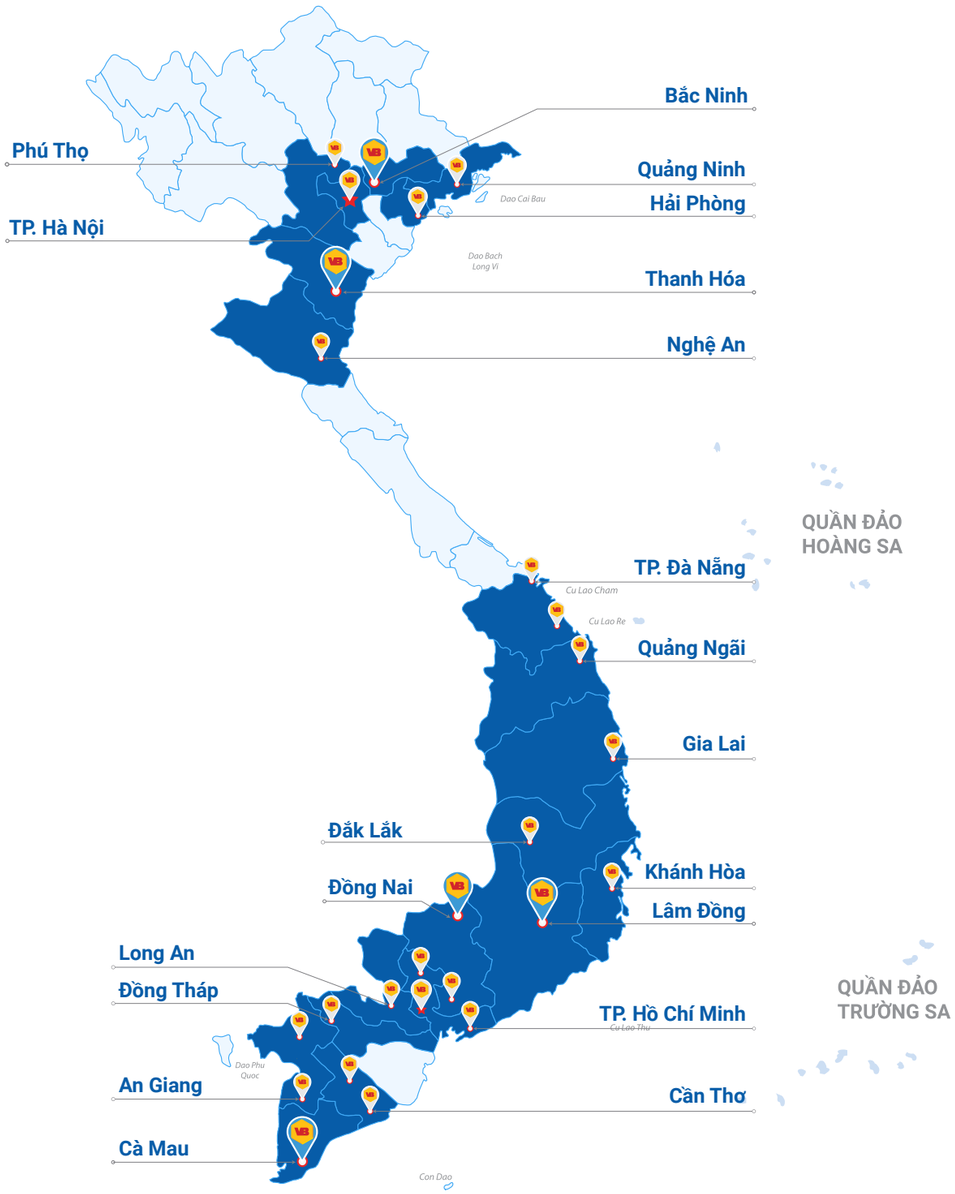

Khu vực 1: 30 TTKD (05 Chi nhánh, 25 Phòng Giao dịch)

05 Chi nhánh

- CN Hà Nội
- CN Bắc Ninh
- CN Hải Phòng
- CN Quảng Ninh
- CN Vĩnh Phúc

25 Phòng Giao dịch

- PGD Bắc Từ Liêm
- PGD Bạch Đằng
- PGD Bãi Cháy
- PGD Cầu Giấy
- PGD Đội Cấn
- PGD Gia Lâm
- PGD Hà Đông
- PGD Hà Thành
- PGD Hoàng Mai
- PGD Khâm Thiên
- PGD Lạc Trung
- PGD Lạch Tray
- PGD Láng Hạ
- PGD Lê Chân
- PGD Lê Thanh Nghị
- PGD Lò Đúc
- PGD Mỹ Đình
- PGD Ngô Quyền
- PGD Nguyễn Văn Cừ
- PGD Quán Thánh
- PGD Tây Hồ
- PGD Thăng Long
- PGD Thanh Xuân
- PGD Tố Hữu
- PGD Trần Nguyên Hãn

Khu vực 2: 06 TTKD (02 Chi nhánh, 04 Phòng Giao dịch)

02 Chi nhánh

- CN Nghệ An
- CN Thanh Hóa

04 Phòng Giao dịch

- PGD Chợ Vinh
- PGD Hưng Dũng
- PGD Lê Nin
- PGD Nguyễn Du

Khu vực 3: 22 TTKD (07 Chi nhánh, 15 Phòng Giao dịch)

07 Chi nhánh

- CN Bình Định
- CN Đà Nẵng
- CN Đắk Lắk
- CN Khánh Hòa
- CN Lâm Đồng
- CN Quảng Nam
- CN Quảng Ngãi

15 Phòng Giao dịch

- PGD Bình Sơn
- PGD Buôn Hồ
- PGD Cẩm Lệ
- PGD Chợ Mới
- PGD Đống Đa
- PGD Hùng Vương
- PGD Mộ Đức
- PGD Ninh Hòa
- PGD Sơn Trà
- PGD Tam Quan
- PGD Tân Chính
- PGD Thanh Khê
- PGD Tư Nghĩa
- PGD Vạn Ninh
- PGD Vĩnh Phước

Khu vực 4: 27 TTKD (04 Chi nhánh, 23 Phòng Giao dịch)

04 Chi nhánh

- CN Thành Phố Hồ Chí Minh
- CN Long An
- CN Sài Gòn
- CN Chợ Lớn

23 Phòng Giao dịch

- PGD Bến Lức
- PGD Bình Chánh
- PGD Bình Đăng
- PGD Bình Trị Đông
- PGD Cần Giuộc
- PGD Chánh Hưng
- PGD Đức Hòa
- PGD Huỳnh Tấn Phát
- PGD Khánh Hội
- PGD Lê Đại Hành
- PGD Lê Văn Việt
- PGD Lý Thái Tổ
- PGD Lý Thường Kiệt
- PGD Nguyễn Duy Trinh
- PGD Nguyễn Tất Thành
- PGD Nguyễn Thị Thập
- PGD Nguyễn Tri Phương
- PGD Nơ Trang Long
- PGD Phú Mỹ Hưng
- PGD Trần Hưng Đạo
- PGD Trần Não
- PGD Trần Quang Khải
- PGD Võ Văn Ngân

Khu vực 5: 31 TTKD (06 Chi nhánh, 25 Phòng Giao dịch)

06 Chi nhánh

- CN Bà Rịa - Vũng Tàu
- CN Bắc Sài Gòn
- CN Bình Dương
- CN Bình Phước
- CN Đồng Nai
- CN Tây Sài Gòn

25 Phòng Giao dịch

- PGD Bà Rịa
- PGD Bàu Cát
- PGD Bến Cát
- PGD Bình Tân
- PGD Cao Thắng
- PGD Châu Đức
- PGD Cộng Hòa
- PGD Củ Chi
- PGD Điện Biên Phủ
- PGD Đinh Tiên Hoàng
- PGD Đỗ Xuân Hợp
- PGD Đông Xuyên
- PGD Hàng Xanh
- PGD Hóc Môn
- PGD Lê Trọng Tấn
- PGD Lê Văn Khương
- PGD Lũy Bán Bích
- PGD Nguyễn Ảnh Thủ
- PGD Nguyễn Sơn
- PGD Nguyễn Thái Sơn
- PGD Phổ Quang
- PGD Quang Trung
- PGD Tân Phú
- PGD Tân Quý
- PGD Thuận An

Khu vực 6: 16 TTKD (06 Chi nhánh, 10 Phòng Giao dịch)

06 Chi nhánh

- CN An Giang
- CN Cà Mau
- CN Cần Thơ
- CN Đồng Tháp
- CN Kiên Giang
- CN Sóc Trăng

10 Phòng Giao dịch

- PGD An Hòa
- PGD Bình Thủy
- PGD Châu Đốc
- PGD Hà Tiên
- PGD Hồng Ngự
- PGD Kế Sách
- PGD Kiên Lương
- PGD Mạc Đĩnh Chi
- PGD Mỹ Tú
- PGD Ninh Kiều

DẤU ẤN 2025

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động và ngành ngân hàng chuyển dịch mạnh sang số hóa, Vietbank tiếp tục kiên định chiến lược an toàn – hiệu quả – bền vững, đồng thời chủ động thích ứng với xu hướng mới.

Ngân hàng tập trung củng cố năng lực tài chính, nâng cao quản trị rủi ro, đảm bảo thanh khoản và đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, hướng tới cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, Vietbank chú trọng nâng cao năng lực tài chính phát triển các sản phẩm – dịch vụ đa dạng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu khách hàng, phát triển các kênh giao dịch số và thúc đẩy thanh toán không tiền mặt.

Với sự đồng lòng quyết tâm của toàn hệ thống và định hướng chiến lược rõ ràng, Vietbank tiếp tục ghi nhận những kết quả tích cực, từng bước khẳng định vị thế và tạo nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng bứt phá tiếp theo.

01 | VIETBANK KHAI XUÂN PHÚ QUÝ, VẠN SỰ NHƯ Ý

Sáng ngày 04/02/2025, không khí xuân rộn ràng đã lan tỏa khắp mọi nơi trong ngày làm việc đầu tiên của năm mới Ất Tỵ 2025 và trong chương trình Khai Xuân được tổ chức tại Hội sở và 132 TTKD trên toàn quốc. Năm 2025, Vietbank tròn 18 năm xây dựng và phát triển. Vietbank sẽ luôn vững vàng tinh thần "Mạnh mẽ vươn cao", không ngừng nỗ lực hết mình vượt qua mọi thách thức, đồng hành cùng kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

Tại sự kiện, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBNV đã có những chia sẻ, kỳ vọng và cam kết đồng lòng đưa Vietbank phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2025. Những lời chúc tốt đẹp, những phong bao lì xì may mắn cùng niềm vui sum vầy đã tạo nên một bầu không khí ấm áp và gắn kết nhân ngày đầu xuân.

02 | VIETBANK HỢP TÁC VỚI MICRO FUND TĂNG CƯỜNG SỐ HOÁ, ĐẨY MẠNH TIẾP CẬN KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Ngày 19/02/2025, tại tòa nhà Lim II, số 62A Cách mạng Tháng 8, Quận 3, Vietbank và Công ty Cổ phần Micro Fund đã có buổi ký kết thỏa thuận hợp tác, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc mở rộng các kênh tiếp cận khách hàng doanh nghiệp và tối ưu hóa giải pháp tài chính.

Việc ký kết hợp tác với Micro Fund đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của Vietbank. Cùng với toàn hệ thống Ngân hàng, Vietbank cam kết tiên phong trong việc đẩy mạnh số hóa dữ liệu và các quy trình vận hành để phục vụ cho quá trình chuyển đổi số, hướng đến việc cung cấp các giải pháp tài chính linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với từng doanh nghiệp. Với sự hỗ trợ của Micro Fund, Vietbank sẽ có thêm một kênh kết nối mạnh mẽ để tiếp cận khách hàng tiềm năng, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường tài chính – ngân hàng.

03 | VIETBANK CHÚC MỪNG Y BÁC SỸ BỆNH VIỆN GIA AN 115 VÀ BỆNH VIỆN QUỐC TẾ CITY NHÂN NGÀY THẦY THUỐC VIỆT NAM 27/02

Ngày 27/02/2025, Đoàn công tác Vietbank đã tới chúc mừng, tặng hoa các y bác sỹ Bệnh viện Quốc tế City và Bệnh viện Gia An 115.

Vietbank đã gửi lời thăm hỏi và tri ân sâu sắc đến các thế hệ y bác sỹ của hai bệnh viện, bày tỏ sự cảm kích trước những cống hiến thầm lặng của đội ngũ y tế trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Vietbank luôn chú trọng đến các hoạt động cộng đồng, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, nhằm đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Nhân dịp này, Vietbank cũng bày tỏ lòng biết ơn đối với sự đồng hành và hỗ trợ của hai bệnh viện trong công tác phòng chống dịch bệnh cũng như chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV ngân hàng. Trong thời gian tới, Vietbank mong muốn tiếp tục hợp tác, cung cấp các giải pháp tài chính – ngân hàng phù hợp, góp phần tối ưu hóa hoạt động của hai bệnh viện theo hướng số hóa. Qua đó, Vietbank cũng sẽ hỗ trợ bệnh viện trong hành trình trở thành "Bệnh viện thông minh", hoàn thành sứ mệnh nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

04 | VIETBANK TRI ÂN ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8/3

Ngày 07/03/2025, Vietbank tổ chức chương trình tri ân đặc biệt chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. Sự kiện thu hút sự tham gia của hơn 3.000 CBNV trên toàn hệ thống và Khách hàng nữ, mang đến không khí ấm áp, vui tươi và đầy ý nghĩa.

Bên cạnh các hoạt động chào mừng, khách tham dự còn có cơ hội trải nghiệm các sản phẩm – dịch vụ tài chính hiện đại của Vietbank và nhận được nhiều phần quà hấp dẫn. Chương trình không chỉ thể hiện sự trân trọng đối với những đóng góp của phụ nữ mà còn là cầu nối giúp Vietbank mở rộng kết nối với khách hàng, nâng cao trải nghiệm dịch vụ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

05 | VIETBANK TỔ CHỨC LỄ TRAO GIẢI CHƯƠNG TRÌNH "MÙA HỘI BỘI QUÀ"

Ngày 03/04/2025, Vietbank đã tổ chức Lễ trao giải chương trình "Mùa Hội Bội Quà" tại Chi nhánh Quảng Ngãi cho khách hàng Cao Phi Hùng – Khách hàng may mắn trúng giải đặc biệt, đánh dấu sự thành công của chương trình "Mùa hội bội quà". Cũng trong Lễ trao thưởng, lần lượt giải Ba và giải Khuyến khích cũng đã được trao đến tay những vị khách hàng may mắn khi giao dịch tại đây.

Ngoài ra, hơn 100 khách hàng trúng thưởng những quà tặng từ vòng quay may mắn cuối chương trình cũng sẽ nhận giải tại các điểm giao dịch của Vietbank trên toàn quốc.

Thông qua chương trình tri ân "Mùa Hội Bội Quà", Vietbank mong muốn gửi lời tri ân sâu sắc đến khách hàng đã tin tưởng đồng hành cùng ngân hàng trong suốt 18 năm qua và cam kết sẽ mang đến nhiều chương trình ưu đãi hấp dẫn hơn nữa trong thời gian tới.

Khởi động từ ngày 20/11/2024, chỉ sau hơn một tuần, chương trình "Mùa Hội Bội Quà" đã nhanh chóng thu hút sự quan tâm của hàng trăm nghìn khách hàng.

06 | VIETBANK KÝ KẾT HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC VẠN PHÚC – TRIỂN KHAI GÓI VAY ƯU ĐÃI KHI MUA NHÀ DỰ ÁN

Ngày 09/04/2025, Vietbank và Công ty CP Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc đã chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác. Đây là cột mốc quan trọng trong hành trình đồng hành kiến tạo không gian sống đẳng cấp cho cư dân và mở ra cơ hội tiếp cận tài chính linh hoạt, ưu đãi vượt trội cho khách hàng mua nhà tại các dự án do Vạn Phúc phát triển, đặc biệt là tại Khu đô thị Vạn Phúc City, TP. Thủ Đức.

Với định hướng trở thành ngân hàng bán lẻ thân thiện và hiện đại, Vietbank không ngừng mở rộng hệ sinh thái dịch vụ, liên kết chặt chẽ cùng các đối tác chiến lược trong nhiều lĩnh vực. Sự hợp tác với Công ty CP Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc – chủ đầu tư uy tín với nhiều dự án đô thị cao cấp, không chỉ mang đến nguồn lực tài chính vững mạnh từ Vietbank, mà còn thể hiện cam kết đồng hành của Ngân hàng trong việc nâng tầm chất lượng sống và hỗ trợ tài chính hiệu quả cho khách hàng.

07 | CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN HOÁ NĂNG LỰC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHO GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC KHU VỰC

Ngày 23/4/2025, Vietbank tổ chức Chương trình Chuẩn hóa Năng lực Quản lý, Điều hành dành riêng cho đội ngũ Giám đốc và Phó Giám đốc Khu vực trên toàn hệ thống.

Chương trình được thiết kế nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, chức năng và nhiệm vụ của đội ngũ lãnh đạo khu vực; chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, giám sát và thúc đẩy hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả, an toàn; thống nhất quy trình tổ chức kinh doanh, báo cáo và đánh giá hiệu quả đơn vị cũng như nhân sự; đồng thời tăng cường sự kết nối giữa các Khu vực/TTKD với các Khối, Trung tâm, Phòng/Ban tại Hội sở.

Với định hướng chiến lược rõ ràng từ Ban Lãnh đạo và tinh thần quyết tâm cao của các thành viên tham dự, chương trình hứa hẹn sẽ mang lại những giá trị thiết thực, góp phần giúp các Giám đốc và Phó Giám đốc Khu vực triển khai hiệu quả hoạt động kinh doanh, hướng đến sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong thời gian tới.

08 | VIETBANK TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Ngày 26/4/2025, Vietbank tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức trực tuyến. Tại Đại hội, các cổ đông đã nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 7.139 tỷ đồng lên 10.919,7 tỷ đồng, cùng kế hoạch tăng lợi nhuận trước thuế 55% trong năm 2025.

Năm 2024, Vietbank đã đạt kết quả kinh doanh tích cực: tổng tài sản đạt 162.855 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm trước và vượt 109% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.131 tỷ đồng, tăng 39,3%, hoàn thành 108% mục tiêu đề ra. Ngân hàng cũng kiện toàn 118 Trung tâm kinh doanh hiện hữu và mở mới 14 đơn vị, nâng tổng số lên 132 trung tâm phủ khắp 26 tỉnh/thành, với cơ sở vật chất hiện đại, thuận tiện cho khách hàng và góp phần mở rộng thị phần.

Bước sang năm 2025, Vietbank tập trung hoàn thiện tái cấu trúc tổ chức, mô hình kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và quản lý chi phí hiệu quả. Ngân hàng định hướng danh mục huy động và cho vay theo hướng bán lẻ, giảm cấp tín dụng vào các ngành nghề rủi ro, tập trung vào phân khúc khách hàng mục tiêu. Đồng thời, Vietbank tăng cường kiểm soát chất lượng tài sản, nâng cao khả năng sinh lời, đẩy mạnh thu hồi và xử lý nợ xấu. Các quy trình vận hành và hỗ trợ kinh doanh cũng được cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng.

09 | VIETBANK CHÍNH THỨC VẬN HÀNH VĂN PHÒNG QUẢN LÝ CHUYỂN ĐỔI (TMO)

Ngày 20/05/2025, Vietbank đã tổ chức thành công Hội thảo truyền thông và chính thức đưa vào vận hành Văn phòng Quản lý Chuyển đổi (TMO). Việc thành lập Văn phòng TMO là một bước đi chiến lược của Vietbank, thể hiện tầm nhìn chủ động trong việc thích ứng với những xu hướng mới của ngành tài chính – ngân hàng.

TMO đóng vai trò quan trọng trong việc tăng tốc triển khai các dự án trọng điểm, đồng thời nâng cao năng lực thực thi chiến lược của toàn hệ thống. Thông qua đó, Vietbank hướng đến mục tiêu tạo dựng giá trị dài hạn và bền vững, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi toàn diện và phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

KPMG sẽ phối hợp chặt chẽ với TMO để dẫn dắt, điều phối, hỗ trợ và giám sát toàn bộ các dự án tại Vietbank, đảm bảo tính liên kết chiến lược và quản lý chuyển đổi hiệu quả. Điều này giúp thúc đẩy chuyển đổi đồng bộ, hiệu quả, nâng cao năng lực quản lý dự án của đội ngũ Vietbank.

10 | VIETBANK TRIỂN KHAI MÔ HÌNH QUẢN LÝ KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG THEO NGÀNH DỌC TRÊN TOÀN HỆ THỐNG

Ngày 10/05/2025, tại tòa nhà Thông Tấn Xã tọa lạc số 116 – 118 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM, Vietbank triển khai thành công mô hình quản lý kinh doanh và dịch vụ khách hàng theo ngành dọc theo hình thức trực tiếp và trực tuyến cho gần 900 CBNV tại Khu vực 2, Khu vực 4, Khu vực 5 và Khu vực 6. Ngày 17/5, Vietbank tiếp tục đưa mô hình vào thực tiễn tại Khu vực 1 và Khu vực 3, hoàn thiện bước chuyển đổi tại 132 TTKD trên toàn quốc.

Việc triển khai mô hình mới không chỉ giúp Vietbank tối ưu hóa hoạt động kinh doanh mà còn nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đây là một dấu ấn quan trọng trong chiến lược phát triển của ngân hàng, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc cải tiến và chuyên nghiệp hóa từng khâu vận hành.

11 | VIETBANK ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP TRẺ TẠI BUSINESS & LIBRARY 2025 - LẦN THỨ 7

Ngày 24/05/2025, sự kiện Business & Library lần thứ 7 với chủ đề "Vượt Sóng 2025" – do Hội Doanh nhân Trẻ TP.HCM (YBA) tổ chức – đã diễn ra tại TP.HCM, quy tụ hơn 600 doanh nhân, đối tác và lãnh đạo doanh nghiệp cùng tham gia kết nối, chia sẻ và định hình tư duy phát triển trong giai đoạn mới.

Trong vai trò Nhà tài trợ Kim cương, Vietbank tự hào đồng hành cùng chương trình, tiếp tục thể hiện cam kết đồng hành cùng cộng đồng doanh nhân trẻ.

Tại sự kiện, gian hàng của Vietbank đã thu hút được đông đảo sự quan tâm từ cộng đồng doanh nghiệp tham dự. Nhiều khách mời đã đến trực tiếp để tìm hiểu và tham gia tư vấn các gói tài chính toàn diện mà Vietbank thiết kế riêng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm: Gói Tài khoản thanh toán VB BIZ; Gói vay siêu tốc VB SUPER và đặc biệt là Giải pháp tài trợ vốn dành cho doanh nghiệp mới thành lập.

Với Vietbank, những sự kiện như Business & Library là cơ hội để lắng nghe doanh nghiệp trẻ, hiểu rõ hơn những thách thức thực tế và chủ động đưa ra các giải pháp đồng hành phù hợp, tạo tiền đề cho những ý tưởng tiềm năng có thể phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh đang không ngừng biến đổi.

12 | RA MẮT NỀN TẢNG NGÂN HÀNG SỐ OMNI-CHANNEL - VIETBANK DIGIBIZ

Ngày 03/07/2025, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) hợp tác với Công ty Cổ phần Thanh toán Việt Nam (VNPAY) chính thức ra mắt dịch vụ Nền tảng số dành cho khách hàng doanh nghiệp – Vietbank DigiBiz. Đây là bước tiến quan trọng trong hành trình chuyển đổi số toàn diện của Vietbank, đồng thời khẳng định cam kết đồng hành và tối ưu hoá hiệu quả vận hành cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Cũng trong khuôn khổ sự kiện, Vietbank và VNPAY đã vinh danh đội ngũ Ban Dự án gồm những cá nhân đã trực tiếp tham gia triển khai và hoàn thiện nền tảng ngân hàng số Vietbank DigiBiz. Đây là sự ghi nhận xứng đáng cho tinh thần hợp tác chặt chẽ, nỗ lực bền bỉ và tinh thần đổi mới sáng tạo giữa hai đơn vị trong suốt quá trình phát triển dự án.

Với sự hợp tác này, Vietbank khẳng định cam kết luôn luôn đổi mới, phát triển bền vững và không ngừng nâng cao trải nghiệm khách hàng. Đây sẽ là nền tảng quan trọng giúp ngân hàng phát triển mạnh mẽ hơn trong kỷ nguyên vươn mình, hướng đến việc cung cấp các giải pháp tài chính linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với từng doanh nghiệp

13 | HỘI NGHỊ SƠ KẾT KINH DOANH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Ngày 11/7/2025, Vietbank tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm tại Hội trường Lim II (TP.HCM) và trực tuyến toàn quốc, với sự tham dự của Ban Lãnh đạo và các Trung tâm Kinh doanh. Hội nghị là dịp đánh giá kết quả hoạt động, nhận diện thách thức, chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

Trong 6 tháng đầu năm, Vietbank đạt nhiều kết quả tích cực: tổng tài sản gần 180.000 tỷ đồng, huy động vốn gần 124.000 tỷ đồng, dư nợ cho vay khoảng 104.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế trên 520 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,63%. Đặc biệt, vốn điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng từ 7.139 tỷ lên gần 10.920 tỷ đồng, tạo nền tảng vững chắc cho chặng đường 6 tháng cuối năm.

Vietbank ghi nhận và tri ân các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời đánh giá cao tinh thần nỗ lực của toàn hệ thống trong hành trình phát triển bền vững.

Dù còn nhiều thử thách, Vietbank đang từng bước củng cố nội lực, hoàn thiện chiến lược, chủ động thích ứng thị trường. Với tinh thần "Mạnh mẽ, vươn cao", toàn thể cán bộ nhân viên quyết tâm hoàn thành mục tiêu 2025, đưa Vietbank phát triển vững mạnh.

14 | VIETBANK TỔ CHỨC HỘI THẢO CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀO AI VÀ COREBANKING

Chiều ngày 01/8/2025, tại TP.HCM, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) phối hợp cùng KPMG Việt Nam tổ chức Hội thảo "Chiến lược đầu tư vào AI và dữ liệu & Hiện đại hóa ngân hàng lõi Corebanking" nhằm cập nhật, chia sẻ xu hướng, trao đổi chuyên sâu về các thách thức và kinh nghiệm trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Hội thảo đã góp phần thực hiện kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng và Chiến lược phát triển các hệ thống thanh toán Việt Nam đến năm 2030, tập trung chuyển đổi hệ thống lõi (Core Banking) để số hóa sản phẩm, dịch vụ. Đây là bước đi chiến lược, khẳng định cam kết dài hạn của Vietbank hướng đến chiến lược chuyển đổi số toàn diện, đổi mới mô hình hoạt động, nâng cao trải nghiệm người dùng, tối ưu quy trình vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh thị trường tài chính – ngân hàng đang thay đổi nhanh chóng.

Hội thảo cũng đã mang đến góc nhìn thiết thực, thúc đẩy tái định hình chiến lược và vận hành, giúp Vietbank sẵn sàng chuyển mình và tích hợp AI như một yếu tố cốt lõi nhằm hướng tới tăng trưởng bền vững, lấy khách hàng làm trọng tâm.

15 | TEAM BUILDING VIETBANK 2025 – MẠNH MẼ, VƯƠN CAO CÙNG SỨC TRẺ TUỔI 18

Năm 2025 đánh dấu cột mốc tuổi 18 đầy tự hào của Vietbank – tuổi của sức trẻ, bản lĩnh và khát vọng vươn xa. Chương trình Team Building đặc biệt với chủ đề "Mạnh mẽ, Vươn cao" đã kết nối hàng ngàn trái tim Vietbank trên hành trình trải dài từ Bắc vào Nam, nơi thiên nhiên hòa quyện cùng văn hóa, nơi tinh thần đồng đội được thăng hoa qua từng thử thách.

Không chỉ là dịp để gắn kết, chương trình còn là lời khẳng định mạnh mẽ cho tinh thần Tận tâm – Kỷ luật – Chuyên nghiệp, những giá trị cốt lõi đã và đang tạo nên bản sắc Vietbank. Sự hiện diện của Ban lãnh đạo trong hành trình này là minh chứng cho sự đồng hành, dẫn dắt và cam kết cùng toàn hệ thống bứt phá trong những tháng cuối năm.

Với lòng nhiệt huyết, sự sáng tạo và tinh thần đồng lòng, mỗi thành viên Vietbank đã góp phần biến mùa Team Building năm nay thành một sự kiện đặc biệt – nơi cảm xúc thăng hoa, tiếng cười lan tỏa và niềm tin được tiếp thêm cho hành trình phát triển bền vững phía trước.

16 | VIETBANK TỔ CHỨC HỘI THẢO "NÂNG TẦM NĂNG LỰC SỐ VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI" – BƯỚC TIẾN CHIẾN LƯỢC TRÊN HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN

Ngày 15/08/2025, tại Hội trường Lầu 07 – Tòa nhà LIM II, TP.HCM, hưởng ứng tinh thần Nghị quyết 57 – NQ/TW của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Vietbank đã tổ chức thành công hội thảo chuyên đề "Nâng tầm năng lực số và ứng dụng công nghệ AI trong ngân hàng". Sự kiện được tổ chức theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, với sự tham dự của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Cố vấn cùng toàn thể lãnh đạo cấp cao từ Hội sở và các Trung tâm Kinh doanh trên toàn hệ thống.

Hội thảo được tổ chức với mục tiêu giúp cán bộ nhân viên Vietbank cập nhật xu thế trí tuệ nhân tạo (AI) toàn cầu, hiểu rõ các ứng dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đồng thời nhận diện những lợi ích thiết thực mà AI có thể mang lại trong hoạt động vận hành và kinh doanh. Đây cũng là dịp để truyền cảm hứng hành động, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo và tìm kiếm cơ hội ứng dụng AI tại từng đơn vị, góp phần hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số toàn diện của Vietbank.

17 | VIETBANK 20/10: KHI PHÁI ĐẸP TỎA SÁNG

Hòa trong không khí rộn ràng của ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Vietbank đã tổ chức chuỗi hoạt động nội bộ đầy ý nghĩa nhằm tôn vinh những nữ cán bộ nhân viên – những "bông hoa" rực rỡ đã và đang góp phần tô điểm cho ngôi nhà chung Vietbank. Với thông điệp "Khi phái đẹp tỏa sáng", chương trình mang đến những khoảnh khắc ấm áp, vui tươi và tràn đầy cảm xúc, thể hiện sự tri ân sâu sắc đến những người phụ nữ tuyệt vời trong hệ thống.

Từ những món quà xinh xắn, những lời chúc chân thành đến nụ cười rạng rỡ của các chị em, tất cả đã cùng nhau tạo nên một ngày kỷ niệm thật trọn vẹn và đáng nhớ. Sự kiện không chỉ lan tỏa năng lượng tích cực mà còn khẳng định vai trò quan trọng của nữ giới trong hành trình phát triển bền vững của Vietbank. Thông qua chương trình, Vietbank tiếp tục thể hiện cam kết xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn kết và tôn vinh giá trị con người – nơi mỗi cá nhân đều được truyền cảm hứng để phát triển và tỏa sáng.

18 | VIETBANK CHÍNH THỨC NÂNG VỐN ĐIỀU LỆ 10.769 TỶ ĐỒNG

Sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng vào tháng 12/2025, Vietbank chính thức gia nhập nhóm các ngân hàng có vốn điều lệ trên 10.000 tỷ đồng tại Việt Nam.

Ngân hàng cũng đang tích cực triển khai các bước chuẩn bị chuyển niêm yết cổ phiếu VBB sang Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), cho thấy sự chủ động trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển bền vững.

19 | VIETBANK ĐỒNG HÀNH CÙNG HỘI DOANH NHÂN SÀI GÒN (DNSG) VÀ HIỆP HỘI CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ (HASI) MANG ĐẾN GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH SIÊU TỐC

Ngày 19/12/2025, tại TP.HCM, hội thảo Giải pháp tài chính siêu tốc – Cú hích tăng trưởng cho DNNVV năm 2026 đã diễn ra với sự tham dự của hơn 200 doanh nhân, lãnh đạo tài chính, đối tác và chuyên gia đến từ nhiều lĩnh vực. Chương trình tập trung chia sẻ bức tranh kinh tế toàn cầu và Việt Nam năm 2025, cùng triển vọng năm 2026.

Đồng hành cùng sự kiện trong vai trò nhà tài trợ chính, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) mong muốn tiếp cận sát hơn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, mang đến các giải pháp tài chính, giải pháp vốn thiết thực nhất trong bối cảnh thị trường hiện tại.

Trong khuôn khổ sự kiện, Vietbank cùng Hội Doanh nhân Sài Gòn (DNSG) và Hiệp hội Công nghiệp Hỗ trợ TP.HCM (HASI) ký kết MOU (Biên bản ghi nhớ), thể hiện chiến lược đồng hành dài hạn, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi, phát triển bền vững.

Đồng thời, Vietbank trực tiếp tham gia trưng bày gian hàng, giới thiệu các giải pháp tài chính tối ưu, qua đó tăng cường kết nối và đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp.

20 | VIETBANK CHÍNH THỨC RA MẮT MÔ HÌNH MỚI DỰ ÁN TÁI CẤU TRÚC NGÂN HÀNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2027

Ngày 15/01/2026 tại Hội trường Lầu 7, tòa nhà Lim II, Vietbank tổ chức Lễ ra mắt mô hình mới Dự án tái cấu trúc ngân hàng giai đoạn 2025 – 2027. Buổi Lễ có sự tham dự của Ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng Ban chỉ đạo Dự án; Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bà Trần Tuấn Anh – Tổng Giám đốc, Phó Ban chỉ đạo kiêm Trưởng Ban triển khai Dự án. Cùng tham dự còn có Quý thành viên Ban chỉ đạo, Ban triển khai, Ban Điều hành, toàn thể cán bộ quản lý các Văn phòng/Khu vực/Khối/Phòng/Ban/Trung tâm Hội sở Vietbank theo hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Buổi lễ được tổ chức nhằm truyền thông chính thức mô hình tổ chức mới của Dự án Tái cấu trúc toàn diện Vietbank, đồng thời khẳng định quyết tâm của HĐQT, Ban Lãnh đạo trong việc hiện thực hóa Tầm nhìn 2030, đưa Vietbank trở thành một trong Top 15 ngân hàng TMCP tư nhân hàng đầu Việt Nam, phát triển bền vững, quản trị rủi ro chặt chẽ và vận hành theo mô hình số hóa hiện đại.

Dự án Tái cấu trúc được triển khai trong bối cảnh Vietbank bước vào giai đoạn phát triển mới, đặt ra yêu cầu tinh gọn bộ máy, xác định rõ vai trò và trách nhiệm, tăng tốc độ ra quyết định, đồng thời nâng cao hiệu quả phối hợp.

Không chỉ dừng lại ở việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, dự án còn hướng đến những mục tiêu trọng yếu: Chuẩn hóa chức năng nhiệm vụ; Nâng cao năng lực đội ngũ; Gia tăng hiệu quả vận hành; Và tạo nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn cho Ngân hàng.

Vietbank tin chắc rằng sự Hiểu đúng – Tin tưởng – Đồng hành của toàn thể CBNV chính là yếu tố then chốt để dự án đi đúng hướng và tạo ra giá trị thực chất. Mỗi thành viên Vietbank hôm nay đã và đang góp phần xây dựng một Vietbank mạnh mẽ hơn, chuyên nghiệp hơn và bền vững hơn trên hành trình hướng tới tương lai.

21

TỰ HÀO 19 NĂM VIETBANK, SẴN SÀNG CHO HÀNH TRÌNH "VƯƠN TẦM KHÁT VỌNG"

Ngày 24/01/2026, Vietbank đã tổ chức chuỗi sự kiện đặc biệt gồm Hội nghị Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2025, Triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2026 và Lễ kỷ niệm 19 năm thành lập ngân hàng. Đây là dịp để toàn thể cán bộ nhân viên cùng nhau nhìn lại chặng đường đã qua, tự hào về những thành quả đạt được và tiếp thêm động lực cho hành trình phía trước.

Với chủ đề "Vươn Tầm Khát Vọng", chuỗi sự kiện là dịp nhìn lại những thành tựu đáng tự hào trong năm 2025, đồng thời đặt ra mục tiêu bứt phá, chiến lược khởi sắc cho năm 2026.

Tại Hội nghị, Vietbank vinh danh những tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025 và ghi nhận những nỗ lực không ngừng của tất cả CBNV đã cùng nhau đóng góp cho thành tích xuất sắc của Vietbank năm 2025.

Với chủ đề "Giải pháp để hoàn thành mục tiêu kinh doanh trong bối cảnh chuyển đổi", phiên Hội thảo buổi chiều đã diễn ra trong không khí sôi nổi, cởi mở và đầy tính xây dựng. Các diễn giả cùng đại diện các khối, phòng ban đã chia sẻ nhiều góc nhìn thực tiễn, từ việc ứng dụng công nghệ số trong quản trị, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đến việc tối ưu quy trình vận hành và phát triển sản phẩm mới.

Đêm Gala kỷ niệm 19 năm thành lập Vietbank với chủ đề "Vươn Tầm Khát Vọng" kết tinh của niềm tự hào và quyết tâm từ Ban Lãnh đạo và hơn 3.000 CBNV. Sự kiện không chỉ để nhìn lại chặng đường đã qua, mà còn là dịp để tập thể Vietbank cùng khẳng định tinh thần đoàn kết, ý chí bền bỉ và khát vọng vươn xa trong chặng đường phía trước.

19 năm là một cột mốc quan trọng, đánh dấu chặng đường phát triển bền vững và khẳng định vị thế của Vietbank trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Bước vào giai đoạn phát triển mới với tâm thế chủ động và khát vọng bứt phá, Vietbank lấy **04 giá trị cốt lõi Chính trực – Hiệu quả – Am hiểu – Tuân thủ** làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Đoàn kết cùng nhau, Vietbank tiếp tục giữ vững nhiệt huyết, nuôi dưỡng khát vọng để chinh phục những đỉnh cao mới.

22 | VIETBANK KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC UY TÍN

Năm 2025, Vietbank không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với nhiều đối tác uy tín như Mastercard, FPT, Micro Fund, Vạn Phúc City, Quỹ phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEDF), Napas, Kế Toán AZ, E&Y, KPMG, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An,... Việc hợp tác với các tên tuổi lớn trong nhiều lĩnh vực giúp Vietbank tận dụng tối đa nguồn lực, nâng cao chất lượng sản phẩm – dịch vụ, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đồng thời mở rộng tệp khách hàng mới và củng cố sự gắn kết với khách hàng hiện hữu.

GIẢI THƯỞNG
TIÊU BIỂU NĂM 2025

Các giải thưởng trong năm 2025 là sự ghi nhận dành cho Vietbank trong hành trình xây dựng thương hiệu uy tín và hoạt động hiệu quả. Đây cũng là minh chứng Vietbank đã đáp ứng tốt các tiêu chí về tăng trưởng ổn định, sản phẩm dịch vụ đa dạng, nguồn nhân sự trẻ trung năng động, trách nhiệm cao với cộng đồng xã hội cùng với quá trình ứng dụng chuyển đổi số phù hợp và hiệu quả với bối cảnh mới

PLATINUM CORRESPONDENT AWARD

DANH HIỆU BẠCH KIM DÀNH CHO NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

Habib American Bank - HAB Bank trao tặng

ASIAN TECHNOLOGY EXCELLENCE AWARDS 2025

HẠNG MỤC DIGITAL BANKING

Tạp chí Asian Business Review trao tặng

ASIA PACIFIC ENTERPRISE AWARDS 2025

HẠNG MỤC CORPORATE EXCELLENCE AWARDS

Enterprise Asia trao tặng

TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025

HẠNG MỤC KHỐI DOANH NGHIỆP VỪA

Anphabe trao tặng

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC TẾ FITCH RATINGS Ở MỨC B+, TRIỂN VỌNG ỔN ĐỊNH

Fitch Ratings

TOP 10 NGÂN HÀNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KINH DOANH HIỆU QUẢ

Viet Research và Báo Đầu tư

TOP 20 NGÂN HÀNG TƯ NHÂN NỘP NGÂN SÁCH LỚN NHẤT VIỆT NAM

CafeF Lists 2025

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2025

VIETBANK HỖ TRỢ CHĂM LO TẾT VÀ HOẠT ĐỘNG MỪNG XUÂN ẤT TỴ 2025

Tài trợ chăm lo Tết 2025 _ UBND P. Xuân Hòa, TP.HCM

Hướng đến giá trị nhân văn và tinh thần "tương thân, tương ái", Vietbank đã phối hợp cùng UBND phường Võ Thị Sáu, Quận 3 trao tặng 60 phần quà thiết thực đến các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn, với mong muốn mang đến một mùa Tết ấm áp, đủ đầy hơn.

Mỗi phần quà là sự sẻ chia từ trái tim của toàn thể cán bộ nhân viên Vietbank, thể hiện trách nhiệm xã hội và tinh thần gắn kết cộng đồng.Trước đó, Vietbank cũng đã trao tặng 95 triệu đồng nhằm hỗ trợ các bệnh nhi có hoàn cảnh đặc biệt tại Bệnh viện Chợ Rẫy, góp phần tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em nhỏ trên hành trình vượt qua bệnh tật.

Những khoảnh khắc trao quà đầy xúc động không chỉ ghi dấu tình cảm chân thành mà còn lan tỏa thông điệp nhân ái, khẳng định cam kết của Vietbank trong việc chung tay xây dựng một xã hội nhân văn, tốt đẹp và bền vững hơn.

HƠN 200 CBNV THAM GIA HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN 'THÁNG HỒNG VIETBANK'

Ngày 26/6/2025, hưởng ứng Ngày Quốc tế người hiến máu 14/6, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) phát động và tiếp nhận 200 đơn vị máu từ lãnh đạo và cán bộ nhân viên trong ngày hội hiến máu vì cộng đồng "Tháng hồng Vietbank" do ngân hàng tổ chức.

Sự kiện "Tháng hồng Vietbank" chính thức phát động tại Hội sở TP.HCM, phối hợp cùng Bệnh viện Gia An 115 và Trung tâm Hiến máu nhân đạo TP.HCM nằm trong chuỗi các hoạt động chào mừng kỷ niệm 18 năm thành lập ngân hàng.

Với thông điệp "Từ trái tim đến trái tim", "Tháng hồng Vietbank" thu hút hàng trăm cán bộ nhân viên đăng ký. Qua khám sàng lọc, có hơn 200 cán bộ nhân viên Vietbank đủ điều kiện hiến máu, trong đó có 10 người đã từng tham gia hiến máu nhân đạo trên 10 lần

Vietbank tổ chức ngày hội hiến máu nhân đạo "Từ trái tim đến trái tim"

VIETBANK CÙNG HƠN 5.000 NGƯỜI ĐỒNG HÀNH 'VÌ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM' LẦN THỨ 18

Vietbank chung tay vì nạn nhân chất độc da cam/Dioxin 2025

Năm 2025, Vietbank tiếp tục đồng hành cùng chương trình "Đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam", nhân kỷ niệm 64 năm Thảm họa da cam tại Việt Nam và Ngày Vì nạn nhân chất độc da cam/dioxin (10/8). Đây là năm thứ ba liên tiếp Vietbank tham gia chương trình, trao tặng quà bằng tiền mặt nhằm sẻ chia yêu thương, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

CBNV Vietbank cũng tích cực tham gia đi bộ đồng hành, thể hiện trách nhiệm xã hội và lan tỏa tinh thần nhân văn, góp phần chăm sóc và bảo vệ các nạn nhân da cam. Song hành cùng các hoạt động cộng đồng, Vietbank đã triển khai nhiều chương trình thiện nguyện ý nghĩa: hiến máu nhân đạo "Tháng hồng Vietbank" với 200 đơn vị máu được tiếp nhận; trao 95 triệu đồng hỗ trợ bệnh nhi tại Bệnh viện Chợ Rẫy; quyên góp hơn 700 triệu đồng giúp đồng bào vùng thiên tai phía Bắc; đồng hành cùng hơn 7.000 sinh viên trong chương trình "Tiếp sức mùa thi 2024".

Với tinh thần sẻ chia và cam kết phát triển bền vững, Vietbank không ngừng nối dài hành trình yêu thương, góp phần xây dựng một xã hội nhân văn, gắn kết và đầy cảm hứng.

TÀI TRỢ TỔ CHỨC VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU VIETBANK TẠI "LỄ HỘI OÓC OM BÓC - ĐUA GHE NGO TP. CẦN THƠ 2025"

Đồng hành cùng Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe ngo TP. Cần Thơ năm 2025

Tiếp nối hành trình gắn kết văn hóa và cộng đồng, Vietbank vinh dự là một trong những đơn vị tài trợ tổ chức Lễ hội Oóc Om Bóc – Đua ghe ngo TP. Cần Thơ năm 2025. Sự kiện mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Khmer thu hút đông đảo người dân và du khách tham gia, góp phần tôn vinh giá trị truyền thống và đời sống tinh thần của cộng đồng.

Việc đồng hành cùng lễ hội không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của Vietbank mà còn là cơ hội để quảng bá hình ảnh thương hiệu gắn liền với văn hóa bản địa.

Tại TP. Cần Thơ, Vietbank tiếp tục khẳng định vai trò là ngân hàng hiện đại, thân thiện, đồng hành cùng người dân địa phương thông qua các sản phẩm dịch vụ tài chính tiện ích và các hoạt động cộng đồng ý nghĩa. Việc tài trợ tổ chức lễ hội năm nay là minh chứng cho cam kết phát triển bền vững, gắn bó lâu dài và lan tỏa giá trị thương hiệu Vietbank đến với cộng đồng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

VIETBANK CHUNG TAY "HƯỚNG VỀ MIỀN TRUNG YÊU THƯƠNG" TRAO 3.600 SUẤT QUÀ CHO ĐỒNG BÀO VÙNG LŨ

Phát huy truyền thống "tương thân tương ái" tốt đẹp của dân tộc, từ ngày 28/11 đến 01/12, Vietbank đã triển khai chương trình thiện nguyện tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Gia Lai, những địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của mưa bão số 14 vừa qua.

Đoàn thiện nguyện của Vietbank đã trực tiếp đến thăm hỏi, động viên và trao tặng 3.600 suất quà, bao gồm gạo, balo học sinh và tiền mặt, được phân bổ đến các điểm bị ảnh hưởng nặng với mong muốn đem lại sự hỗ trợ thiết thực và kịp thời nhất.

Thăm hỏi và hỗ trợ người dân thiệt hại do bão số 14

VIETBANK TÀI TRỢ GIẢI PICKLEBALL VSDC MỞ RỘNG NĂM 2025 TẠI TP. HCM

Vietbank đồng hành cùng giải Pickleball VSDC mở rộng năm 2025

Tiếp tục khẳng định tinh thần đồng hành cùng cộng đồng, Vietbank vinh dự là nhà tài trợ cho Giải Pickleball VSDC mở rộng năm 2025 diễn ra tại TP. Hồ Chí Minh. Đây là sự kiện thể thao mang tính kết nối cao, thu hút đông đảo vận động viên và người yêu thích bộ môn Pickleball – môn thể thao đang phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam.

Thông qua hoạt động tài trợ, Vietbank không chỉ góp phần thúc đẩy phong trào rèn luyện sức khỏe mà còn quảng bá hình ảnh thương hiệu gắn liền với sự trẻ trung, hiện đại và gần gũi với cộng đồng. Sự kiện là minh chứng cho cam kết của Vietbank trong việc đồng hành cùng các hoạt động văn hóa – thể thao, góp phần xây dựng một xã hội năng động, tích cực và bền vững.

VIETBANK NHẬN BẰNG KHEN CỦA THỐNG ĐỐC NHNNVN VÌ ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÓA NHÀ TẠM, DỘT NÁT

Vietbank vinh dự được Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam trao bằng khen ghi nhận những đóng góp nổi bật cho an sinh xã hội và phát triển cộng đồng.

Chương trình "Chung tay xóa 1.000 căn nhà tạm, nhà dột nát" năm 2025 do Thống đốc NHNNVN phát động, là hoạt động giàu ý nghĩa nhân văn, góp phần khơi dậy tinh thần trách nhiệm của đoàn viên và người lao động ngành ngân hàng với cộng đồng. Đây cũng là hoạt động thiết thực đồng hành cùng Chính phủ trong hiện thực hóa mục tiêu quốc gia, hướng đến việc cơ bản chấm dứt tình trạng nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025.

Hưởng ứng phong trào thi đua này, Vietbank đóng góp 550 triệu đồng, thể hiện cam kết lâu dài trong việc gắn kết hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội song hành cùng mục tiêu phát triển kinh doanh. Những mái ấm mới không chỉ giúp người dân yên tâm về nơi ở, mà còn tạo nền tảng để họ an cư, ổn định cuộc sống, yên tâm lao động sản xuất, vươn lên thoát nghèo, qua đó đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Song song, Vietbank triển khai nhiều dự án an sinh xã hội, hỗ trợ người dân vượt nghịch cảnh trong bão lũ. Cụ thể, đoàn thiện nguyện Vietbank đã trao tặng 3.600 suất quà gồm tiền mặt, gạo, balo học sinh cho bà con các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Gia Lai. Tổng giá trị chương trình gần 1 tỷ đồng, được phân bổ đến các điểm bị ảnh hưởng nặng với mong muốn đem lại sự hỗ trợ thiết thực, kịp thời nhất.

Hưởng ứng Thư kêu gọi của Ngân hàng Nhà nước, Vietbank đã đóng góp 500 triệu đồng hỗ trợ khẩn cấp cho đồng bào miền Trung, đồng thời CBNV Vietbank quyên góp hơn 350 triệu đồng thông qua Ủy ban MTTQ Việt Nam nhằm tiếp tục hỗ trợ các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam trao cho Vietbank là sự ghi nhận những nỗ lực của Vietbank trong việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững, đồng hành cùng Chính phủ bảo đảm an sinh xã hội, hướng đến tương lai giàu mạnh, văn minh.

Vietbank nhận bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ghi nhận những đóng góp tích cực trong chương trình xóa nhà tạm dột nát

VIETBANK TỔ CHỨC THÀNH CÔNG BUỔI ĐẤU GIÁ TỪ THIỆN, THU HƠN 450 TRIỆU ĐỒNG HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG

Ngày 16/12/2025, tại Hội trường Lim II, không khí dường như ấm áp hơn khi diễn ra Lễ phát động đấu giá tranh ủng hộ chương trình "Hướng về miền Trung yêu thương", một sự kiện không chỉ mang ý nghĩa kêu gọi ủng hộ, mà còn là nơi hội tụ của những tấm lòng sẻ chia, sự đồng cảm và tinh thần trách nhiệm sâu sắc với cộng đồng.

Chương trình nằm trong chuỗi hoạt động thiện nguyện do Vietbank triển khai, nhằm chung tay hỗ trợ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả thiên tai, từng bước ổn định và tái thiết cuộc sống. Lễ phát động đã thu hút sự tham gia của hơn 3.000 cán bộ nhân viên Vietbank tại 132 điểm giao dịch trên toàn hệ thống, kết nối trực tiếp và trực tuyến, tạo nên một không gian lan tỏa mạnh mẽ tinh thần sẻ chia và sự ấm áp của tình người.

Tại buổi lễ, ban lãnh đạo cùng tập thể Vietbank đã quyên góp qua tài khoản Công đoàn và trực tiếp tại sự kiện. Đặc biệt, chương trình đấu giá 13 tác phẩm nghệ thuật là tranh Thủy mặc của họa sĩ An Thư sáng tác đã tạo nên điểm nhấn đầy xúc động, thu về số tiền ủng hộ vượt kỳ vọng hơn 450 triệu đồng chỉ sau 2 giờ tổ chức.

Toàn bộ số tiền quyên góp sẽ được công khai minh bạch và chuyển vào tài khoản Công đoàn Vietbank để hỗ trợ các gia đình chịu thiệt hại nặng nề, người bị thương, mất mát về tài sản, hoa màu, gia súc, cũng như góp phần phục hồi các công trình dân sinh thiết yếu tại những khu vực bị ảnh hưởng.

Sau chương trình quyên góp này, Vietbank sẽ tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương, rà soát nhu cầu thực tế và xây dựng kế hoạch trao quà trực tiếp đến từng hộ dân gặp khó khăn tại các địa phương có chi nhánh Vietbank, bảo đảm hỗ trợ đúng người, đúng nhu cầu, kịp thời và thiết thực.

Quyên góp ủng hộ hướng về miền Trung yêu thương

19 NĂM

KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI

Vietbank luôn thích ứng với thị trường,
củng cố nội lực, nâng cao năng lực cạnh tranh,
nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch đáp ứng
nhu cầu ngày càng cao của khách hàng,
hướng tới phát triển bền vững.

KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô nêu trên Vietbank đạt một số chỉ tiêu kế hoạch được giao. Ban Điều hành Vietbank trân trọng báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025, như sau:

ĐVT: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	So với năm 2024		So với Kế hoạch năm 2025	
		Thực hiện 2024	Tăng/giảm	Kế hoạch năm 2025	% KH 2025
Tổng tài sản	196.771	162.855	33.916	180.000	109%
Tổng dư nợ cấp tín dụng (*)	108.440	93.637	14.803	112.000	96,8%
Tổng huy động vốn (**)	125.095	112.520	12.575	132.000	94,8%
Vốn điều lệ	10.769	7.139	3.630	10.000	108%
Lợi nhuận trước thuế	1.532	1.131	400	1.750	87,5%
Tỷ lệ nợ xấu	1,76%	1,86%	-0,1%	≤2,5%	Tuân thủ

(*) Tổng dư nợ cấp tín dụng bao gồm Cho vay khách hàng, Trái phiếu doanh nghiệp.
(**) Tổng huy động vốn bao gồm Huy động tiền gửi khách hàng, Phát hành giấy tờ có giá.

Các chỉ số hoạt động

ĐVT: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm
1 Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,42%	11,73%	1,69%
2 Khả năng thanh khoản			
» Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	18,51%	17,10%	1,41%
» Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	18,54%	18,24%	0,30%
» Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR)	57,81%	64,29%	-6,48%
3 Chất lượng tài sản			
» Tỷ lệ nợ xấu theo quy định NHNN (Theo TT31/NHNN)	1,76%	1,86%	-0,10%
4 Khả năng sinh lời			
» Lợi nhuận thuần sau thuế/Vốn CSH b/q (ROE)	11,45%	11,55%	-0,10%
» Lợi nhuận thuần sau thuế/Tổng tài sản b/q (ROA)	0,67%	0,60%	0,07%
» Thu nhập lãi cận biên lũy kế (NIM)	1,91%	1,92%	-0,01%

Tổng tài sản
196.771
TỶ ĐỒNG

Khép lại năm 2025, tổng tài sản của Vietbank **đạt 196.771 tỷ đồng, tăng trưởng 20,8%** so với đầu năm và **hoàn thành 109%** kế hoạch. Trong đó, tổng dư nợ cấp tín dụng chiếm 55,1% tổng tài sản. Danh mục tài sản tiếp tục được cơ cấu theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời và luôn duy trì ở mức 96%.

Tổng dư nợ cấp tín dụng
108.440
TỶ ĐỒNG

» Tổng dư nợ cấp tín dụng của Vietbank năm 2025 đạt 108.440 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm trước và hoàn thành 96,8% kế hoạch đề ra. Mức tăng trưởng này được kiểm soát chặt chẽ trong hạn mức cho phép của NHNN.

» Bên cạnh đó, Vietbank đã triển khai chiến lược mở rộng tín dụng một cách hiệu quả, cân đối danh mục cho vay hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất và những ngành ít chịu tác động từ suy thoái kinh tế như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, công nghệ cao, thương mại và dịch vụ...

» Công tác quản trị rủi ro được nâng cao với quy trình thẩm định chặt chẽ, giám sát nợ vay thường xuyên và kiểm soát chất lượng tài sản. Nhờ vậy, chất lượng tín dụng của Vietbank trong năm 2025 được cải thiện rõ rệt, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu luôn duy trì dưới mức 2,5%.

Tổng huy động vốn
125.095
TỶ ĐỒNG

Tổng vốn huy động (bao gồm tiền gửi của khách hàng và phát hành GTCG) đạt **125.095 tỷ đồng, tăng 11,2%** và hoàn thành 94,8% kế hoạch. Cơ cấu nguồn vốn luôn đa dạng, đảm bảo tính ổn định, an toàn thanh khoản, chi phí vốn ở mức hợp lý.

Vốn điều lệ
10.769
TỶ ĐỒNG

Trong năm 2025, Vietbank đã hai lần thực hiện tăng vốn điều lệ, đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển khi vốn điều lệ chính thức vượt ngưỡng 10.000 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2025, vốn điều lệ của Vietbank được nâng lên 10.769 tỷ đồng, tăng 50,8% so với cuối năm 2024 và hoàn thành 108% kế hoạch tăng vốn năm 2025 đề ra.

Việc tăng vốn không chỉ nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn theo quy định của NHNN, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược dài hạn của Vietbank trong việc nâng cao năng lực quản trị, củng cố nền tảng tài chính vững chắc, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Với quy mô vốn mới, Vietbank chính thức gia nhập nhóm các ngân hàng tại Việt Nam có vốn điều lệ trên 10.000 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế
1.532
TỶ ĐỒNG

Năm 2025, Vietbank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 1.532 tỷ đồng, tăng trưởng 35,4% so với năm 2024. Con số này không chỉ vượt mốc 1.500 tỷ đồng, mức cao nhất trong vòng 5 năm qua mà còn hoàn thành 87,5% kế hoạch do HĐQT đề ra.

Trong năm 2025, ngân hàng duy trì tuân thủ đầy đủ các giới hạn và tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, với hệ số an toàn vốn (CAR) đạt 13,42%.

KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 (tiếp theo)

Đáng chú ý, Vietbank đang triển khai kế hoạch chuyển niêm yết cổ phiếu từ UPCOM sang HOSE, dự kiến hoàn tất muộn nhất vào Quý II/2026. Đây được xem là bước đi chiến lược nhằm nâng cao chuẩn mực minh bạch và quản trị, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận dòng vốn từ nhà đầu tư tổ chức, khối ngoại và các quỹ đầu tư. Việc chuyển sàn cũng hứa hẹn cải thiện thanh khoản và nâng cao các chỉ số định giá như P/B, P/E cho cổ phiếu Vietbank.

Bên cạnh sự tăng trưởng các chỉ số về tài chính, Vietbank cũng chú trọng đến trách nhiệm xã hội và đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong bối cảnh mới. Năm 2025, ngân hàng đã được ghi nhận bởi nhiều tổ chức uy tín thông qua loạt giải thưởng danh giá: Platinum Correspondent Award – Danh hiệu Bạch kim dành cho Ngân hàng đại lý do HAB Bank trao tặng; Asian Technology Excellence Awards 2025 – Hạng mục Ngân hàng số do Tạp chí Asian Business Review bình chọn; Asia Pacific Enterprise Awards 2025 – Hạng mục Doanh nghiệp xuất sắc do Enterprise Asia trao tặng; cùng với danh hiệu Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2025 – Hạng mục Khối Doanh nghiệp vừa do Anphabe vinh danh.

Trong năm 2025, Vietbank cũng được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings đánh giá Vietbank ở mức B+ với triển vọng ổn định là sự ghi nhận của toàn hệ thống trong việc nâng cao năng lực quản trị và uy tín trên thị trường…

Những giải thưởng này không chỉ khẳng định vị thế của Vietbank trong ngành tài chính – ngân hàng, mà còn cho thấy sự cam kết mạnh mẽ trong việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy đổi mới công nghệ.

Tình hình đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản (Vietbank AMC)

Vietbank AMC được thành lập vào năm 2011 với các hoạt động chính là quản lý các khoản nợ vay, quản lý và khai thác tài sản đảm bảo nợ vay, quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo, tái cơ cấu các khoản nợ vay, mua và bán các khoản nợ cho các tổ chức tín dụng khác…

Kết quả hoạt động kinh doanh của Vietbank AMC năm 2025

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm
Tổng tài sản	205,3	4,7	200,6
Tổng doanh thu	13,7	5,8	7,9
Tổng chi phí	7,9	5,8	2,1
Lợi nhuận trước thuế	5,8	0,0	5,8
Lợi nhuận sau thuế	4,6	0,0	4,6

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Nâng cao năng lực tài chính và đảm bảo an toàn hoạt động

Vietbank xác định việc tăng vốn điều lệ là nhiệm vụ tiên quyết nhằm nâng cao hệ số an toàn vốn (CAR), tạo dư địa cho tăng trưởng tín dụng và gia tăng năng lực chống chịu trước các biến động thị trường. Đây là nền tảng cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược dài hạn.

Tối ưu hóa chi phí vốn thông qua đột phá CASA

Lấy chuyển đổi số làm đòn bẩy, Vietbank tập trung nâng cao trải nghiệm khách hàng và đa dạng hóa hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ số. Mục tiêu chiến lược là tạo bước tăng trưởng đột phá về tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn (CASA), giúp tối ưu hóa cấu trúc nguồn vốn và tiết giảm chi phí hoạt động.

Đổi mới sản phẩm theo định hướng khách hàng làm trọng tâm

Thay vì phương thức tiếp cận truyền thống, Vietbank chuyển dịch sang mô hình thiết kế giải pháp tài chính chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp. Các sản phẩm tín dụng được xây dựng trên nguyên tắc "Đúng đối tượng - Đúng nhu cầu", đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả cho khách hàng.

Linh hoạt trong quản trị rủi ro và mở rộng thị trường

Xây dựng khung quản trị rủi ro hiện đại, linh hoạt nhưng chặt chẽ. Vietbank chủ động thay đổi khẩu vị rủi ro để thích ứng với điều kiện mới, cho phép Ngân hàng nhạy bén nắm bắt cơ hội tại các phân khúc thị trường tiềm năng và các lĩnh vực kinh tế mới bên cạnh các mảng kinh doanh truyền thống.

Khẳng định cam kết và đồng hành cùng định hướng ngành

Chủ động trong công tác thông tin báo cáo và truyền thông chiến lược tới NHNN cùng các cơ quan quản lý. Vietbank cam kết thể hiện rõ vai trò tích cực và trách nhiệm trong lộ trình tái cơ cấu hệ thống, góp phần vào sự ổn định và phát triển chung của toàn ngành tài chính - ngân hàng.

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

- Tổng tài sản: **230.000 tỷ đồng.**
- Dư nợ tín dụng: **134.000 tỷ đồng** *(tùy thuộc vào chỉ tiêu tín dụng NHNN cấp cho Vietbank).*
- Huy động tiền gửi của khách hàng (bao gồm giấy tờ có giá): **155.000 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận trước thuế: **2.100 tỷ đồng.**
- Số lượng khách hàng: **437.600 khách hàng.**
- Tỷ lệ nợ xấu (Theo TT31/NHNN): **≤ 2,5%**.
- Tỷ lệ ROE: **13,5%.**

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

ĐVT: cổ phần

(i) Tổng số cổ phần

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
1.076.897.384	Cổ phần phổ thông	1.015.408.959	61.488.425

(ii) Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu (CP)	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (CP)	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
Cổ đông nội bộ	61.488.425	61.488.425	Hạn chế chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đảm nhiệm chức vụ tại Vietbank theo quy định tại điều 64 Luật Các Tổ chức tín dụng.
» Hội đồng Quản trị	61.488.425	61.488.425	
» Ban Kiểm soát	0	0	
» Tổng giám đốc	0	0	
Cổ đông khác	1.015.408.959	0	
Tổng cộng	**1.076.897.384**	**61.488.425**	

b) Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn	0	0	0
Cổ đông khác			
Cá nhân trong nước	2.187	390.836.538	36,29
Cá nhân nước ngoài	19	212.322	0,02
Tổ chức trong nước	20	685.844.858	63,69
Tổ chức nước ngoài	2	3.666	0,00
Tổng cộng	**2.228**	**1.076.897.384**	**100,00**

c) Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tiêu chí	Năm 2025
Vốn điều lệ	**7.139.413.290.000**
Phát hành cổ phiếu bổ sung	0
» Tăng vốn từ cổ đông chiến lược	0
» Tăng vốn từ các cổ đông hiện hữu	2.558.654.140.000
Tăng vốn từ cổ tức hàng năm	1.070.906.410.000
Phát hành trái phiếu/chứng quyền chuyển đổi	**0**
Tổng cộng	**10.768.973.840.000**

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác

Tiêu chí	Năm 2025
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	**0**
Phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP)	**0**
Tổng cộng	**0**

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Năm 2025, tổng tài sản Vietbank đạt 196.771 tỷ đồng, tăng 20,8% so với cuối năm 2024

Về kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025, tổng tài sản Vietbank đạt 196.771 tỷ đồng, tăng 20,8% so với cuối năm 2024 (mức tăng 33.916 tỷ đồng), phản ánh khả năng mở rộng quy mô vượt kỳ vọng. Lợi nhuận trước thuế (LNTT): 1.532 tỷ đồng, tăng trưởng tích cực so với năm 2024 (tăng 35,4% tương đương 401 tỷ đồng) và hoàn thành 87,5% kế hoạch năm 2025 (1.750 tỷ đồng). Các chỉ số tài chính của ngân hàng được cải thiện đáng kể và duy trì ở mức kiểm soát tốt, đặc biệt, nợ xấu được kiểm soát tốt ở mức 1,76%. Đồng thời, các tỷ lệ an toàn hoạt động đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN.

Vietbank cũng đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận lũy kế chưa phân phối đến hết năm 2024. Nâng vốn điều lệ lên mức 10.769 tỷ đồng, tăng 50,8% tương ứng 3.630 tỷ đồng so với đầu năm 2025.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh còn một số điểm cần phấn đấu để đạt hiệu quả hơn như: sự ổn định của danh mục tín dụng, sử dụng nguồn vốn trên thị trường 2, tăng thu thuần về dịch vụ, tăng nguồn vốn huy động không kỳ hạn và tăng số lượng khách hàng, tận dụng và khai thác tốt hệ thống CNTT hiện đại đã được trang bị vào việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

Về mạng lưới hoạt động

Năm 2025, Vietbank vẫn thực hiện rà soát và củng cố hệ thống mạng lưới hiện hữu đảm bảo tăng trưởng và hoạt động an toàn, hiệu quả.

Cơ sở vật chất và công nghệ thông tin

Vietbank vẫn tiếp tục duy trì và củng cố cơ sở vật chất để đảm bảo hoạt động kinh doanh thường xuyên, liên tục và an toàn. Bên cạnh đó, HĐQT và Ủy ban Chiến lược cũng chỉ đạo thực hiện rà soát lại các vấn đề của hệ thống core banking, thực hiện triển khai các dự án CNTT đảm bảo trải nghiệm giao dịch trực tuyến của khách hàng (dự án trực tuyến dành cho KHDN: Omni Channel; nâng cấp hệ thống Digital Banking cho KHCN...).

Về cơ sở vật chất, trụ sở hoạt động: bên cạnh việc củng cố cơ sở vật chất hiện có, Hội đồng Quản trị (theo thẩm quyền) đã quyết định đầu tư mở rộng trụ sở hoạt động của Chi nhánh Cần Thơ, đồng thời trình ĐHĐCĐ thông qua việc nhận chuyển nhượng Bất động sản là Tòa nhà LIM2 (62A CMT8, phường Xuân Hòa, TP.HCM).

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với kết quả kinh doanh năm 2025, Hội đồng Quản trị đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc là hoàn thành nhiệm vụ

Trong năm 2025, ngoài cuộc họp HĐQT hàng quý để thảo luận và có ý kiến đối với kết quả điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như việc thực hiện, triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hàng tháng, trên cơ sở báo cáo định kỳ của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT cũng đã xem xét, có ý kiến để Ban Tổng Giám đốc có các điều chỉnh giải pháp kinh doanh cụ thể và phù hợp.

Ngoài ra, định kỳ hàng tháng, Thường trực Hội đồng Quản trị họp giao ban mở rộng cùng Ban Điều hành và các Khối/Phòng/Ban, các Khu vực và các TTKD trên toàn hệ thống để nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc đối với hoạt động điều hành.

Với kết quả kinh doanh năm 2025, HĐQT đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc là hoàn thành nhiệm vụ.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026**

> **Kiện toàn nhân sự vị trí Tổng Giám đốc và bổ sung, tăng cường nhân sự cho Ban Tổng Giám đốc, các Khối, Khu vực đảm bảo công tác điều hành hoạt động ngân hàng**

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Trình ĐHĐCĐ thông qua triển khai việc tăng vốn điều lệ năm 2026 nhằm nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng.

HĐQT tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT trên cơ sở thực tế hoạt động của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, theo hướng tinh gọn và không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban cũng đi vào chiều sâu và thực chất hơn nhằm hỗ trợ, tham mưu tốt hơn cho hoạt động của HĐQT theo đúng định hướng.

Kiện toàn nhân sự vị trí Tổng Giám đốc và bổ sung, tăng cường nhân sự cho Ban Tổng Giám đốc, các Khối, Khu vực đảm bảo công tác điều hành hoạt động ngân hàng.

Tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành (BĐH) hoàn thiện mô hình tái cấu trúc hệ thống theo kế hoạch triển khai, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Vietbank phù hợp với thực tế hoạt động để đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Thực hiện quản trị ngân hàng theo đúng chuẩn mực, quy định của pháp luật về công ty đại chúng. Năm 2026, Vietbank sẽ tiếp tục hoàn tất thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chính thức sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Sở Giao dịch Chứng khoán cấp phép.

Chỉ đạo BĐH thực hiện các giải pháp kinh doanh để tăng trưởng theo đúng định hướng phát triển, đảm bảo đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026.

Chỉ đạo BĐH về công nghệ thông tin và ngân hàng số: hoạt động đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động an toàn, rà soát lại các nội dung các dự án để đánh giá và tiếp tục triển khai, phối hợp và hỗ trợ các khối, phòng ban để số hóa hoạt động và mang lại tiện ích cho khách hàng cũng như ngân hàng.

Chỉ đạo Ban Điều hành về công tác nhân sự: hoạt động đảm bảo chất lượng nhân sự đầu vào và năng suất lao động của toàn hệ thống, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Rà soát, củng cố hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu kinh doanh, tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có để tiết giảm chi phí, tổ chức khai thác các trụ sở chưa sử dụng hết nhằm tạo thêm nguồn thu cho ngân hàng.

Phối hợp, hỗ trợ Ban Kiểm soát để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ theo hướng: kiểm toán đồng hành với hoạt động kinh doanh để nhạn chế thấp nhất rủi ro.

BÁO CÁO CỦA **BAN KIỂM SOÁT**

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Năm 2025, Ban Kiểm soát thực thi chức năng, nhiệm vụ căn cứ vào các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát, định hướng phát triển của ngành ngân hàng, thông qua các hoạt động cụ thể sau:

Công tác giám sát của Ban Kiểm soát

Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Vietbank trong công tác quản trị, điều hành ngân hàng và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Thực hiện chức năng giám sát thông qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban của BĐH, các báo cáo của BĐH và các Hội nghị sơ kết tổng kết đánh giá hoạt động nhằm cập nhật tình hình phục vụ cho công tác kiểm soát và kiểm toán nội bộ.

Thực hiện các công tác giám sát khác theo quy định pháp luật được ban hành theo từng thời kỳ, các chỉ thị, hướng dẫn của NHNN, cơ quan quản lý liên quan đến vận hành hoạt động ngân hàng an toàn, tuân thủ pháp luật.

Công tác kiểm toán nội bộ

Về công tác kiểm toán nội bộ 2025: Ban Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán, đồng thời báo cáo chi tiết cho NHNN, trên cơ sở các định hướng, chỉ đạo và sự đồng thuận của Ban Kiểm soát trong quá trình triển khai thực hiện các đầu mục trọng điểm công việc như kế hoạch đã xây dựng. Các điểm bất cập, lỗi phát sinh trong hoạt động đã được chỉ ra trong từng báo cáo kiểm toán cùng với các kiến nghị chỉnh sửa. Công tác theo dõi khắc phục các kiến nghị sau kiểm toán được lưu ý và có sự phối hợp của các tuyến nghiệp vụ nhằm đảm bảo các vấn đề còn tồn tại được hoàn chỉnh, chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát không ngừng được nâng cao; đặc biệt ở khâu cảnh báo, ngăn chặn lỗi, sai phạm phát sinh.

Công tác tuyển dụng và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ kiểm toán viên được quan tâm thông qua các chương trình tuyển dụng nội bộ/bên ngoài, các buổi hội ý, sinh hoạt nghiệp vụ chuyên đề.

Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động; giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng như huy động vốn, sử dụng vốn, chất lượng tín dụng; giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư mua bán TSCĐ, hợp đồng giao dịch khác của TCTD thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT; giám sát thực hiện các chỉ thị/kiến nghị của NHNN, Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng,...

BÁO CÁO CỦA **BAN KIỂM SOÁT** (tiếp theo)

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 (tiếp theo)

Công tác khác

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cho cả niên độ tài chính của ngân hàng, báo cáo kết quả thẩm định tại ĐHĐCĐ thường niên.

Ban Kiểm soát thường xuyên chỉ đạo rà soát để ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát đề nghị để HĐQT quyết định chọn công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (EY) thực hiện kiểm toán độc lập BCTC và hệ thống KSNB đối với việc lập và trình bày BCTC của Vietbank và Công ty Vietbank AMC cho năm tài chính 2026.

Tham gia Hội nghị của NHNN về công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ; triển khai, giám sát tình hình thực hiện các chỉ đạo của Thống đốc NHNN trong công tác kiểm soát nội bộ.

Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát Vietbank hoạt động với 01 Trưởng ban và 2 thành viên, chỉ đạo trực tiếp tất cả các mặt hoạt động của Ban Kiểm toán Nội bộ.

Tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung các quy định của văn bản quy phạm pháp luật về hệ thống kiểm soát nội bộ để tiếp tục hoàn thiện quy chế hoạt động, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát trong năm 2026.

Ngoài ra, trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ thông qua việc:

- Tổ chức các phiên họp định kỳ/đột xuất theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát Vietbank;
- Tham dự các phiên họp của HĐQT, BĐH để cập nhật và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động ngân hàng.
- Trong phạm vi công việc được phân công, các thành viên triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo định hướng chung hoạt động của ngân hàng đã được các thành viên thống nhất trong từng phiên hội ý/họp Ban Kiểm soát.

Khuyến nghị đến HĐQT, BĐH trong công tác chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ cũng như hoạt động chung toàn hàng.

Về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát: trong năm 2025, Trưởng ban và các thành viên đã hoàn thành chức trách được giao; tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ/đột xuất; đã kịp thời hỗ trợ, có những chỉ đạo, định hướng sát với tình hình thực tế đối với hoạt động kiểm toán nội bộ; phối hợp với HĐQT, BĐH trong công tác quản trị điều hành hoạt động ngân hàng. Qua đó, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát nhằm triển khai đầy đủ kế hoạch hoạt động và các công việc liên quan theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Vietbank.

VỀ KẾT QUẢ **GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG**

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành năm 2025

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, BĐH theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BĐH.

HĐQT tổ chức các phiên họp định kỳ theo quy định, đã tổ chức các cuộc họp, ban hành các nghị quyết liên quan đến tổ chức hoạt động của Vietbank, đánh giá tình hình hoạt động và triển khai định hướng chung cho toàn ngân hàng. Các quyết định của HĐQT đều dựa trên ý kiến đề xuất tham mưu của bộ phận chuyên trách, ý kiến chuyên môn, sự giám sát độc lập của BKS, tuân thủ quy định về công bố thông tin, quy định về quản trị của công ty đại chúng.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Vietbank và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kết quả năm 2025 nhìn chung đã đạt được các chỉ tiêu quan trọng về mặt quy mô hoạt động nhưng chưa trọn vẹn do một số chỉ tiêu về lợi nhuận, dư nợ bình quân, biên độ lãi suất thuần bình quân (NIM) đều chưa đạt, một phần do tình hình kinh tế vĩ mô không thuận lợi, Vietbank phải cân đối giữa mục tiêu an toàn bền vững với tăng trưởng và hiệu quả. Tuy nhiên, nếu xét tổng thể quy mô hoạt động, toàn ngân hàng đã đạt được cột mốc quan trọng, cho thấy sự nỗ lực, chung sức của tập thể CBNV Vietbank dưới sự chỉ đạo, định hướng sát với thực tiễn hoạt động của HĐQT, sự quyết tâm trách nhiệm của Ban Điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Vietbank tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, cụ thể đã hoàn tất việc tăng vốn đạt mức 10.769 tỷ đồng tăng 3.630 tỷ đồng so với 31/12/2024, thông qua các phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Về kế hoạch kinh doanh: Tổng tài sản của Vietbank đạt 196.771 tỷ đồng hoàn thành 109% kế hoạch năm 2025 và tăng 20,8% so với cuối năm 2024. Tổng dư nợ cấp tín dụng đạt 108.440 tỷ đồng đạt 81% kế hoạch tăng trưởng, nằm trong hạn mức cho phép của NHNN. Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 80,5% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế cả năm 2025 Vietbank đạt 1.532 tỷ đồng hoàn thành 87,5% kế hoạch.

- Về an toàn hoạt động: Chất lượng tín dụng được cải thiện, nợ xấu được kiểm soát trong mức quy định của NHNN. Các chỉ số tài chính đều được cải thiện đáng kể: CAR đạt 13,42%, ROE đạt 11,45% (tương đồng so với năm trước), CIR thực hiện ở mức 47,72% tăng nhẹ so với năm trước.

- Về công tác kiểm soát và tính tuân thủ: Hoạt động của Vietbank tiếp tục được củng cố hoàn thiện trên cơ sở an toàn, bền vững, tuân thủ theo quy định quy định pháp luật hiện hành; hệ thống kiểm soát nội bộ tiếp tục được kiện toàn; ý thức tuân thủ, chấp hành trong quá trình vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ luôn được quan tâm nhắc nhở, cảnh báo và có biện pháp chế tài cụ thể nhằm hoàn thiện và giảm thiểu rủi ro. Tất cả được thực thi trên cơ sở 4 giá trị cốt lõi của Vietbank: Chính trực, Hiệu quả, Am hiểu và Tuân thủ.

VỀ KẾT QUẢ
GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG (tiếp theo)

HĐQT đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh của Vietbank và xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động.

Trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT, BĐH đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng; chấp hành các quy định của NHNN về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, các quy định, hướng dẫn, chỉ thị của NHNN về tổ chức vận hành thị trường vốn thị trường tiền tệ tín dụng, hoạt động kiểm soát nội bộ... trong từng thời kỳ.

HĐQT, BĐH luôn có sự hỗ trợ, kết hợp, tương tác xuyên suốt với Ban Kiểm soát trong công tác giám sát hoạt động của Vietbank, ghi nhận và triển khai thực hiện các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống, tuân thủ quy định Pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, BĐH

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, BĐH đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, của Vietbank và vì lợi ích chung của cổ đông. HĐQT, BĐH luôn tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Ban Kiểm soát được HĐQT, BĐH cung cấp các thông tin, tài liệu theo yêu cầu để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Thông qua hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với HĐQT, BĐH nhằm tăng cường công tác kiểm soát, giảm thiểu rủi ro. Các kiến nghị, đề xuất đã được ghi nhận và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Công tác giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Vietbank thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT

Đối với các hợp đồng mua sắm TSCĐ, dự án đầu tư, các giao dịch khác trong năm 2025, căn cứ kết quả giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, kết quả rà soát độc lập của KTNB, BKS xác nhận việc thực hiện các nghiệp vụ nêu trên tuân thủ theo đúng thẩm quyền phán quyết tương ứng với từng mức giá trị tài sản được quy định theo pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Vietbank.

ĐỊNH HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, định hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026 như sau:

» Đảm bảo tất cả các thành viên của Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo phân công, thống nhất của toàn ban, trên cơ sở phối hợp, chia sẻ thông tin hoạt động một cách kịp thời, các vấn đề phát sinh được trao đổi công khai để có sự thống nhất chung làm cơ sở thực hiện.

» Thông qua các tuyến báo cáo và cơ chế giám sát nội bộ, tăng cường và nâng cao hoạt động giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành Vietbank.

» Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 và HĐQT, BĐH đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Vietbank.

» Tiếp tục kết hợp chặt chẽ cùng với HĐQT, BĐH thông qua các chương trình hành động trọng điểm trong từng thời kỳ, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ trong hoạt động ngân hàng.

» Dựa trên 4 giá trị cốt lõi của ngân hàng, tăng cường, phát huy hiệu quả chức năng kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động Kiểm toán Nội bộ, nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những tồn tại, bất cập đặc biệt liên quan đến yếu tố con người, nhân sự chủ chốt để ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro hoạt động.

» Định hướng, chỉ đạo và giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của Vietbank, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

i. Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 và xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2027;

ii. Điều chỉnh, kiện toàn tổ chức nhân sự kiểm toán nội bộ và nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ mục tiêu cảnh báo rủi ro, ngăn chặn xảy ra rủi ro, thay vì chỉ nêu ra các sai phạm với từng vấn đề cụ thể

Kết luận của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ và kết quả thực hiện công tác giám sát, kiểm tra trong năm 2025, BKS có ý kiến như sau:

» HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định của Điều lệ Ngân hàng, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định của pháp luật có liên quan trong công tác quản trị điều hành ngân hàng.

» Hoạt động của Vietbank được triển khai trên cơ sở định hướng an toàn, thận trọng, phù hợp với bối cảnh kinh tế vĩ mô và thực tiễn hoạt động của ngành ngân hàng.

» Hệ thống kiểm soát nội bộ luôn được củng cố kiện toàn theo quy định của NHNN.

4 GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA VIETBANK

CHÍNH TRỰC

- Trung thực, minh bạch, công bằng
- Lời nói, hành động nhất quán
- Ưu tiên Khách hàng và Ngân hàng
- Không gian lận, không xung đột lợi ích

HIỆU QUẢ

- Tối ưu nguồn lực, tinh gọn quy trình
- Đúng tiến độ, hiệu quả cao
- Tạo giá trị bền vững cho Khách hàng và Ngân hàng

AM HIỂU

- Hiểu khách hàng, hiểu sản phẩm
- Hiểu quy định, hiểu thị trường
- Tư vấn đúng, quyết định đúng

TUÂN THỦ

- Tuân thủ pháp luật
- Tuân thủ quy trình
- Kiểm soát rủi ro
- Hành động trách nhiệm

THÔNG ĐIỆP
TỔNG GIÁM ĐỐC

Bước sang năm 2026, Vietbank xác định đây là năm trọng điểm khi Ngân hàng đang triển khai nhiều dự án quan trọng đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ cả về tư duy, mô hình vận hành và cách thức triển khai kinh doanh.

Ông LÊ THANH QUÝ NGỌC

Quyền Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý Đối tác!

Năm 2025 khép lại với nhiều dấu ấn quan trọng trong hành trình phát triển của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Vietbank. Trong bối cảnh thị trường tài chính ngân hàng nhiều biến động, Vietbank đã nỗ lực duy trì tăng trưởng ổn định, kiểm soát rủi ro hiệu quả và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý Đối tác, đây là động lực quan trọng giúp Vietbank đạt được những kết quả tích cực trong năm qua.

Trong năm 2025, Vietbank tập trung củng cố nền tảng tài chính, nâng cao chất lượng hoạt động và từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh theo hướng hiệu quả, bền vững. Các chỉ tiêu về tổng tài sản, tín dụng và huy động đều tăng trưởng; chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ. Đồng thời, ngân hàng đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nâng cấp hệ thống vận hành và triển khai các dự án trọng điểm như: phát triển Vietbank DigiBiz dành cho khách hàng doanh nghiệp, nâng cấp Vietbank Digital Plus cho khách hàng cá nhân, chuẩn hóa quy trình và từng bước triển khai Dự án Tái cấu trúc toàn diện.

Bước sang năm 2026, Vietbank xác định đây là năm trọng điểm khi Ngân hàng đang triển khai nhiều dự án quan trọng đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ cả về tư duy, mô hình vận hành và cách thức triển khai kinh doanh. Vietbank sẽ tập trung vào các trọng tâm chiến lược sau:

- Kiên định tăng trưởng gắn với an toàn và hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ rủi ro và nâng cao chất lượng tài sản.
- Đẩy mạnh tái cấu trúc toàn diện, bao gồm mô hình tổ chức, cơ chế vận hành, phân cấp quản trị và hệ thống quy trình theo hướng tinh gọn, hiệu quả, minh bạch.
- Chuyển đổi số gắn với chuẩn hóa và tối ưu hóa vận hành, phát triển mạnh năng lực dữ liệu, tự động hóa và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất và trải nghiệm khách hàng.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm, phát triển sản phẩm theo đúng nhu cầu, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường năng lực bán hàng toàn hệ thống.
- Nâng cao năng lực quản trị và trách nhiệm thực thi, gắn quyền hạn với kết quả, tăng cường kỷ luật và hiệu quả trong điều hành.
- Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa tổ chức, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, chủ động, trách nhiệm và đồng lòng trong triển khai chiến lược.

Bên cạnh đó, Vietbank sẽ tập trung hoàn thiện nền tảng dữ liệu, nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và mở rộng kênh phân phối nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Chúng tôi tin rằng, với nền tảng đã được xây dựng, cùng sự quyết tâm của toàn hệ thống, Vietbank sẽ từng bước chuyển mình mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả hoạt động và tiến gần hơn tới mục tiêu trở thành ngân hàng phát triển bền vững, được Khách hàng tin yêu, Đối tác tín nhiệm và Cổ đông hài lòng.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn và Vietbank rất mong tiếp tục nhận được sự đồng hành, tin tưởng của Quý vị trên chặng đường phía trước.

Trân trọng.

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2200269805-C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

LÊ THANH QUÝ NGỌC

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 1 năm 2007, sửa đổi lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 8 năm 2023. Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN của Ngân hàng được thay thế bổ sung như sau:

Giấy phép/Quyết định	Ngày cấp
Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN	Ngày 24 tháng 2 năm 2023
Quyết định số 1900/QĐ/NHNN	Ngày 12 tháng 9 năm 2024
Quyết định số 2758/QĐ/NHNN	Ngày 25 tháng 12 năm 2024
Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5	Ngày 24 tháng 6 năm 2025
Quyết định số 2778/QĐ/NHNN	Ngày 17 tháng 7 năm 2025
Quyết định số 1949/QĐ-QLGS5	Ngày 8 tháng 8 năm 2025
Quyết định số 05/QĐ-QLGS5	Ngày 3 tháng 2 năm 2026
Quyết định số 179/QĐ-NHNN	Ngày 5 tháng 2 năm 2026

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ và mua bán vàng miếng, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.768.974 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.139.413 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (1) trụ sở chính, ba mươi (30) chi nhánh và một trăm lẻ hai (102) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	Quyết định số 3158/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của NHNN và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310898270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 6 năm 2011, thay đổi lần thứ 7 vào ngày 3 tháng 4 năm 2025.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	200 tỷ đồng Việt Nam	100%

Hoạt động chính của công ty con trong năm là quản lý các khoản nợ vay và tài sản đảm bảo nợ vay; quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo; tái cơ cấu các khoản vay; mua và bán các khoản nợ cho các tổ chức tín dụng khác.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Nhất Nguyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch kiêm thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Quách Tố Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hứa Ngọc Nghĩa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Thanh Quý Ngọc	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026
Bà Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026
Ông Phạm Linh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2026
Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2026
Bà Trần Thị Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 2 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Thúy Minh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2025 Miễn kiêm nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm đến ngày 2 tháng 2 năm 2026 là Bà Trần Tuấn Anh, Tổng Giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng từ ngày 2 tháng 2 năm 2026 đến ngày lập báo cáo này là Ông Dương Nhất Nguyên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng.

Ông Lê Thanh Quý Ngọc – Quyền Tổng Giám đốc được Ông Dương Nhất Nguyên, ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 52/2026/GUQ-CT.HĐQT ngày 2 tháng 2 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng và công ty con đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ông Lê Thanh Quý Ngọc
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA **KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín ("Ngân hàng") và công ty con được lập vào ngày 10 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 80, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ông Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Bà Hoàng Thị Hồng Minh

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt	**5**	**752.782**	**548.602**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	**6**	**3.932.930**	**7.024.700**
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		**51.514.898**	**35.921.200**
» Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	50.914.898	34.021.200
» Cho vay các TCTD khác	7.2	600.000	1.900.000
Chứng khoán kinh doanh		**-**	**340.337**
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**8**	**328.330**	**89.061**
Cho vay khách hàng		**103.772.418**	**92.493.074**
» Cho vay khách hàng	9	105.235.063	93.637.036
» Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.462.645)	(1.143.962)
Chứng khoán đầu tư		**29.131.152**	**22.417.404**
» Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	7.211.597	2.729.322
» Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	21.943.835	19.688.082
» Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	11.1	(24.280)	-
Tài sản cố định ("TSCĐ")		**3.903.389**	**698.874**
Tài sản cố định hữu hình	12	910.054	543.433
» *Nguyên giá TSCĐ*		1.536.523	1.125.997
» *Khấu hao TSCĐ*		**(626.469)**	**(582.564)**
Tài sản cố định vô hình	13	2.993.335	155.441
» *Nguyên giá TSCĐ*		3.261.505	385.100
» *Hao mòn TSCĐ*		(268.170)	(229.659)
Tài sản Có khác		**3.435.134**	**3.322.080**
» Các khoản phải thu	14.1	474.713	617.707
» Các khoản lãi, phí phải thu	14.2	2.738.336	2.560.595
» Tài sản Có khác	14.3	236.086	157.326
» Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.4	(14.001)	(13.548)
TỔNG TÀI SẢN		**196.771.033**	**162.855.332**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	**15**	**4.415.355**	**222.891**
Tiền gửi và vay các TCTD khác		**51.633.361**	**38.416.167**
» Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	49.208.283	33.042.361
» Vay các TCTD khác	16.2	2.425.078	5.373.806
Tiền gửi của khách hàng	**17**	**101.449.573**	**94.841.470**
Phát hành giấy tờ có giá	**18**	**23.645.110**	**17.678.260**
Các khoản nợ khác		**3.196.067**	**2.995.491**
» Các khoản lãi, phí phải trả	19.1	2.797.043	2.568.503
» Các khoản phải trả và công nợ khác	19.2	399.024	426.988
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**184.339.466**	**154.154.279**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD	**21.1**	**10.768.974**	**7.139.413**
Thặng dư vốn cổ phần	**21.1**	**(773)**	**(237)**
Quỹ của TCTD	**21.1**	**657.816**	**675.985**
Lợi nhuận chưa phân phối	**21.1**	**1.005.550**	**885.892**
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**12.431.567**	**8.701.053**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**196.771.033**	**162.855.332**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	*Số cuối năm Triệu đồng*	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bảo lãnh vay vốn	33.2	50	50
Cam kết giao dịch hối đoái	33.1	53.420.837	35.401.945
» *Cam kết mua ngoại tệ*		*3.084.594*	*3.330.715*
» *Cam kết bán ngoại tệ*		*927.886*	*83.194*
» *Cam kết giao dịch hoán đổi*		*49.408.357*	*31.988.036*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	33.2	14.254	21.773
Bảo lãnh khác	33.2	787.617	825.609
Các cam kết khác	33.2	15.081.702	8.804.949
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	33.3	1.229.087	930.391
Nợ khó đòi đã xử lý	33.4	395.536	381.176
Tài sản và chứng từ khác	33.5	204.611	212.919
TỔNG CỘNG		**71.133.694**	**46.578.812**

Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Lê Hà Cẩm Trang Kế toán tổng hợp	Bà Nguyễn Thị Thúy Minh Kế toán Trưởng	Ông Lê Thanh Quý Ngọc Quyền Tổng Giám đốc

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	11.980.393	9.721.857
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(8.653.813)	(6.910.284)
Thu nhập lãi thuần		**3.326.580**	**2.811.573**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		262.118	231.629
Chi phí hoạt động dịch vụ		(101.685)	(94.903)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**25**	**160.433**	**136.726**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**26**	**89.745**	**80.215**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**27**	**51.029**	**19.009**
Thu nhập từ hoạt động khác		6.520	463.620
Chi phí hoạt động khác		(11.755)	(9.780)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	**28**	**(5.235)**	**453.840**
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**3.622.552**	**3.501.363**
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**29**	**(1.728.781)**	**(1.565.226)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**1.893.771**	**1.936.137**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(362.262)	(804.839)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**1.531.509**	**1.131.298**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.1	(321.919)	(230.373)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**1.209.590**	**900.925**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**22**	**1.589**	**1.381**

Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Lê Hà Cẩm Trang Kế toán tổng hợp	Bà Nguyễn Thị Thúy Minh Kế toán Trưởng	Ông Lê Thanh Quý Ngọc Quyền Tổng Giám đốc

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		11.871.739	9.868.811
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(8.477.145)	(7.271.379)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	25	132.310	136.726
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		154.457	99.224
Chi phí khác chi trả		(11.375)	(9.335)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	28	4.837	463.175
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.896.833)	(1.358.889)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	20	(173.122)	(247.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**1.604.868**	**1.681.177**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản cho vay các TCTD khác		1.300.000	(1.900.000)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(9.397.691)	(2.240.993)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(239.269)	(69.213)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(11.598.027)	(12.882.606)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất		(19.299)	(463.175)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(73.770)	56.675
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		4.192.464	213.871
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		13.217.194	11.794.393
Tăng tiền gửi của khách hàng		6.608.103	4.845.755
Tăng phát hành giấy tờ có giá		4.551.720	5.966.090
(Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động		(37.195)	447.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		**10.109.098**	**7.449.332**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(3.076.748)	(443.142)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		509	324
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		**(3.076.239)**	**(442.818)**

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		2.558.119	934.706
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		2.500.000	1.000.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(1.084.870)	(839.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		**3.973.249**	**1.095.706**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		**11.006.108**	**8.102.220**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**30**	**44.594.502**	**36.492.282**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**30**	**55.600.610**	**44.594.502**

Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Lê Hà Cẩm Trang Kế toán tổng hợp	Bà Nguyễn Thị Thúy Minh Kế toán Trưởng	Ông Lê Thanh Quý Ngọc Quyền Tổng Giám đốc

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 1 năm 2007, sửa đổi lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 8 năm 2023. Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN của Ngân hàng được thay thế bổ sung như sau:

Giấy phép/Quyết định	Ngày cấp
Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN	Ngày 24 tháng 2 năm 2023
Quyết định số 1900/QĐ/NHNN	Ngày 12 tháng 9 năm 2024
Quyết định số 2758/QĐ/NHNN	Ngày 25 tháng 12 năm 2024
Quyết định số 1381/QĐ-QLGS5	Ngày 24 tháng 6 năm 2025
Quyết định số 2778/QĐ/NHNN	Ngày 17 tháng 7 năm 2025
Quyết định số 1949/QĐ-QLGS5	Ngày 8 tháng 8 năm 2025
Quyết định số 05/QĐ-QLGS5	Ngày 3 tháng 2 năm 2026
Quyết định số 179/QĐ-NHNN	Ngày 5 tháng 2 năm 2026

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ và mua bán vàng miếng, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.768.974 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.139.413 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (1) trụ sở chính, ba mươi (30) chi nhánh và một trăm lẻ hai (102) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.060 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.864 người).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (1) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	Quyết định số 3158/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của NHNN và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310898270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 6 năm 2011, thay đổi lần thứ 7 vào ngày 3 tháng 4 năm 2025.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	200 tỷ đồng Việt Nam	100%

Hoạt động chính của công ty con trong năm là quản lý các khoản nợ vay và tài sản đảm bảo nợ vay; quản lý hồ sơ tài

sản đảm bảo; tái cơ cấu các khoản vay; mua và bán các khoản nợ cho các tổ chức tín dụng khác.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007; Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và các lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3.3 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của đơn vị. Kết quả hoạt động của công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất một cách hợp lý kể từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác

nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, ngoại trừ các thay đổi sau:

Luật các Tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng. Các thay đổi chính bao gồm:

Về khoản vay đặc biệt:

» Ngân hàng Nhà nước quyết định cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng với hình thức có hoặc không có tài sản bảo đảm.

» Lãi suất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước là 0%/năm.

Về xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm:

» Luật hóa quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cho tổ chức tín dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

» Yêu cầu bắt buộc tổ chức tín dụng phải công khai thông tin trước khi thu giữ tài sản bảo đảm là động sản và chậm nhất 15 ngày đối với bất động sản.

» Quy định cụ thể các trường hợp tài sản của bên phải thi hành án đang dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu bị kê biên, xử lý.

» Cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của tổ chức tín dụng sau khi hoàn tất xác định chứng cứ.

Luật này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025. *Nghị định số 135/2025/NĐ-CP của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước (“Nghị định 135”).*

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 135, theo đó, bổ sung quy định đối với việc lập kế hoạch tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng, trong đó, việc phân phối lợi nhuận để lại của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có)

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp

3. Trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:

Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	*Mức tối đa*
10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ

4. Trích lập các quỹ dự phòng tài chính:

Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	*Mức tối đa*
10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối vào các mục 1, 2, 3 kể trên	Không quy định

5. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định theo quy định tại Điều lệ, quy chế tài chính, quy chế nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Nghị định 135 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2025.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN (“Thông tư 31”) do NHNN ban hành 30 tháng 6 năm 2024 và Nghị định 86/2024/NĐ-CP (“Nghị định 86”) quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.5.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Theo Thông tư 31, đối với các khoản tiền gửi tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 9 Điều 174 Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Ngân hàng phân loại các khoản tiền gửi này vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn và không phải điều chỉnh nhóm nợ theo danh sách khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“CIC”) cung cấp.

4.4 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một (1) dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 31 và Nghị định 86 như trình bày trong Thuyết minh 4.5.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác

4.5.1 Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 ngoại trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Nghị định 86.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		*Diễn giải*	*Tỷ lệ dự phòng cụ thể*
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%

3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thoả thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%
Nhóm nợ		*Phân loại nợ theo định lượng*	*Tỷ lệ dự phòng cụ thể*
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được. (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%

5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

4.5.2 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng các điều kiện của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ("Thông tư 01"), Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ("Thông tư 03") ngày 2 tháng 4 năm 2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ("Thông tư 14") ngày 7 tháng 9 năm 2021 do Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID - 19.

Thời điểm phát sinh khoản nợ	*Tình trạng quá hạn*	*Khoảng thời gian phát sinh quá hạn*	*Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ*
Trước 1/8/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020 hoặc nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu
Trước 23/1/2020	Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020
Từ 23/1/2020 đến 10/6/2020		Từ 23/1/2020 đến 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn
Từ 10/6/2020 đến 1/8/2021		Từ 17/7/2021 đến 7/9/2021	

Từ ngày 4 tháng 12 năm 2024, theo Thông tư 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53"), Ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời

hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn do bão số 3. Chính sách này áp dụng cho khách hàng cá nhân và tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) tại 26 tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ sẽ được thực hiện dựa trên đề nghị của khách hàng và khả năng tài chính của Ngân hàng:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	*Tình trạng quá hạn*	*Khoảng thời gian phát sinh quá hạn*	*Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ*
Trước 7/9/2024	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 7/9/2024 đến 31/12/2025	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 31 và Nghị định 86.

4.5.3 Trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ

Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo công thức sau: C = A – B

Trong đó:

C: Dự phòng cụ thể trích phải trích bổ sung;

A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 và Nghị định 86 (Thuyết minh 4.5.1);

B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định (Thuyết minh 4.5.2) và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 và Nghị định 86 (Thuyết minh 4.5.1).

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung C được Ngân hàng thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:

- Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14:
  - » Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - » Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 53:
  - » Đến thời điểm 31/12/2024: Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - » Đến thời điểm 31/12/2025: Trích thêm để đạt tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
  - » Đến thời điểm 31/12/2026: Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung

4.5.4 Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, Ngân hàng thành lập hội đồng xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5 hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4.6 Chứng khoán kinh doanh

4.6.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.6.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Dự phòng giảm giá cho các khoản chứng khoán kinh doanh được lập riêng cho khoản đầu tư có tổn thất. Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng các khoản chứng khoán kinh doanh nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này vào ngày kết thúc năm tài chính. Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở thực thu.

4.6.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

4.7.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

4.7.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục *"Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư"*.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh 4.5.

4.8 Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh 4.7.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định hữu hình đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vô hình đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 15 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 15 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

4.12 Thuê tài sản

4.12.1 Ngân hàng đi thuê

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.12.2 Ngân hàng cho thuê

Ngân hàng ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục *"Thu nhập từ hoạt động dịch vụ"* trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

4.13 Các khoản phải thu

4.13.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu, các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

4.13.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục *"Chi phí hoạt động khác"* trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.14 Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.15 Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá

Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá chịu rủi ro được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào *"Chi phí lãi và các chi phí tương tự"* theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.17 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.5.

Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.18 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.19 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục *"Chênh lệch tỷ giá hối đoái"* trên *"Vốn chủ sở hữu"* và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng kỳ hạn.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

4.20 Vốn cổ phần

4.20.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

4.20.2 Thặng dư vốn cổ phần

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

4.20.3 Các quỹ và dự trữ

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 và Nghị định 135/2025/NĐ-CP theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	*Mức tối đa*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không áp dụng

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

4.21 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31 và các khoản cho vay được cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Các doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Thu nhập khác

Các doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

Theo Nghị định 135/2025/NĐCP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước, thu nhập khác bao gồm thu từ các khoản nợ phải trả nay đã vô chủ hoặc không xác định được chủ nợ theo quy định của pháp luật được ghi tăng thu nhập; thu tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi

phạm hợp đồng được hạch toán vào thu nhập; thu tiền bảo hiểm được bồi thường được hạch toán vào thu nhập sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng sẽ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.22 Hoạt động mua, bán nợ

Hoạt động mua, bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN ban hành ngày 17 tháng 7 năm 2015 và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 18/2022/TT-NHNN của NHNN ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2022 quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Hoạt động mua nợ

Khoản mua nợ được ghi nhận ban đầu theo giá mua, sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng rủi ro tín dụng. Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Đối với các khoản nợ được mua, Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Sau đó, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo Thông tư 31.

Hoạt động bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN ban hành ngày 17 tháng 7 năm 2015 và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 18/2022/TT-NHNN của NHNN ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2022 về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
  - » Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng.
  - » Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong năm.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm kế toán, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh số 40). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục *"Chênh lệch tỷ giá hối đoái"* trên tài khoản *"Vốn chủ sở hữu"* và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối năm tài chính.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.25 Bù trừ

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.26 Lợi ích của nhân viên

4.26.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.26.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.26.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp

4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng và Công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và Công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và Công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng và Công ty con là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.29 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

» Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

» Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

» Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;

b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động:

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

» Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

» Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

» Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.30 Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng và Công ty con trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng và Công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Ngân hàng và Công ty con sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng cho chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

5. TIỀN MẶT

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bằng VND	712.291	490.993
Bằng ngoại tệ	40.491	57.609
	752.782	**548.602**

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ("NHNN")

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bằng VND	3.804.140	6.967.475
Bằng Đô la Mỹ	128.790	57.225
	3.932.930	**7.024.700**

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	31/12/2025 %	*31/12/2024 %*
Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng VND	3,00	3,00
Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ	8,00	8,00
Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên bằng VND	1,00	1,00
Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ	6,00	6,00

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNN Việt Nam như sau:

	31/12/2025 %/năm	*31/12/2024 %/năm*
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND và ngoại tệ	0,00	0,00

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD") KHÁC

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Tiền gửi không kỳ hạn	**1.192.882**	**1.474.084**
Bằng VND	81.696	91.611
Bằng ngoại tệ	1.111.186	1.382.473
Tiền gửi có kỳ hạn	**49.722.016**	**32.547.116**
Bằng VND (*)	45.283.210	28.536.990
Bằng ngoại tệ	4.438.806	4.010.126
	50.914.898	**34.021.200**

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác vào thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2025 %/năm	*31/12/2024 %/năm*
Tiền gửi không kỳ hạn		
Bằng VND	0,00	0,00
Bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn		
Bằng VND	0,00 - 10,00	0,00 - 6,00
Bằng ngoại tệ	3,75 - 4,35	4,75 - 5,10

(*) Bao gồm là khoản tiền gửi đối với một Quỹ tín dụng nhân dân bị kiểm soát đặc biệt với lãi suất 0% theo chủ trương của NHNN chi nhánh Khu vực 14 (trước đây là NHNN chi nhánh Sóc Trăng) với số tiền 66.000 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 66.000 triệu đồng).

7.2 Cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bằng VND	**600.000**	**1.900.000**

Mức lãi suất năm của cho vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2025 %/năm	*31/12/2024 %/năm*
Cho vay thương mại bằng VND	7,40 – 7,60	5,50

7.3. Tình hình phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn		
Tiền gửi có kỳ hạn	49.722.016	32.547.116
Cho vay các TCTD khác	600.000	1.900.000
	50.322.016	**34.447.116**

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	*Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)*	
		Tài sản Triệu đồng	*Nợ phải trả Triệu đồng*
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	25.232.428	328.330	-
	25.232.428	**328.330**	-
Số thuần		**328.330**	
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	14.947.377	89.061	-
	14.947.377	**89.061**	**-**
Số thuần		**89.061**	

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Cho vay các tổ chức kinh tế cá nhân trong nước	104.541.933	93.223.372
Các khoản trả thay khách hàng	2.725	42.524
Cho vay thấu chi	690.405	371.140
	105.235.063	**93.637.036**

Mức lãi suất năm của cho vay khách hàng vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	*31/12/2024 %/năm*
Bằng VND	0,50 - 29,25	0,30 - 29,25
Bằng ngoại tệ	4,00 - 6,70	4,00 - 7,40

9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn	101.077.955	90.288.767
Nợ cần chú ý	1.086.555	769.999
Nợ dưới tiêu chuẩn	589.361	583.717
Nợ nghi ngờ	329.790	496.483
Nợ có khả năng mất vốn	2.151.402	1.498.070
	105.235.063	**93.637.036**

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Triệu đồng	*%*	*Triệu đồng*	*%*
Nợ ngắn hạn	69.445.756	65,99	58.480.666	62,45
Nợ trung hạn	15.437.067	14,67	17.826.226	19,04
Nợ dài hạn	20.352.240	19,34	17.330.144	18,51
	105.235.063	**100**	**93.637.036**	**100**

9.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Triệu đồng	*%*	*Triệu đồng*	*%*
Hộ kinh doanh, cá nhân	53.775.933	51,10	44.006.464	47,00
Công ty TNHH khác	36.614.984	34,79	30.861.771	32,96
Công ty cổ phần khác	14.007.746	13,31	17.817.151	19,03
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	705.212	0,67	767.020	0,82
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	80.189	0,08	124.128	0,13
Khác	**50.999**	**0,05**	**60.502**	**0,06**
	105.235.063	**100,00**	**93.637.036**	**100**

9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Triệu đồng	*%*	*Triệu đồng*	*%*
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	53.775.933	51,10	44.006.464	47,00
Kinh doanh bất động sản	19.131.504	18,18	17.228.200	18,40
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7.496.502	7,12	7.075.900	7,56
Xây dựng	6.541.813	6,22	6.680.198	7,13
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	6.503.882	6,18	8.177.995	8,73
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.787.912	2,65	2.763.520	2,95
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.594.587	2,47	1.831.769	1,96
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.114.567	1,06	1.511.411	1,61
Các ngành nghề khác	5.288.363	5,02	4.361.579	4,66
	105.235.063	**100**	**93.637.036**	**100**

9.5 Phân tích dư nợ cho vay theo tiền tệ

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bằng VND	105.197.605	93.267.210
Bằng ngoại tệ	37.458	369.826
	105.235.063	**93.637.036**

10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	Thuyết minh	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	255.897	708.782
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	82.085	96.057
Trích lập dự phòng chung cho chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	24.280	-
		362.262	**804.839**

Kết quả phân loại nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng cần phải trích lập theo Nghị định 86, Thông tư 31 và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Phân loại	*Dư nợ Triệu đồng*	*Dự phòng cụ thể Triệu đồng*	*Dự phòng chung Triệu đồng*	*Tổng số dự phòng Triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn	101.077.955	-	758.085	758.085
Nợ cần chú ý	1.086.555	13.948	8.149	22.097
Nợ dưới tiêu chuẩn	589.361	32.485	4.420	36.905
Nợ nghi ngờ	329.790	44.241	2.473	46.714
Nợ có khả năng mất vốn	2.151.402	598.844	-	598.844
	105.235.063	**689.518**	**773.127**	**1.462.645**

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	*Dự phòng chung Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Số dư đầu năm	452.920	691.042	1.143.962
Trích lập dự phòng trong năm	255.897	82.085	337.982
Sử dụng dự phòng trong năm	(19.299)	-	(19.299)
Số dư cuối năm	**689.518**	**773.127**	**1.462.645**

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	*Dự phòng chung Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Số dư đầu năm	182.887	594.985	777.872
Trích lập dự phòng trong năm	708.782	96.057	804.839
Sử dụng dự phòng trong năm	(438.749)	-	(438.749)
Số dư cuối năm	**452.920**	**691.042**	**1.143.962**

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**7.211.597**	**2.729.322**
Trái phiếu Chính phủ	1.601.180	298.843
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước phát hành	2.405.033	2.430.479
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	3.205.384	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**21.943.835**	**19.688.082**
Trái phiếu Chính phủ	8.333.301	8.337.826
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước phát hành	11.061.412	7.500.000
Trái phiếu do TCTD trong nước phát hành	2.549.122	850.256
Tín phiếu NHNN	-	3.000.000
	29.155.432	**22.417.404**

11.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ (i)	1.601.180	298.843
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước khác phát hành (ii)	2.405.033	2.430.479
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành (iii)	3.205.384	-
	7.211.597	**2.729.322**

(j) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 10 năm đến 15 năm, lãi suất từ 2,30%/năm đến 2,90%/năm, lãi trả định kỳ hằng năm và gốc trả vào ngày đáo hạn.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước khác phát hành có thời hạn từ 7 tháng đến 1 năm, lãi suất từ 5,50%/năm đến 7,20%/năm, lãi trả định kỳ mỗi 6 tháng và gốc trả vào ngày đáo hạn.

(iii) Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành có thời hạn 18 tháng đến 4 năm, lãi suất từ 8,50%/năm đến 10,50%/năm, gốc trả vào ngày đáo hạn, lãi trả cuối kỳ hoặc định kỳ mỗi 6 tháng.

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

11.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

Tình trạng niêm yết của chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Trái phiếu Chính phủ		
» Niêm yết	1.601.180	298.843
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước khác phát hành		
» Chưa niêm yết	2.405.033	2.430.479
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành		
» Chưa niêm yết	3.205.384	-
	7.211.597	**2.729.322**

Biến động dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Số dư đầu năm	**-**	**-**
» Trích lập dự phòng trong năm	24.280	-
Số dư cuối năm	**24.280**	-

11.2 Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ (i)	8.333.301	8.337.826
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước khác phát hành (ii)	11.061.412	7.500.000
Trái phiếu do TCTD trong nước phát hành (iii)	2.549.122	850.256
Tín phiếu NHNN	-	3.000.000
	21.943.835	**19.688.082**

(i) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 10 năm đến 20 năm, lãi suất từ 2,10%/năm đến 3,60%/năm, lãi trả định kỳ hàng năm, gốc trả một lần vào ngày đáo hạn.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi do TCTD trong nước khác phát hành có thời hạn từ 6 tháng đến 13 tháng, lãi suất từ 5,20%/năm đến 7,70%/năm, lãi trả định kỳ hằng năm và gốc trả vào ngày đáo hạn.

(iii) Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành có thời hạn từ 2 năm đến 15 năm, lãi suất cố định/thả nổi từ 3,00%/năm đến 6,90%/năm, lãi trả định kỳ hàng năm, gốc trả một lần vào ngày đáo hạn.

Trong đó, Ngân hàng đang sử dụng một số trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị mệnh giá là 1.010.000 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: Ngân hàng đã sử dụng 1.200.000 triệu đồng trái phiếu Chính phủ và 28.000 triệu đồng trái phiếu do TCTD trong nước khác phát hành) để đảm bảo cho các khoản vay tại các TCTD khác và để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với NHNN (Thuyết minh số 32.2).

Tình trạng niêm yết của chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Mệnh giá Triệu đồng	*Giá trị ghi sổ Triệu đồng*	*Mệnh giá Triệu đồng*	*Giá trị ghi sổ Triệu đồng*
Trái phiếu Chính phủ	**8.290.000**	**8.333.301**	**8.290.000**	**8.337.826**
» Niêm yết	*8.290.000*	*8.333.301*	*8.290.000*	*8.337.826*
Chứng chỉ tiền gửi	**11.044.153**	**11.061.412**	**7.500.000**	**7.500.000**
» Chưa niêm yết	*11.044.153*	*11.061.412*	*7.500.000*	*7.500.000*
Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	**2.538.000**	**2.549.122**	**838.000**	**850.256**
» Niêm yết	538.000	549.122	538.000	550.256
» Chưa niêm yết	*2.000.000*	*2.000.000*	*300.000*	*300.000*
Tín phiếu NHNN	**-**	**-**	**3.000.000**	**3.000.000**
» Niêm yết	-	-	*3.000.000*	*3.000.000*
	21.872.153	**21.943.835**	**19.628.000**	**19.688.082**

Phân tích chất lượng chứng khoán (ngoại trừ trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN) theo nhóm nợ như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	5.610.417	2.430.479
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.610.534	8.350.256
	19.220.951	**10.780.735**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	*Thiết bị, dụng cụ quản lý Triệu đồng*	*Phương tiện vận tải Triệu đồng*	*Tài sản cố định hữu hình khác Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	624.193	304.056	166.706	31.042	1.125.997
Tăng do mua mới trong năm	371.213	6.624	-	3.680	381.517
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	22.406	16.615	11.522	-	50.543
Thanh lý, nhượng bán	(17.475)	(2.172)	(1.583)	(304)	(21.534)
Số dư cuối năm	1.000.337	325.123	176.645	34.418	1.536.523
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	257.027	161.990	136.437	27.110	582.564
Khấu hao trong năm	21.179	36.267	6.379	820	64.645
Thanh lý, nhượng bán	(16.739)	(2.114)	(1.583)	(304)	(20.740)
Số dư cuối năm	261.467	196.143	141.233	27.626	626.469
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	367.166	142.066	30.269	3.932	543.433
Số dư cuối năm	738.870	128.980	35.412	6.792	910.054

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 281.280 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 276.925 triệu đồng).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	*Phần mềm máy vi tính Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	43.131	341.969	385.100
Mua trong năm	2.629.360	499	2.629.859
Kết chuyển từ mua sắm TSCĐ	242.696	3.850	246.546
Số dư cuối năm	2.915.187	346.318	3.261.505
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	229.659	229.659
Hao mòn trong năm	392	38.119	38.511
Số dư cuối năm	392	267.778	268.170
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	43.131	112.310	155.441
Số dư cuối năm	2.914.795	78.540	2.993.335

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.855 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.380 triệu đồng).

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

14.1 Các khoản phải thu

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Tạm ứng cho nhân viên	104.859	56.898
Phải thu trong nghiệp vụ chuyển tiền	96.316	31.890
Đặt cọc thuê văn phòng	64.752	62.273
Ký quỹ, thế chấp và cầm cố (i)	53.332	52.384
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (ii)	48.413	330.020
Trả trước nhà cung cấp	25.604	22.914
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	24.153	15.253
Tài sản thiếu chờ xử lý	13.428	10.416
Tạm ứng xử lý tài sản đảm bảo	10.188	10.188
Tài sản nhận cấn trừ chưa chuyển quyền	12.300	12.300
Phải thu khác	21.368	13.171
	474.713	**617.707**
Dự phòng rủi ro các khoản phải thu	(14.001)	(13.548)
	460.712	**604.159**

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

14.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

(i) Ký quỹ, thế chấp và cầm cố:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Ký quỹ tổ chức Visa	51.761	**50.779**
Ký quỹ tổ chức Mastercard	1.254	1.229
Ký quỹ mua trái phiếu	317	376
	53.332	**52.384**

(ii) Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Chi phí cải tạo	12.202	34.700
Phần mềm máy vi tính	11.673	14.990
Máy móc, thiết bị	10.437	-
Bất động sản tại Quốc lộ 13, Khu phố 2, P. Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương	9.870	9.870
Mua sắm phương tiện vận tải	1.830	7.168
Quyền sử dụng đất tại Quận Tân Bình, Tp HCM	-	86.800
Quyền sử dụng đất tại Quận 3, Tp HCM	-	80.027
Quyền sử dụng đất tại P. Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp HCM	-	50.020
Quyền sử dụng đất tại Phường An Cư, Q.Ninh Kiều, Tp Cần Thơ	-	39.800
Tài sản khác	2.401	6.645
	48.413	**330.020**

Thay đổi khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Số dư đầu năm	330.020	35.834
Tăng trong năm	65.372	439.375
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.543)	(23.750)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(246.546)	(4.591)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(49.890)	(116.848)
Số dư cuối năm	**48.413**	**330.020**

14.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Lãi phải thu từ cho vay	1.944.351	2.053.697
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	580.759	345.606
Lãi phải thu từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	169.341	155.747
Lãi và phí phải thu khác	43.885	5.545
	2.738.336	**2.560.595**

14.3 Tài sản Có khác

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Chi phí chờ phân bổ (i)	183.497	91.372
Tài sản nhận cấn trừ (ii)	13.578	13.576
Công cụ, dụng cụ	12.724	12.557
Tài sản Có khác	26.287	39.821
	236.086	**157.326**

(i) Thay đổi khoản mục chi phí chờ phân bổ trong năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Số dư đầu năm	91.372	119.499
Tăng trong năm	1.004.422	569.397
Phân bổ trong năm	(912.297)	(597.534)
Số dư cuối năm	**183.497**	**91.362**

(ii) Chi tiết tài sản nhận cấn trừ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng và công ty con và đang chờ xử lý bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bất động sản	**13.578**	**13.576**

14.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Số dư dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Dự phòng tài sản Có khác		
» Tạm ứng xử lý tài sản đảm bảo	10.188	10.188
» Tài sản thiếu chờ xử lý	2.540	2.540
» Dự phòng tài sản Có khác	1.273	820
	14.001	**13.548**

15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Vay chiết khấu các giấy tờ có giá (i)	4.410.073	215.774
Vay tái cấp vốn hỗ trợ nguồn vốn cho vay nhà ở (ii)	5.282	7.117
	4.415.355	**222.891**

(i) Khoản vay chiết khấu các giấy tờ có giá tại thời điểm cuối năm là các khoản bán giấy tờ có giá cho NHNN với kỳ hạn 28 ngày đến 105 ngày với lãi suất 4,00%/năm đến 4,50%/năm.

(ii) Khoản vay tái cấp vốn hỗ trợ nguồn vốn cho vay nhà ở tại thời điểm cuối năm là khoản vay NHNN theo gói 30.000 tỷ đồng hỗ trợ bất động sản với lãi suất là 3,20%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,30%/năm).

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

16.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Tiền gửi không kỳ hạn	**1.677**	**1.297**
Bằng VND	1.677	1.297
Tiền gửi có kỳ hạn	**49.206.606**	**33.041.064**
Bằng VND	44.767.800	28.871.025
Bằng USD	4.438.806	4.170.039
	49.208.283	**33.042.361**

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi của các TCTD khác vào thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2025 %/năm	*31/12/2024 %/năm*
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5,35 - 9,70	3,90 - 6,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng USD	3,80 - 4,30	4,75 - 5,24

16.2 Vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bằng VND	2.400.000	5.300.000
Bằng USD	25.078	73.806
	2.425.078	**5.373.806**

Mức lãi suất năm của các khoản tiền vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2025 %/năm	*31/12/2024 %/năm*
Bằng VND	5,30 - 6,20	5,50 - 6,20
Bằng USD	4,31	5,38

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

17.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Tiền gửi không kỳ hạn	**4.444.077**	**4.596.959**
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	4.401.032	4.549.855
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	43.045	47.104
Tiền gửi có kỳ hạn	**8.760.617**	**7.974.942**
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	8.735.539	7.937.252
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	25.078	37.690
Tiền gửi tiết kiệm	**88.146.362**	**82.167.416**
Tiền gửi tiết kiệm bằng VND	86.664.735	81.662.846
Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	1.481.627	504.570
Tiền gửi ký quỹ	**97.955**	**95.918**
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	97.947	95.910
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	8	8
Tiền gửi vốn chuyên dùng	**562**	**6.235**
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	483	633
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	79	5.602
	101.449.573	**94.841.470**

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2025 %/năm	*31/12/2024 %/năm*
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,30 - 9,50	0,30 - 9,85
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	0,30 - 10,30	0,30 - 11,80
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	0,00 - 6,30	0,00 - 7,10
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	0,00 - 0,30	0,00 - 0,30
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	0,00	0,00

17 TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

17.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Triệu đồng	*%*	*Triệu đồng*	*%*
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	**9.000.873**	**8,86**	**7.757.034**	**8,18**
Công ty cổ phần khác	5.260.681	5,19	4.017.289	4,24
Công ty TNHH khác	1.727.755	1,70	1.639.999	1,73
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	714.389	0,70	562.878	0,59
Công ty Nhà nước	247.996	0,24	496.593	0,52
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	171.755	0,17	200.482	0,21
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tông số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong điều lệ của công ty	123.524	0,12	12.237	0,01
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc nhà nước giữ quyền chi phối	74.952	0,07	76.199	0,08
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	50.399	0,05	63.181	0,07
Công ty hợp danh	40.856	0,04	1.527	0,00
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	12.481	0,01	15.627	0,02
Doanh nghiệp tư nhân	8.540	0,01	2.903	0,00
Khác	567.545	0,56	668.119	0,70
Tiền gửi của cá nhân	**92.448.700**	**91,14**	**87.084.436**	**91,82**
	101.449.573	**100**	**94.841.470**	**100**

18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Phát hành giấy tờ có giá theo loại hình giấy tờ có giá như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Chứng chỉ tiền gửi dưới 1 năm	16.400.000	13.215.000
Chứng chỉ tiền gửi trên 5 năm	2.137.810	771.090
Trái phiếu trên 5 năm	5.107.300	3.692.170
	23.645.110	**17.678.260**

Mức lãi suất hàng năm của giấy tờ có giá đã phát hành tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %	*31/12/2024 %*
Chứng chỉ tiền gửi dưới 1 năm	5,50 - 6,60	5,50 - 6,20
Chứng chỉ tiền gửi trên 5 năm	7,70 - 7,80	7,80
Trái phiếu trên 5 năm	7,40 - 9,30	7,18 - 7,80

19. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

19.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Lãi phải trả cho tiền gửi	2.201.990	2.033.740
Lãi phải trả từ phát hành giấy tờ có giá	484.602	419.475
Lãi phải trả cho tiền vay	56.675	113.535
Lãi và phí phải trả khác	53.776	1.753
	2.797.043	**2.568.503**

19.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Các khoản phải trả nội bộ	**37.741**	**104.799**
Các khoản phải trả công nhân viên	17.247	91.651
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	20.494	13.148
Các khoản phải trả bên ngoài	**361.283**	**322.189**
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	221.737	70.055
Các khoản chờ thanh toán	77.804	188.555
Thu nhập từ phí bảo lãnh chờ phân bổ	19.058	16.434
Phải trả trong nghiệp vụ chuyển tiền	21.809	46.374
Các khoản phải trả khác	20.875	771
	399.024	**426.988**

(i) Biến động tăng/(giảm) của Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Số dư đầu năm	**13.148**	**72.283**
Trích lập quỹ trong năm	37.195	30.000
Hoàn nhập quỹ chưa chi trả	19.893	-
Sử dụng quỹ trong năm	(49.742)	(89.135)
Số dư cuối năm	**20.494**	**13.148**

20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm Triệu đồng	*Phát sinh trong năm*		*Số cuối năm Triệu đồng*
		Số phải nộp Triệu đồng	*Số đã nộp Triệu đồng*	
Thuế giá trị gia tăng	1.448	22.827	(22.024)	2.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.661	321.919	(173.122)	209.458
Thuế thu nhập cá nhân	7.946	68.526	(66.444)	10.028
Các loại thuế khác	-	8.505	(8.505)	-
	70.055	**421.777**	**(270.095)**	**221.737**

20.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm kế toán. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và công ty con và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Tổng lợi nhuận trước thuế	**1.531.509**	**1.131.298**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Ngân hàng (20%)	306.302	226.260
Điều chỉnh tăng	***10.123***	***3.933***
Chi phí không được khấu trừ	10.123	3.933
Điều chỉnh giảm	**(54)**	**(29)**
Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS	-	(15)
Chuyển lỗ từ công ty con	(54)	(14)
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	**316.371**	**230.164**
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	75
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	**-**	**15**
Nộp thuế bổ sung từ các năm trước	5.548	194
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**321.919**	**230.373**

21. VỐN VÀ CÁC QUỸ

21.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và công ty con trong năm như sau:

	Vốn điều lệ Triệu đồng	*Thặng dư vốn Triệu đồng*	*Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng*	*Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng*	*Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	**7.139.413**	**(237)**	**256.558**	**419.427**	**885.892**	**8.701.053**
Tăng vốn góp trong năm	2.558.655	(536)	-	-	-	2.558.119
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	823.912	-	-	-	(823.912)	-
Tăng vốn từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	246.994	-	(246.994)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.209.590	1.209.590
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(37.195)	(37.195)
Trích lập quỹ	-	-	120.434	108.391	(228.825)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	**10.768.974**	**(773)**	**129.998**	**527.818**	**1.005.550**	**12.431.567**

Trong năm, Ngân hàng đã trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng đã phát hành thêm: (i) 107.090.641 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 7 năm 2025 và (ii) 255.865.414 cổ phiếu để tăng vốn từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, Ngân hàng đã ghi nhận tăng vốn điều lệ thêm 3.629.560.550.000 đồng từ mức 7.139.413.290.000 đồng lên mức 10.768.973.840.000 đồng.

21.2 Vốn điều lệ

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số cổ phiếu	*Giá trị Triệu đồng*	*Số cổ phiếu*	*Giá trị Triệu đồng*
Số cổ phiếu được phép phát hành	1.076.897.384	10.768.974	713.941.329	7.139.413
Số cổ phiếu đã phát hành	1.076.897.384	10.768.974	713.941.329	7.139.413
Cổ phiếu phổ thông	*1.076.897.384*	*10.768.974*	*713.941.329*	*7.139.413*
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành	1.076.897.384	10.768.974	713.941.329	7.139.413
Cổ phiếu phổ thông	*1.076.897.384*	*10.768.974*	*713.941.329*	*7.139.413*

Mệnh giá mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 đồng.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng và công ty con cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thông tin sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng và công ty con như sau:

	Năm nay	*Năm trước trình bày lại*
Lợi nhuận sau thuế *(triệu đồng)*	1.209.590	900.925
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi *(triệu đồng) (*)*	-	37.195
Lợi nhuận phân phối cho cổ phần phổ thông *(triệu đồng)*	1.209.590	863.730
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm *(cổ phiếu)*	761.227.781	625.642.183
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND)*	1.589	1.381

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, mệnh giá mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 đồng

(*) Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là số liệu đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, số liệu này chưa trừ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có quyết định từ Đại Hội đồng Cổ đông.

23. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	8.576.672	7.647.911
Thu lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.176.307	848.415
Thu nhập lãi tiền gửi	1.847.266	1.126.668
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	5.343	9.620
Thu khác từ hoạt động tín dụng	374.805	89.243
	11.980.393	**9.721.857**

24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Trả lãi tiền gửi	7.112.368	5.811.306
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.248.848	890.831
Trả lãi tiền vay	288.293	203.962
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	4.304	4.185
	8.653.813	**6.910.284**

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	**262.118**	**231.629**
Thu từ dịch vụ thanh toán và thẻ	131.909	188.697
Thu từ hoạt động dịch vụ	95.129	15.708
Thu khác	35.080	27.224
Chi phí hoạt động dịch vụ	**(101.685)**	**(94.903)**
Chi về dịch vụ thanh toán và thẻ	(67.425)	(80.553)
Chi về dịch vụ tư vấn	(14.581)	(9.089)
Chi về cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(181)	(210)
Chi khác	(19.498)	(5.051)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**160.433**	**136.726**

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**204.421**	**179.588**
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	144.406	99.860
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	60.015	79.728
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(114.676)**	**(99.373)**
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(61.488)	(31.017)
Chi về công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(53.188)	(68.356)
	89.745	**80.215**

27. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	60.085	21.212
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(9.056)	(2.203)
	51.029	**19.009**

28. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động khác	**6.520**	**463.620**
Thu từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro	4.837	463.175
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	509	324
Thu nhập khác	1.174	121
Chi phí hoạt động khác	**(11.755)**	**(9.780)**
Chi phí từ hoạt động khác	(10.961)	(8.801)
Chi phí thanh lý TSCĐ	(794)	(979)
	(5.235)	**453.840**

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay Triệu đồng	*Năm trước Triệu đồng*
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	**2.482**	**1.530**
Chi phí cho nhân viên	**841.956**	**759.118**
» Chi lương và phụ cấp	665.319	621.966
» Các khoản chi đóng góp theo lương	74.982	62.792
» Chi trợ cấp khác	101.655	74.360
Chi về tài sản	**444.221**	**409.192**
Trong đó:		
» Khấu hao và hao mòn TSCĐ	102.670	101.538
Chi phí hoạt động khác	**298.947**	**267.588**
Trong đó:		
» Công tác phí	10.550	9.491
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	**140.722**	**125.258**
Chi phí dự phòng (không bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán)	**453**	**2.540**
	1.728.781	**1.565.226**

30. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Tiền mặt	752.782	548.602
Tiền gửi tại NHNN	3.932.930	7.024.700
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	1.192.882	1.474.084
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	-	3.000.000
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba (3) tháng	49.722.016	32.547.116
	55.600.610	**44.594.502**

31. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	*Năm trước*
I. Số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	**2.990**	**2.667**
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương và thưởng	714.438	622.046
2. Thu nhập khác	101.655	74.360
3. Tổng thu nhập (1+2)	**816.093**	**696.406**
4. Tiền lương bình quân/tháng/người	19,91	19,44
5. Thu nhập bình quân/tháng/người	22,74	21,76

32. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THẾ CHẤP, CẦM CỐ

32.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố

Bảng dưới đây trình bày loại hình và giá trị tài sản thế chấp của các khoản cho vay khách hàng theo giá trị sổ sách vào thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Bất động sản	157.929.911	147.620.415
Giấy tờ có giá	28.818.579	22.163.111
Động sản	1.054.834	5.159.176
Tài sản đảm bảo khác	10.640.105	8.473.847
	198.443.429	**183.416.549**

32.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố

Mệnh giá các giấy tờ có giá của Ngân hàng và công ty con được đưa đi thế chấp, cầm cố vào thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Trái phiếu Chính phủ	1.010.000	1.200.000
Trái phiếu do các TCTD trong nước khác phát hành	-	28.000
	1.010.000	**1.228.000**

33. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

33.1 Cam kết giao dịch hối đoái

Cam kết giao dịch hối đoái là các khoản thanh toán mà Ngân hàng và công ty con sẽ thực hiện dựa trên các cam kết giao dịch ngoại tệ đã ký kết.

Giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác theo tỷ giá giao ngay xác định tại ngày giao dịch và sẽ được thực hiện thanh toán trong vòng hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch.

Giao dịch hoán đổi ngoại tệ là giao dịch giữa hai bên, bao gồm một giao dịch mua và một giao dịch bán cùng một lượng ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác, trong đó ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định tại ngày giao dịch.

Chi tiết các khoản cam kết giao dịch hối đoái của Ngân hàng và công ty con tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Các cam kết giao dịch hối đoái		
Cam kết mua ngoại tệ giao ngay	3.084.594	3.330.715
Cam kết bán ngoại tệ giao ngay	927.886	83.194
Cam kết giao dịch hoán đổi	49.408.357	31.988.036
	53.420.837	**35.401.945**

33.2 Cam kết tài trợ thương mại

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết giao dịch hối đoái, cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và công ty con ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và công ty con khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và một số cam kết bảo lãnh khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng và công ty con cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và nợ phải trả tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng và công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và công ty con đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào thời điểm cuối năm như sau

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị theo hợp đồng - Gộp Triệu đồng	*Tiền gửi ký quỹ Triệu đồng*	*Giá trị theo hợp đồng - Thuần Triệu đồng*	*Giá trị theo hợp đồng - Gộp Triệu đồng*	*Tiền gửi ký quỹ Triệu đồng*	*Giá trị theo hợp đồng - Thuần Triệu đồng*
Cam kết bảo lãnh vay vốn	**50**	**-**	**50**	**50**	**-**	**50**
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	14.701	(447)	14.254	25.743	(3.970)	21.773
Bảo lãnh khác	801.475	(13.858)	787.617	842.478	(16.869)	825.609
Cam kết khác	15.081.702	-	15.081.702	8.804.949	-	8.804.949
Nợ tiềm ẩn và cam kết	**15.897.878**	**(14.305)**	**15.883.573**	**9.673.170**	**(20.839)**	**9.652.331**
	15.897.928	**(14.305)**	**15.883.623**	**9.673.220**	**(20.839)**	**9.652.381**

Tình hình phân loại cam kết ngoại bảng theo Thông tư 31 và theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng và công ty con như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn		
Trong đó:		
» *Cam kết trong nghiệp vụ L/C*	*14.254*	*21.773*
» *Bảo lãnh khác*	*787.617*	*825.609*

33.3 Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

Chi tiết các khoản lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	**1.229.087**	**930.391**

33.4 Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi		
Nợ gốc	385.062	370.600
Nợ lãi	10.474	10.576
	395.536	**381.176**

33. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

33.5 Tài sản và chứng từ khác

Chi tiết các khoản tài sản và chứng từ khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Tài sản khác giữ hộ xác định được giá trị	168.787	187.844
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	12.300	12.300
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	23.524	12.775
	204.611	**212.919**

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và công ty con nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- » kiểm soát Ngân hàng và công ty con;
- » có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và công ty con;
- » có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và công ty con;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng và công ty con;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm như sau:

Mối quan hệ	*Nội dung giao dịch*	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Thành viên Hội đồng Quản trị	Gửi tiền KKH	232.889	202.047
	Gửi tiền gửi CKH	55.650	32.618
	Rút tiền gửi KKH	234.861	220.845
	Rút tiền gửi CKH	52.054	23.857
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	240	23
	Chi phí lãi tiền gửi CKH	1.328	704
Ban Tổng giám đốc	Gửi tiền KKH	194.846	109.938
	Gửi tiền gửi CKH	45.937	16.401
	Rút tiền gửi KKH	194.785	109.896
	Rút tiền gửi CKH	37.695	20.884
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	87	3
	Chi phí lãi tiền gửi CKH	990	723
	Thu tiền cho vay	5.363	-
	Thu nhập lãi cho vay	82	-
Ban Kiểm soát	Gửi tiền KKH	3.817	4.410
	Rút tiền gửi KKH	3.838	4.389

Mối quan hệ	*Nội dung giao dịch*	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	Ông Dương Nhất Nguyên - Chủ tịch	13.556	13.500
	Ông Nguyễn Hữu Trung - Phó Chủ tịch	8.222	4.083
	Bà Lê Thị Xuân Lan - Thành viên	778	744
	Bà Lương Thị Hương Giang - Thành viên	849	842
	Bà Quách Tố Dung - Thành viên	933	911
Thù lao của thành viên Ban kiểm soát		2.321	2.061
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc (*)	17.380	10.216
	Các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc	17.238	15.268
Các bên liên quan với Công ty con, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát			
Các cá nhân có liên quan với Công ty con	Tiền gửi KKH	2.076.273	832.407
	Tiền gửi CKH	445.390	85.000
	Rút tiền gửi KKH	2.078.181	833.504
	Rút tiền gửi CKH	259.042	75.450
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	22	13
	Chi phí lãi tiền gửi CKH	3.947	450
	Cho vay	238.641	41.050
	Thu tiền cho vay	88	467
	Thu nhập lãi cho vay	17.033	3.755
Các cá nhân là bên liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tiền gửi KKH	1.159.862	1.313.508
	Tiền gửi CKH	279.306	208.221
	Rút tiền gửi KKH	1.182.402	1.308.371
	Rút tiền gửi CKH	212.365	228.194
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	1.808	7.734
	Chi phí lãi tiền gửi CKH	1.505	1.150
	Cho vay	7.750	149.751
	Thu tiền cho vay	99.699	1.182
	Thu nhập lãi cho vay	5.401	7.602
Công ty TNHH Sỹ Phát	Tiền gửi KKH	121.399	47.707
	Rút tiền gửi KKH	121.400	47.708
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	-	1
Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm	Tiền gửi KKH	41.235	32.839
	Rút tiền gửi KKH	40.147	32.597
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	9	3
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Hoa Lâm	Tiền gửi KKH	39	31.037
	Rút tiền gửi KKH	40	31.040
Công ty TNHH bất động sản Hoa Phát	Tiền gửi KKH	97.537	41
	Rút tiền gửi KKH	97.540	44
Công ty CP Vi mạch điện tử Việt Vmicro	Tiền gửi KKH	763	51
	Rút tiền gửi KKH	270	573
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	1	1

Các bên liên quan với Công ty con, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (tiếp theo)

Mối quan hệ	*Nội dung giao dịch*	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Công ty TNHH 1TV First Family	Tiền gửi KKH	12	13
	Rút tiền gửi KKH	11	3
	Rút tiền gửi CKH	12	-
	Chi phí lãi tiền gửi CKH	12	-
Công ty TNHH Đầu tư Kỹ thuật Gia Thịnh	Tiền gửi KKH	40.041	40
	Rút tiền gửi KKH	40.041	41
Công ty cổ phần công nghệ Vidiva	Tiền gửi KKH	22.188	57.884
	Rút tiền gửi KKH	24.209	57.877
	Rút tiền gửi CKH	-	3.006
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	3	11
	Chi phí lãi tiền gửi CKH	-	6
Công ty TNHH Công nghệ y tế số Gia An	Tiền gửi KKH	-	7.967
	Rút tiền gửi KKH	-	9.229
	Chi phí lãi tiền gửi KKH	-	1
Thành viên Hội đồng quản trị	Số dư tiền gửi KKH	(2.623)	(4.591)
	Số dư tiền gửi CKH	(27.242)	(22.318)
	Dự chi lãi tiền gửi CKH	(404)	(309)
	Số dư cho vay	-	(126)
Ban Tổng Giám đốc	Số dư tiền gửi KKH	(1.000)	(1.168)
	Số dư tiền gửi CKH	(20.616)	(11.221)
	Dự chi lãi tiền gửi CKH	(250)	(99)
	Số dư cho vay	-	(196)
Ban Kiểm soát	Số dư tiền gửi KKH	(229)	(250)
	Số dư cho vay	-	(501)
Các bên liên quan với Công ty con, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát			
Các cá nhân có liên quan của Công ty con	Số dư tiền gửi KKH	(3.305)	(3.357)
	Số dư tiền gửi CKH	(205.253)	(15.000)
	Dự chi lãi tiền gửi CKH	(3.454)	(336)
	Số dư cho vay	226.878	19.493
	Dự thu lãi cho vay	6.308	39
Các cá nhân là bên liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Số dư tiền gửi KKH	(6.291)	(26.727)
	Số dư tiền gửi CKH	(98.728)	(25.360)
	Dự chi lãi tiền gửi CKH	(1.876)	(235)
	Dự chi lãi tiền gửi KKH	(0)	(0)
	Số dư cho vay	30.140	117.202
	Dự thu lãi cho vay	1.212	4.166
Công ty cổ phần công nghệ Vidiva	Số dư tiền gửi KKH	(208)	(2.226)
Công ty TNHH dược phẩm Hoa Lâm	Số dư tiền gửi KKH	(2.681)	(1.585)
Công ty TNHH tư vấn đầu tư Hoa Lâm	Số dư tiền gửi KKH	(10)	(10)

Các bên liên quan với Công ty con, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát(tiếp theo)

Mối quan hệ	*Nội dung giao dịch*	*Năm nay Triệu đồng*	*Năm trước Triệu đồng*
Công ty TNHH bất động sản Hoa Phát	Số dư tiền gửi KKH	(21)	(24)
Công ty CP vi mạch điện tử Việt Vmicro	Số dư tiền gửi KKH	(638)	(143)
Công ty TNHH 1TV First Family	Số dư tiền gửi KKH	(81)	(81)
	Số dư tiền gửi CKH	(350)	(350)
	Dự chi lãi tiền gửi CKH	(1)	(1)
Công ty TNHH đầu tư kỹ thuật Gia Thịnh	Số dư tiền gửi KKH	(2)	(1)

35. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và công ty con.

Ngân hàng và công ty con thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR") như sau:

(i) UBQLRR chịu trách nhiệm:

» Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng và công ty con;

» Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn;

» Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;

» Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao.

(i) UBQLRR báo cáo công việc cho Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức họp định kỳ hoặc họp bất thường nhưng tối thiểu 6 tháng phải họp một lần.

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng và công ty con đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con.

Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống phân loại nợ, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này được thiết lập phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà Nước.

Ngân hàng và công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng.

35.1 Rủi ro tín dụng

Chi tiết mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại thời điểm cuối năm của Ngân hàng và công ty con như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng		
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	3.932.930	7.024.700
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	51.514.898	35.921.200
Chứng khoán kinh doanh	-	340.337
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	328.330	89.061
Cho vay khách hàng - gộp	105.235.063	93.637.036
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	
» *Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán*	*7.211.597*	*2.729.322*
» *Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn*	*21.943.835*	*19.688.082*
Phí và lãi phải thu	2.738.336	2.560.595
Tài sản tài chính khác - gộp	158.708	84.274
	193.063.697	**162.074.607**
Các cam kết ngoại bảng		
Bảo lãnh vay vốn	50	50
Các cam kết trong thư tín dụng	14.254	21.773
Các cam kết bảo lãnh khác	787.617	825.609
	801.921	**847.432**
Tổng cộng mức độ rủi ro tín dụng	**193.865.618**	**162.922.039**

Phân loại của tài sản tài chính chịu rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu đồng	*Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu đồng*	*Đã quá hạn và đã bị giảm giá Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	3.932.930	-	-	3.932.930
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	51.514.898	-	-	51.514.898
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	328.330	-	-	328.330
Cho vay khách hàng - gộp	101.125.669	755.941	3.353.453	105.235.063
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	7.211.597	-	-	7.211.597
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn - gộp	21.943.835	-	-	21.943.835
Các khoản lãi, phí phải thu	2.738.336	-	-	2.738.336
Tài sản tài chính khác - gộp	158.708	-	-	158.708
Rủi ro tín dụng ngoại bảng	801.921	-	-	801.921
	189.756.224	**755.941**	**3.353.453**	**193.865.618**

Các tài sản tài chính không bị quá hạn và không bị giảm giá trị của Ngân hàng và công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 31; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng. Ngân hàng và công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng và công ty con đang nắm giữ đầy đủ các tài sản bảo đảm dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác.

35.2 Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định.

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại *Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 17.*

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn còn lại của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

- Tiền mặt, tiền gửi tại NHNN Việt Nam, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác); các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian nắm giữ dự kiến của danh mục chứng khoán kinh doanh, chứng khoán kinh doanh được nắm giữ trong ngắn hạn thu lợi nhuận do chênh lệch giá.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian nắm giữ hoặc đáo hạn thực tế tại thời điểm kết thúc năm tài chính của từng loại chứng khoán.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ Chính phủ và NHNN, các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác, khoản mục tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.

35. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

a) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

			Thời hạn định lại lãi suất					
	Quá hạn *Triệu đồng*	*Không chịu lãi* *Triệu đồng*	*Đến 1 tháng* *Triệu đồng*	*Từ 1 - 3 tháng* *Triệu đồng*	*Từ 3 - 6 tháng* *Triệu đồng*	*Từ 6 - 12 tháng* *Triệu đồng*	*Từ 1 - 5 năm* *Triệu đồng*	*Trên 5 năm* *Triệu đồng*	*Tổng cộng* *Triệu đồng*
Tài sản									
Tiền mặt	-	752.782	-	-	-	-	-	-	752.782
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	3.932.930	-	-	-	-	-	-	3.932.930
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	46.572.728	4.915.170	27.000	-	-	-	51.514.898
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	328.330	-	-	-	-	-	-	328.330
Cho vay khách hàng - gộp	4.157.108	-	12.609.582	29.102.989	18.307.669	29.490.035	10.862.284	705.396	105.235.063
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	836.154	1.257.988	1.900.000	10.972.301	4.248.201	9.940.788	29.155.432
Tài sản cố định	-	3.903.389	-	-	-	-	-	-	3.903.389
Tài sản Có khác - gộp	-	3.449.135	-	-	-	-	-	-	3.449.135
Tổng tài sản	**4.157.108**	**12.366.566**	**60.018.464**	**35.276.147**	**20.234.669**	**40.462.336**	**15.110.485**	**10.646.184**	**198.271.959**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	3.650.048	760.025	-	-	-	5.282	4.415.355
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	44.312.883	4.920.478	2.400.000	-	-	-	51.633.361
Tiền gửi của khách hàng	-	-	22.833.160	27.789.906	27.637.099	22.000.354	1.189.054	-	101.449.573
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	219.900	1.800.000	5.511.700	16.113.510	-	-	23.645.110
Các khoản nợ khác	-	3.196.067	-	-	-	-	-	-	3.196.067
Tổng nợ phải trả	**-**	**3.196.067**	**71.015.991**	**35.270.409**	**35.548.799**	**38.113.864**	**1.189.054**	**5.282**	**184.339.466**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	**4.157.108**	**9.170.499**	**(10.997.527)**	**5.738**	**(15.314.130)**	**2.348.472**	**13.921.431**	**10.640.902**	**13.932.493**

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng và công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa có đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các loại ngoại tệ khác. Tuy nhiên, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của Ngân hàng và công ty con lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD, EUR và các loại ngoại tệ khác. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh số 40.

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	USD được quy đổi Triệu đồng	*EUR được quy đổi Triệu đồng*	*Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tiền mặt	33.961	4.006	2.524	40.491
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	128.790	-	-	128.790
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	5.496.466	5.477	48.049	5.549.992
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(2.258.146)	-	(26.468)	(2.284.614)
Cho vay khách hàng - gộp	37.458	-	-	37.458
Tài sản Có khác - gộp	80.475	6	-	80.481
Tổng tài sản	**3.519.004**	**9.489**	**24.105**	**3.552.598**
Nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	4.463.884	-	-	4.463.884
Tiền gửi của khách hàng	1.545.014	3.483	1.340	1.549.837
Các khoản nợ khác	41.137	8	-	41.145
Tổng nợ phải trả	**6.050.035**	**3.491**	**1.340**	**6.054.866**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**(2.531.031)**	**5.998**	**22.765**	**(2.502.268)**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Tổng trạng thái tiền tệ	**(2.531.031)**	**5.998**	**22.765**	**(2.502.268)**

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các khoản nợ phải trả tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản nợ phải trả này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và công ty con phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, đồng thời Ngân hàng và công ty con cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và công ty con cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản bảo đảm hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng:

- Tiền mặt và Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc) được phân loại và thang kỳ hạn đến 1 tháng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này được nắm giữ trong ngắn hạn thu lợi nhuận do chênh lệch giá;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần, đầu tư tài sản cố định được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn;
- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN, các khoản tiền gửi, tiền vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác, các khoản tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, tài sản có khác và các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại vào thang kỳ hạn đến 1 tháng. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.

Bảng dưới đây thể hiện thời gian đáo hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Quá hạn		*Trong hạn*					
	Trên 3 tháng Triệu đồng	*Đến 3 tháng Triệu đồng*	*Đến 1 tháng Triệu đồng*	*Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng*	*Từ 3 - 12 tháng Triệu đồng*	*Từ 1 - 5 năm Triệu đồng*	*Trên 5 năm Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Tài sản								
Tiền mặt	-	-	752.782	-	-	-	-	752.782
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	3.932.930	-	-	-	-	3.932.930
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	46.948.898	4.539.000	27.000	-	-	51.514.898
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	232.570	26.486	69.274	-	-	328.330
Cho vay khách hàng - gộp	3.070.553	1.086.555	7.293.016	13.885.225	47.789.919	13.702.560	18.407.235	105.235.063
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	918.859	1.175.283	12.872.301	4.248.201	9.940.788	29.155.432
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	3.903.389	3.903.389
Tài sản Có khác - gộp	-	-	268.613	421.003	1.042.194	698.825	1.018.500	3.449.135
Tổng tài sản	**3.070.553**	**1.086.555**	**60.347.668**	**20.046.997**	**61.800.688**	**18.649.586**	**33.269.912**	**198.271.959**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	3.650.048	760.025	-	-	5.282	4.415.355
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	-	-	44.708.283	4.525.078	2.400.000	-	-	51.633.361
Tiền gửi của khách hàng	-	-	23.354.981	27.268.085	49.637.453	1.189.054	-	101.449.573
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	800.000	15.600.000	1.607.300	5.637.810	23.645.110
Các khoản nợ khác	-	-	1.002.689	794.315	1.199.397	63.885	135.781	3.196.067
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**72.716.001**	**34.147.503**	**68.836.850**	**2.860.239**	**5.778.873**	**184.339.466**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**3.070.553**	**1.086.555**	**(12.368.333)**	**(14.100.506)**	**(7.036.162)**	**15.789.347**	**27.491.039**	**13.932.493**

(d) Rủi ro giá cả thị trường khác

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

36. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước Triệu đồng	*Nước ngoài Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Tiền mặt	752.782	-	752.782
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	3.932.930	-	3.932.930
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	50.514.482	1.000.416	51.514.898
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	328.330	-	328.330
Cho vay khách hàng - gộp	105.235.063	-	105.235.063
Chứng khoán đầu tư - gộp	29.155.432	-	29.155.432
Các khoản phải thu - gộp	3.449.135	-	3.449.135
Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	4.415.355	-	4.415.355
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	51.633.361	-	51.633.361
Tiền gửi của khách hàng	101.416.501	33.072	101.449.573
Phát hành giấy tờ có giá	23.645.110	-	23.645.110
Các khoản phải trả và công nợ khác	3.196.067	-	3.196.067
Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**801.921**	**-**	**801.921**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

37.1 Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng và công ty con như sau:

	Miền Bắc Triệu đồng	*Miền Trung Triệu đồng*	*Miền Nam Triệu đồng*	*Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu đồng*	*Loại trừ Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
I. Doanh thu	**3.345.836**	**2.219.606**	**21.150.153**	**26.715.595**	**(14.202.058)**	**12.513.537**
Doanh thu lãi	3.302.760	2.199.127	20.680.564	26.182.451	(14.202.058)	11.980.393
Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	36.825	19.474	205.819	262.118	-	262.118
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	6.251	1.005	263.770	271.026	-	271.026
II. Chi phí	**2.957.466**	**2.022.067**	**19.841.838**	**24.821.371**	**(14.202.058)**	**10.619.313**
Chi phí lãi	2.715.619	1.812.131	18.328.121	22.855.871	(14.202.058)	8.653.813
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.463	6.719	84.488	102.670	-	102.670
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	230.384	203.217	1.429.682	1.863.283	-	1.863.283
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	**388.370**	**197.539**	**1.307.862**	**1.893.771**	**-**	**1.893.771**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	35.200	99	326.963	362.262	-	362.262
Kết quả kinh doanh trước thuế TNDN	**353.170**	**197.440**	**980.899**	**1.531.509**	**-**	**1.531.509**

37.1 Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Thông tin về các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Bắc Triệu đồng	*Miền Trung Triệu đồng*	*Miền Nam Triệu đồng*	*Loại trừ Triệu đồng*	*Tổng cộng Triệu đồng*
III. Tài sản					
1. Tiền mặt	162.008	121.047	469.727	-	752.782
2. Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	571	22.816	3.909.543	-	3.932.930
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	10.984	833	51.503.081	-	51.514.898
4. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	328.330	-	328.330
5. Cho vay khách hàng	16.543.478	9.132.573	79.559.012	-	105.235.063
6. Chứng khoán đầu tư	-	-	29.155.432	-	29.155.432
7. Tài sản cố định	17.766	22.809	3.862.814	-	3.903.389
8. Tài sản Có khác	434.187	148.486	2.889.019	(22.557)	3.449.135
Tổng tài sản	**17.168.994**	**9.448.564**	**171.676.958**	**(22.557)**	**198.271.959**
IV. Nợ phải trả					
1. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	4.415.355	-	4.415.355
2. Tiền gửi và vay của các TCTD khác	2	1.501	51.631.858	-	51.633.361
3. Tiền gửi của khách hàng	30.976.269	22.618.160	47.855.144	-	101.449.573
4. Phát hành giấy tờ có giá	725.740	361.480	22.557.890	-	23.645.110
5. Nợ phải trả khác	778.868	483.810	1.955.946	(22.557)	3.196.067
Tổng nợ phải trả	**32.480.879**	**23.464.951**	**128.416.193**	**(22.557)**	**184.339.466**

38. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

38.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Giá trị ghi sổ						
	Kinh doanh Triệu đồng	*Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng*	*Cho vay và phải thu Triệu đồng*	*Sẵn sàng để bán Triệu đồng*	*Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng*	*Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng*	*Giá trị hợp lý Triệu đồng*
Tài sản							
Tiền mặt	-	-	-	-	752.782	752.782	752.782
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	-	-	3.932.930	3.932.930	3.932.930
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	-	-	51.514.898	51.514.898	(a)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	328.330	328.330	(a)
Cho vay khách hàng	-	-	103.772.418	-	-	103.772.418	(a)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	7.187.317	-	7.187.317	(a)
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	21.943.835	-	-	-	21.943.835	(a)
Tài sản tài chính khác	-	-	2.897.044	-	-	2.897.044	(a)
Tổng tài sản	**-**	**21.943.835**	**106.669.462**	**7.187.317**	**56.528.940**	**192.329.554**	
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	4.415.355	4.415.355	(a)
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	-	-	-	-	51.633.361	51.633.361	(a)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	101.449.573	101.449.573	(a)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	23.645.110	23.645.110	(a)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	3.045.370	3.045.370	(a)
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**-**	**-**	**184.188.769**	**184.188.769**	

a) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan chức năng về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Mẫu B05/TCTD-HN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng và công ty con thuê văn phòng cho một số chi nhánh dưới dạng thuê hoạt động. Tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	*Số đầu năm Triệu đồng*
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	**588.904**	**607.390**
Trong đó:		
» Đến hạn trong 1 năm	141.015	185.414
» Đến hạn từ 1 đến 5 năm	377.995	358.651
» Đến hạn sau 5 năm	69.894	63.325

40. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM KẾ TOÁN

	31/12/2025 VND	*31/12/2024 VND*
USD	25.078	24.602
EUR	30.959	26.595
GBP	35.469	32.055
CAD	19.241	17.797
AUD	17.645	15.919
SGD	20.508	18.787
JPY	168	163
CHF	33.282	28.206
CNY	3.769	3.550
KRW	18	19

41. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Năm 2025, Ngân hàng đã trình bày lại các khoản mục dưới đây trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại năm 2024.

Khoản mục	*Đầu năm Triệu đồng (Số đã trình bày)*	*Điều chỉnh Triệu đồng*	*Đầu năm Triệu đồng (Trình bày lại)*
Năm 2024			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng phát hành giấy tờ có giá	6.127.090	(161.000)	5.966.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**7.610.332**	**(161.000)**	**7.449.332**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	1.000.000	1.000.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	(839.000)	(839.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**934.706**	**161.000**	**1.095.706**

42. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN HỢP NHẤT NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng

Thành phố Sóc Trăng, Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Lê Hà Cẩm Trang Kế toán tổng hợp	Bà Nguyễn Thị Thúy Minh Kế toán Trưởng	Ông Lê Thanh Quý Ngọc Quyền Tổng Giám đốc

DANH SÁCH MẠNG LƯỚI

TRUNG TÂM KINH DOANH		Địa chỉ
1.	**Chi nhánh Sóc Trăng**	**47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ**
2.	» PGD Mạc Đĩnh Chi	50 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ
3.	» PGD Kế Sách	35 Phan Văn Hùng, ấp An Ninh 1, xã Kế Sách, TP. Cần Thơ
4.	» PGD Mỹ Tú	84D Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, xã Mỹ Tú, TP. Cần Thơ
5.	**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**	**Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt và một phần tầng lửng tòa nhà số 62A CMT8, phường Xuân Hòa, TP.HCM.**
6.	» PGD Cao Thắng	90 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, TP.HCM
7.	» PGD Trần Quang Khải	188C Trần Quang Khải, phường Tân Định, TP.HCM.
8.	» PGD Khánh Hội	225 Khánh Hội, phường Vĩnh Hội, TP.HCM
9.	» PGD Bình Đăng	279 - 281 Liên Tỉnh 5, phường Bình Đông, TP.HCM
10.	» PGD Nguyễn Thị Thập	360A/5 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, TP.HCM
11.	» PGD Phú Mỹ Hưng	001 Khu phố Mỹ Hoàng – H5, Khu A, TT-ĐTM-NTP, phường Tân Hưng, TP.HCM
12.	» PGD Nguyễn Tri Phương	335 - 337 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, TP.HCM
13.	» PGD Lý Thường Kiệt	428 - 430 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM
14.	» PGD Nguyễn Thái Sơn	107 Nguyễn Thái Sơn, phường Hạnh Thông, TP.HCM
15.	» PGD Nguyễn Sơn	304 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, TP.HCM
16.	» PGD Bình Chánh	A11/5 - A11/6 QL1A, Ấp 1, xã Bình Chánh, TP.HCM
17.	» PGD Nguyễn Duy Trinh	538 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng, TP.HCM
18.	» PGD Trần Não	129 Trần Não, phường An Khánh, TP.HCM
19.	» PGD Nguyễn Tất Thành	11A Hoàng Diệu, phường Xóm Chiếu, TP.HCM
20.	» PGD Huỳnh Tấn Phát	698 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Mỹ, TP.HCM
21.	» PGD Võ Văn Ngân	118 Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, TP.HCM
22.	» PGD Hàng Xanh	171 Nguyễn Gia Trí, phường Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM
23.	» PGD Quang Trung	635 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, TP.HCM
24.	» PGD Lê Trọng Tấn	143 - 145 Lê Trọng Tấn và Số 78 Sơn Kỳ, phường Tân Sơn Nhì, TP.HCM
25.	» PGD Củ Chi	226 Tỉnh Lộ 8, Khu Phố 2, xã Tân An Hội, TP.HCM
26.	» PGD Phổ Quang	Khu GM – Số 119K Dự án Golden Mansion, số 119 Đường Phổ Quang, phường Đức Nhuận, TP.HCM
27.	» PGD Cộng Hòa	101D Cộng Hòa, phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM
28.	» PGD Nơ Trang Long	151 Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP.HCM
29.	» PGD Tân Phú	414 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, TP.HCM
30.	» PGD Điện Biên Phủ	406 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, TP.HCM
31.	**Chi nhánh Sài Gòn**	**Một phần Tầng 1 và một phần tầng Lửng, một phần Tầng 2 tòa nhà số 51 Nguyễn Cư Trinh, phường Cầu Ông Lãnh, TP.HCM**
32.	» PGD Bình Tân	70 - 72 đường số 17A, phường An Lạc, TP.HCM
33.	» PGD Trần Hưng Đạo	874 - 876 Trần Hưng Đạo, phường An Đông, TP.HCM
34.	» PGD Tân Quý	Một phần Tầng 1 và một phần Tầng 2 căn nhà số 143A Gò Dầu, phường Phú Thọ Hòa, TP.HCM
35.	» PGD Bàu Cát	96 - 98 - 100 Bàu Cát, phường Tân Bình, TP.HCM
36.	» PGD Lũy Bán Bích	Một phần phía trước căn nhà số 883 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, TP.HCM
37.	**Chi nhánh Chợ Lớn**	**36 - 38 Hậu Giang, phường Bình Tây, TP.HCM.**
38.	» PGD Bình Trị Đông	153 Đường số 7, phường An Lạc, TP.HCM
39.	» PGD Chánh Hưng	318 Bis Phạm Hùng, phường Bình Đông, TP.HCM
40.	» PGD Lê Đại Hành	109 - 111 Lê Đại Hành, phường Minh Phụng, TP.HCM
41.	» PGD Lý Thái Tổ	11A - 11B Hùng Vương, phường Chợ Quán, TP.HCM
42.	» PGD Hóc Môn	324 đường Lê Thị Hà, ấp Chánh 1, xã Hóc Môn, TP.HCM
43.	**Chi nhánh Tây Sài Gòn**	**Một phần tầng 1 và một phần tầng 2 số 346-348-350 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM**
44.	» PGD Nguyễn Ảnh Thủ	Một phần phía trước 10C/A Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, TP.HCM
45.	» PGD Lê Văn Khương	72 Lê Văn Khương, phường Thới An, TP.HCM
46.	**Chi nhánh Bắc Sài Gòn**	**299 Nguyễn Văn Trỗi, phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM**
47.	» PGD Lê Văn Việt	197 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú, TP.HCM
48.	» PGD Đinh Tiên Hoàng	Tầng trệt, lửng và lầu 1 số 96 Lê Văn Duyệt, phường Gia Định, TP.HCM
49.	» PGD Đỗ Xuân Hợp	519 Đỗ Xuân Hợp, KP6, phường Phước Long, TP.HCM
50.	**Chi nhánh Hà Nội**	**70 - 72 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội**
51.	» PGD Gia Lâm	01SH15 tòa L26M (S2-18), Ô đất B2-CT04 Dự án khu đô thị Gia Lâm – Vinhomes Ocean Park, xã Gia Lâm, TP. Hà Nội
52.	» PGD Mỹ Đình	Số B1-08A Khu chức năng đô thị Thành Phố Xanh, phường Từ Liêm, TP.Hà Nội
53.	» PGD Đội Cấn	279B - 279C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội
54.	» PGD Quán Thánh	62 Quán Thánh, phường Ba Đình, TP. Hà Nội
55.	» PGD Bắc Từ Liêm	39 Cầu Diễn, phường Xuân Phương, TP. Hà Nội
56.	» PGD Thanh Xuân	Số 160 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội
57.	» PGD Láng Hạ	35 phố Yên Lãng, phường Đống Đa, TP. Hà Nội
58.	» PGD Khâm Thiên	280 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP. Hà Nội
59.	» PGD Lê Thanh Nghị	56 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, TP. Hà Nội
60.	» PGD Lò Đúc	103 -105 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
61.	» PGD Lạc Trung	53 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội
62.	» PGD Tố Hữu	Một phần tầng 1, tòa CT2, Tòa nhà Bắc Hà C14, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội.
63.	» PGD Trung Hòa	Số 3 lô 11B Khu đô thị mới Trung Yên, phường Yên Hòa, TP. Hà Nội
64.	» PGD Thăng Long	85 - 87 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội
65.	» PGD Tây Hồ	Số LKC08, Dự Án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, phường Xuân Đỉnh, TP. Hà Nội
66.	» PGD Hà Thành	654 Tân Mai, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
67.	» PGD Hoàng Mai	Ô đất số 11 Dãy B, Lô TT3 Dự Án Khu ĐTM Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, TP. Hà Nội
68.	» PGD Nguyễn Văn Cừ	97 Hồng Tiến, phường Bồ Đề, TP. Hà Nội
69.	» PGD Hà Đông	SH-16, SH-19, SH-20 thuộc CC cao cấp H-CT2, ô đất H-CT2, khu căn hộ ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, TP. Hà Nội
70.	**Chi nhánh Hải Phòng**	**05 Lô 22B đường Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, TP. Hải Phòng**
71.	» PGD Trần Nguyên Hãn	268B Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, TP. Hải Phòng
72.	» PGD Bạch Đằng	199 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
73.	» PGD Ngô Quyền	25 Đà Nẵng, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
74.	» PGD Lạch Tray	Một phần Tầng 1 tòa nhà SHP Plaza, số 12 Lạch Tray, phường Gia Viên, TP. Hải Phòng
75.	» PGD Lê Chân	309 - 311 Tô Hiệu, phường Lê Chân, TP. Hải Phòng.
76.	**Chi nhánh Nghệ An**	**Tòa nhà Trung Đức, số 2 đường Lê Lợi, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An**
77.	» PGD Nguyễn Du	176 Nguyễn Du, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
78.	» PGD Lê Nin	Tầng 1 nhà chung cư A4 thuộc dự án chung cư phía Đông Đại lộ V.I Lê Nin, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.
79.	» PGD Chợ Vinh	95 Thái Phiên, Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
80.	» PGD Hưng Dũng	34 Đại Lộ Lê Nin, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

DANH SÁCH MẠNG LƯỚI

81.	**Chi nhánh Quảng Ngãi**	**473 - 475 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi**
82.	» PGD Tư Nghĩa	Tổ dân phố 3, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
83.	» PGD Mộ Đức	Khu dân cư 15, thôn Thạch Trụ Tây, xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi.
84.	» PGD Bình Sơn	450 Phạm Văn Đồng, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
85.	**Chi nhánh Đà Nẵng**	**119 - 121 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng**
86.	» PGD Thanh Khê	265 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
87.	» PGD Tân Chính	346 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
88.	» PGD Hùng Vương	158 Hùng Vương, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
89.	» PGD Chợ Mới	482 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng.
90.	» PGD Đống Đa	265 Đống Đa, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
91.	» PGD Sơn Trà	885 Ngô Quyền, phường An Hải, TP. Đà Nẵng
92.	» PGD Cẩm Lệ	221 Ông Ích Đường, phường Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
93.	**Chi nhánh Khánh Hòa**	**Tầng 1, tầng 2, tầng 3 căn nhà số 55A + 55/2 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**
94.	» PGD Vĩnh Phước	28 Đường 2 tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
95.	» PGD Ninh Hòa	274 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
96.	» PGD Vạn Ninh	18 Nguyễn Huệ, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
97.	**Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu**	**93 Nguyễn Thái Học, phường Tam Thắng, TP. HCM**
98.	» PGD Đông Xuyên	383 Đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP.HCM
99.	» PGD Bà Rịa	42 Bạch Đằng, phường Bà Rịa, TP.HCM
100.	» PGD Châu Đức	214 Hùng Vương, xã Ngãi Giao, TP.HCM
101.	**Chi nhánh Cần Thơ**	**26 - 28 Hòa Bình, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ**
102.	» PGD An Hòa	181 Nguyễn Văn Cừ, phường Cái Khế, TP. Cần Thơ
103.	» PGD Ninh Kiều	84 Đường 3/2, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
104.	» PGD Bình Thủy	202 Cách Mạng Tháng 8, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
105.	**Chi nhánh Long An**	**292 - 294 - 296 Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh**
106.	» PGD Bến Lức	54A Nguyễn Hữu Thọ, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
107.	» PGD Cần Giuộc	101 Quốc lộ 50, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh
108.	» PGD Đức Hòa	735 tỉnh lộ 825, xã Đức Hòa tỉnh Tây Ninh
109.	**Chi nhánh Đắk Lắk**	**160 - 162 - 164 Lê Hồng Phong, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**
110.	» PGD Buôn Hồ	446 - 448 Hùng Vương, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
111.	**Chi nhánh Đồng Nai**	**381 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.**
112.	**Chi nhánh Bình Dương**	**303A Đại lộ Bình Dương, phường Thủ Dầu Một, TP. HCM.**
113.	» PGD Thuận An	Ô 7, Lô A2, khu nhà thương mại Phú Hồng Lộc, đường 22 tháng 12, phường Thuận Giao, TP. HCM.
114.	» PGD Bến Cát	Số 249, đường Trục CĐT.03, phường Bến Cát, TP. HCM
115.	**Chi nhánh An Giang**	**95 Nguyễn Trãi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.**
116.	» PGD Châu Đốc	79 – 81 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang
117.	**Chi nhánh Vĩnh Phúc**	**289 Mê Linh, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ.**
118.	**Chi nhánh Đồng Tháp**	**12 Âu Cơ, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp**
119.	» PGD Hồng Ngự	56 – 58 Lê Hồng Phong, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
120.	**Chi nhánh Quảng Ninh**	**131 Đường 25/4, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh**
121.	» PGD Bãi Cháy	595 Hạ Long, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
122.	**Chi nhánh Quảng Nam**	**592 Hai Bà Trương, phường Hội An, TP. Đà Nẵng**
123.	**Chi nhánh Kiên Giang**	**164 – 166 - 168 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang**
124.	» PGD Kiên Lương	Nền 19 – 20 Lô L2, đường số 6, khu phố Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang
125.	» PGD Hà Tiên	01 Trần Hầu, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.
126.	**Chi nhánh Bình Định**	**112 Trần Phú, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai**
127.	» PGD Tam Quan	381 Quang Trung, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai
128.	**Chi nhánh Bắc Ninh**	**314 Trần Hưng Đạo, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh**
129.	**Chi nhánh Thanh Hóa**	**46 - 48 Trần Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa**
130.	**Chi nhánh Lâm Đồng**	**121 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**
131.	**Chi nhánh Cà Mau**	**295 - 297 Nguyễn Tất Thành, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau**
132.	**Chi nhánh Bình Phước**	**20 An Dương Vương, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.**

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Tp. Cần Thơ
Điện thoại: (0299) 388 6666 - Fax: (0299) 3615 666

1800 1122 | vietbank.com.vn